

Nguyễn Mạnh Cường

Văn hóa lối sống của người theo Hồi giáo



**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
& VIỆN VĂN HÓA**

**VĂN HOÁ - LỐI SỐNG
CỦA NHỮNG NGƯỜI THEO
HỒI GIÁO**

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

**VĂN HOÁ - LỐI SỐNG
CỦA NHỮNG NGƯỜI
THEO HỒI GIÁO**

**NXB VĂN HÓA THÔNG TIN - VIỆN VĂN HÓA
HÀ NỘI 2010**

Chương I

ĐẠO HỒI - LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

1.1. ĐẠO HỒI - NHỮNG NHẬN BIẾT CƠ BẢN

1.1.1. Hào quang Hồi giáo

Buổi sáng giống như bao buổi sáng, người tu sĩ mặc áo dài đứng trên tháp cao của thánh đường, đưa hai tay lên ngang trán, ngân nga câu kinh:

Ollohu Akbar!

Và những câu kinh khác có ý như sau:

Ollohu akbar! Thượng đế tối vĩ đại.

Tôi tin không có thượng đế nào khác ngoài thánh Ollohu.

Tôi tin Muhammad là sứ đồ (Rô Xun) của Ollohu.

Hãy đến cầu nguyện! Hãy đến cầu nguyện!

Hãy đến với sự vĩnh hằng! Hãy đến với sự vĩnh hằng!

Cầu nguyện tốt đẹp hơn giấc ngủ!

Cầu nguyện tốt đẹp hơn giấc ngủ!

Ollohu Akbar! Thượng đế tối vĩ đại!

Không có thượng đế nào khác ngoài Ollohu!

Có một sáng tinh sương nào đó, bùng mắt tinh đầy tại Alger, Bagda, Karachi, Kuala Lumpur... Người ta sẽ được nghe những lời kêu gọi kể trên vào các buổi sáng, trưa, chiều, tối... giờ giấc chạy theo chiếc kim đồng hồ xoay tròn như những vòng đời không bao giờ ngừng. Âm vang trầm bổng ấy từ nhiều thế kỷ nay vẫn cứ theo một cái nếp hần của bánh xe lịch sử để lại cho mai hậu. Đó cũng là dấu hiệu báo đến giờ cầu nguyện của các quốc gia theo đạo Hồi.

Khi nói tới Hồi giáo - đạo Hồi, chắc sẽ có nhiều người lầm tưởng đó là một thứ tôn giáo của Hồi Quốc. Song thực ra "Hồi Quốc" chỉ là một nước cộng hoà Hồi giáo được tổ chức trên lý tưởng căn bản của đạo Hồi và chỉ mới được thành lập từ sau Đại chiến thế giới lần thứ hai, hiện chiếm một phần đất của Ấn Độ.

Phát nguyên từ A Rập, Hồi giáo trên thế giới ngày nay đang quy tụ vào khoảng hơn một tỷ người, gồm đủ các dân tộc khác màu da, khác phong tục, khác ngôn ngữ, trải dài từ Á sang Âu, từ Phi sang Mỹ... Hồi giáo còn có mặt tại các quốc gia như: Thái Lan (3,4%), Philippine (4%), Afganistan (99,9%), Indonesia (93%), Việt Nam (0,2%)... Ngôn ngữ của các quốc gia Hồi giáo cũng khá đa dạng như: Tiếng Pháp, Anh, Mã Lai, Indonesia, Bruney... song vẫn giữ nguyên danh từ Islam của A Rập để chỉ định tôn giáo này. Ngay tại Việt Nam danh từ Islam vẫn được dùng thông dụng hơn trên thực tế trong giới đồng bào theo đạo Hồi. Nguyên nhân các kinh sách truyền bá đạo Hồi phần lớn vẫn dùng tiếng A Rập - thứ chữ đã dùng để diễn tả lời phán của Ollohu tức của ông Trời, của Thượng đế, trong thánh

kính Qu'ran. Do đó chỉ có chữ Islam mới gọi cho kẻ mộ đạo đầy đủ ý nghĩa của lòng tin, hướng về Đấng Tối cao duy nhất mà họ tôn thờ.

Do tính cách siêu việt và tùy thuộc vào quan niệm cá nhân của mọi tôn giáo, người ta thường hình dung một khung cửa sổ, xuyên qua đó, các tín đồ nhận thức mục tiêu của cuộc sống, ý nghĩa của linh hồn của bản thân, của đồng loại. Người tìm hiểu không những chỉ quan sát hình dáng và cách kiến tạo của khung cửa, mà còn phải nhận thức rõ ý nghĩa của đối tượng ở xa, nơi mà tâm mắt kẻ mộ đạo đang hướng vào để cầu nguyện với tấm lòng thành kính.

Đối với tín đồ Đạo Hồi, danh từ Islam bao gồm ý nghĩa một tôn giáo của Ollohu-ta-ala, của Thượng đế. Khi cấu tạo nên vạn vật, Thượng đế đã sắp xếp cho các mảnh lực của thiên nhiên tác động với nhau theo một lịch trình định sẵn một cách hoàn mỹ, không một ai có thể lẩn tránh được; vạn vật chỉ có việc tuân mệnh. Nhưng đồng thời, Thượng đế cũng ban ân cho những ai có trí khôn lanh lợi, nhận định Thiên mệnh và sức mạnh vạn năng của Ngài. Riêng đối với con người, nhiều gương sáng đã được tạo nên để con người cùng noi theo, nhất là về cách cư xử, tác phong của con người khi đơn độc, khi hoà nhập cùng cộng đồng xã hội, đối với đấng tối cao đã sáng tạo ra mình và với đồng loại xung quanh mình. Có một con đường sáng vạch sẵn để cho con người tiến tới. Song đặc biệt là bản chất của con người vốn có ý thức và tự do, nên con người có thể vâng hay không vâng mệnh. Do đó mà tự do vừa kể, lại biến thành một thứ trách nhiệm hết sức lớn lao. Con người sẽ không phải sống mãi trong công bằng,

bác ái như những vì sao kia đang xoay quanh vũ trụ. Con người sẽ phải cố gắng làm công việc đó. Thượng đế sẽ giành quyền thưởng phạt sau cùng. Những ai chịu khó theo đúng "Bốn phận" sẽ được ban phúc vô tận, bằng không sẽ phải chịu những trừng phạt vô lường. Tuy nhiên Thượng đế không phải để mặc cho nhân loại đắm chìm trong một tình trạng không định hướng. Trái lại, ngay khi đặt con người vào vòng vũ trụ, Thượng đế đã cho *Con Người* rõ thế nào là chính, thế nào là tà, phải hành động như thế này là đúng, phải tránh không làm việc kia vì như thế là sai trái... Theo đạo Hồi, chính A Đam là người lần đầu tiên đã nhận lấy sứ mạng này. Lịch sử loài người do đó đã bắt đầu với *Con Người - Xã hội Con Người*. Họ biết mình phải làm gì song lịch sử lại nối tiếp với con người mang những thiếu sót với bốn phận mình. A Đam đã lầm lỡ bất tuân, rồi lại đến những người thừa kế lãng quên một phần, đánh mất đi hoặc giả tạo cả những lời răn dạy của Thượng đế. Cho đến một ngày, nhân loại không còn giữ được một chút gì thuần túy về những gương sáng để noi theo. Thất bại của *Con Người* không phải là một sự phủ nhận công lý. Nó chỉ có ý nghĩa là một sự lẩn mò tìm kiếm chân lý trong đêm đen... Để cứu rỗi con người khỏi tình trạng bất định đó, Thượng đế đã khoan dung và chuyển xuống trần thế một công điệp thứ hai, một phép mầu, bộc lộ những quy tắc đạo lý vĩnh cửu cho nhân loại và cũng do đó, một vị thánh khác được chọn cử để phán truyền một lần nữa những chân lý cũ. Song lịch sử là những quá trình tái diễn không ngừng. Một lần nữa, xã hội *Con Người* lại lơ là, quên lãng xuyên tạc những gì chân chính đã được phán truyền. Và cứ như thế... không ai biết được, trong lịch sử nhân

loại đã có bao vị Thánh (Roxun) đã được đưa xuống trần gian. Song có điều chắc là trước sau gì lời phán truyền của Thượng đế luôn luôn giống nhau.

Qua thời gian, người ta còn giữ lại một số danh nhân, trong đó người được coi là những ngôi sao sáng nhất là Abraham, Moise và Jesu (không kể A Đam), hiện lưu lại nhiều tín đồ trên thế giới tạo thành những cộng đồng tôn giáo như: Do Thái, Thiên Chúa...

Công trình của Abraham là trung thành với ý niệm chỉ có một Thượng đế chế ngự vạn vật. Thuyết nhất thần do Abraham xây dựng nên, sẽ trường tồn mãi với những thế hệ mai sau. Từ đó, những Phật, những vị Thần, là những hình tượng do con người tạo ra, ít ra cũng đã có một phần loài người phủ nhận sự thờ phụng.

Cho đến Moise, những người hâm mộ đạo giữ trọn niềm tin chỉ có một Thượng đế, song sau đó, có một sai lầm chết người là họ chỉ tin những giáo điều của Thượng đế, chỉ áp dụng riêng cho họ mà thôi, chứ không phải cho toàn nhân loại.

Để sửa chữa lại sai lầm kể trên, Thượng đế mới đưa xuống trần thế một vị nữa, Jesu. Theo quan niệm Hồi giáo, Jesu chỉ là một người như tất cả những vị trước đã được Thượng đế chọn cử để ban giáo điều. Mặc dù đã có những phép màu hiển hiện, Jesu vẫn chỉ là một người, nhưng là một *Con Người* có tính chất siêu đẳng, rất riêng. Những tín đồ của Jesu, sau khi đã hưởng ân lộc của Thượng đế và quy tụ nhau lại thành một cộng đồng, song chỉ chuyên thờ phụng người có sứ mạng chuyển lại

lời phán truyền của Thượng đế. Họ say sưa để cao những lời phán truyền ấy.

Một lần nữa con người lại mắc phải lỗi lầm. Tuy vậy, Thượng đế không bao giờ hết lòng khoan dung độ lượng, đã cứu vãn tình thế bằng cách chọn cử lần cuối cùng một vị thánh (Roxun) đưa xuống trần gian, chuyển chân lý và công lý của Thượng đế, diễn dịch lại cho nhân loại, tạo thành một cộng đồng trung kiên, bảo tồn lấy những giáo điều của Thượng đế, đem truyền bá khắp nơi trên thế giới và sẽ tuân mệnh mọi hình thức diễn tả các giáo điều ấy. Vị thánh sau cùng này chính là Muhammad¹

Chân lý nhiệm màu, theo chiều hướng kể trên nguyên đã được phát hiện từ trước; điểm chính yếu là có tính cách sáng tạo trong trường hợp sau cùng này là ở chỗ bảo toàn và ứng dụng chân lý ấy vào cuộc sống nhân loại. Như vậy, đạo Hồi trên nguyên tắc vốn có từ thuở vô định, nhưng chỉ bắt đầu ở giai đoạn quyết định trong lịch sử loài người từ thế kỷ VII sau Công nguyên. Những điều răn của Thượng đế chỉ được bảo toàn xác thực và nguyên vẹn trong quyển thánh kinh Qu'ran mà thôi.

Những người nghe theo Muhammad lúc đầu chỉ bao gồm số cư dân của hai thành phố A Rập. Sau đó dần dà thu phục thêm được nhiều người khác, mở rộng bờ cõi tâm linh từ Âu sang Á, tạo thành một cộng đồng xã hội cùng hướng về một Thượng đế và chỉ phân biệt với phần còn lại của nhân loại ở chỗ họ chịu nhận những tín điều đã được phát hiện do Thiên khải. Những

¹ Xem thêm Dohamide: Hồi Giáo Nxb Bách Khoa. Sài Gòn, 1965.

người trong tập thể đó, tiếng Ả Rập gọi là Muslim - có nghĩa là những "kẻ tuân phục" cũng nghĩa là tuân phục Ollohu! tuân phục mệnh Trời. Sự xuất hiện và phát triển của nhóm này đã cụ thể hóa lý tưởng đạo Hồi trên thế giới, bằng những hành động liên tục có tổ chức, bắt đầu một kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người - Kỷ nguyên đạo Hồi.

1.1.2. Đạo Hồi buổi đầu.

Ả Rập là tâm điểm khởi phát của đạo Hồi, là một lãnh thổ mênh mông sa mạc cát trắng, nối liền châu Phi và châu Á. Máy chục năm gần đây, xe máy mới được vào lưu hành trên sa mạc, còn trước kia thì phương tiện vận chuyển chỉ có lạc đà. Nhiều ngọn núi đứng sừng sững dưới một sức nóng nung người gần như quanh năm, sông rạch khô cạn nhưng hể nơi nào có chút nước là có bóng cây xanh, nhất là cây chà là - một vài loại cây được chế biến làm đồ gia vị và con người tập trung quanh đó để sinh sống. Một số bộ lạc nay đây mai đó với cuộc đời du mục.

Muhammad Đấng khai sáng đạo Hồi, đã sinh trưởng trong bối cảnh như thế tại thành Makkah, vào khoảng năm 571 sau Công nguyên. Mẹ tên là Aminah, cha tên là Abdullah, thuộc một gia đình được trọng vọng và cũng như phần nhiều cư dân thành Makkah thời bấy giờ, Abdullah thường theo các đoàn thương gia đến các vùng lân cận buôn bán. Trong một chuyến đi buôn sau này, ông lâm bệnh và mất tại Yathrib, chưa kịp nhìn thấy mặt cậu con trai. Muhammad ra đời khi cha ông vừa qua đời nên gần suốt cuộc đời mình Ngài không thấy mặt cha. Vì khí hậu của Makkah không phù hợp với trẻ con, nên Muhammad được gửi đến một bà mẹ nuôi tên là Halimah sống ở vùng núi

Taif. Mãi tới 5 năm sau, Muhammad mới được trao lại cho mẹ đẻ. Song cũng không lâu sau, trong một chuyến đi viếng mộ chồng tại Madinah (Medinah), bà Aminah từ già cỗi đời. Muhammad được đưa về Makkah sống với ông nội là Abdal Mutalip. Tại đây, Muhammad được chăm sóc đầy đủ, nhưng chỉ được có 2 năm thì ông nội cũng qua đời. Muhammad được người chú tên là Abu TaLip đem về nuôi dưỡng. Hàng ngày Muhammad đi theo người em chú bác tên là A Li đi chăn cừu. Hiện tại người ta chưa rõ Muhammad có được đi học hay không? Song có điều chắc chắn là Muhammad được người chú dạy cho cưỡi ngựa bắn cung và sử dụng dao kiếm để có thể theo được các đoàn lái buôn qua những sa mạc đầy bất trắc.

Năm 25 tuổi theo lời khuyên của A Bu Ta Líp, Muhammad giúp một góa phụ tên là Kho Đi Giah đôn đốc đoàn lạc đà vận tải hàng hoá đến Xiry bán. Kho Đi Giah là một thương gia đang và giàu có nhất ở Makkah thời bấy giờ. Sự hợp tác doanh thương này kéo dài một thời gian thì Muhammad cưới Kho Đi Giah làm vợ (lúc đó bà Kho Đi Giah đã hơn 40 tuổi nhưng vẫn còn trẻ đẹp) và có được 6 đứa con gồm 4 gái 2 trai. Có một điều lạ là những đứa con trai của bà thường mất sớm.

Sau này Muhammad có cưới nhiều vợ khác, song chỉ có Kho Đi Giah thụ sinh thời đã giúp Muhammad rất nhiều trong việc đi tìm chân lý và niềm tin buổi đầu.

Thành Makkah nằm trong thung lũng hoang mạc, núi đá lởm chởm, khí hậu gay gắt, nhưng các đoàn thương buôn từ các vùng Nam A Rập thường tải các loại gia vị đi ngang qua đây để xuống bán cho các thành phố ở Xiry hoặc xa hơn nữa. Chính vì

thế mà Makkah sớm trở thành một trung tâm độc quyền thương mại giữa Ấn Độ Dương và Địa Trung Hải. Ngoài ra Makkah còn là một cơ sở tôn giáo trọng yếu, vì nơi đây có đền Kaa Bah mà các bộ lạc A Rập thời đó hết sức sùng bái. Kaa Bah theo tiếng A Rập là khối vuông. Thực tế thì ngôi đền này được làm hết như một khối vuông, trên không có nóc, bên trong có đặt hàng trăm pho tượng thờ - những thân linh của người A Rập thời đó. Đặc biệt là trong một góc tường có dựng một phiến đá màu đen. Theo niềm tin của người A Rập, phiến đá này khi mới rơi từ Thiên Đàng xuống thì màu trắng, song theo thời gian nó dần dần biến thành màu đen, vì những kẻ tội lỗi thường đến quỳ phục, hôn phiến đá. Sát cạnh đền Kaa Bah, có một cái giếng gọi là giếng Zem Zem. Muhammad vốn thuộc dòng dõi Co Rét phần lớn làm nghề thương buôn, nên có một trường tộc giữ trọng trách chăm sóc đền Kaa Bah này.

Người dân thành Makkah trước theo nhiều loại tín ngưỡng khác nhau như thờ mặt trời, mặt trăng, các vì sao... đặc biệt là họ thờ các Jinn ẩn hiện trong các khối đá cùng cây cối. Dê, lạc đã được làm thịt và bày trên các bàn thờ máu được vẩy lên mình kẻ mộ đạo, do đó có người đã hy sinh cả đứa con của mình để cúng thần.

Trong bầu không khí tập nập của những người đến thành Makkah hành hương và buôn bán, chắc là Muhammad đã có nhiều dịp được tiếp xúc với nhiều hạng người theo các loại tôn giáo như Do Thái, Kì Tô giáo... và hiểu thêm được nhiều việc. Chẳng hạn như đền Kaa Bah chính do con người đầu tiên trên trần thế là A Đam kiến tạo, còn phiến đá đen thực sự không phải

đã rơi từ Thiên Đàng mà lại do thiên thần Jibro Ên (Gabriel) đã mang xuống trao cho Ibro Him (Abraham) đặt tại vị trí định sẵn. Ngoài ra giếng Zem Zem chính là nguồn nước đã đột nhiên phun từ dưới đất, khi It Ma Ên (Ismael) và mẹ là Ha Châr đang gần chết khát... Chắc chắn là Muhammad đã thấy những sự việc được kể lại đó rất mâu thuẫn với những truyền thuyết mà Muhammad được thiên hạ lập đi lập lại từ khi còn bé. Muhammad đã cố tìm cho mình một con đường. Ngài bèn đi về phía bắc Makkah, tại động Hira để suy tưởng và cầu nguyện. Có nhiều ngày Muhammad đã không ăn uống gì. Ban đêm thay vì ngủ thì lại đi lang thang trên cát. Muhammad đã nghe thấy những âm thanh hết sức lạ lùng, nhiều lúc mồ hôi vã ra như tắm, mặc dù trời đang lạnh.

Có một đêm vào hạ tuần tháng Romadon, trong khi một mình ngồi tại động Hira, Muhammad bỗng thấy xuất hiện đằng phía chân trời, một bóng người hết sức to lớn, toàn thân toả ánh sáng rực rỡ. Bóng người đi dần về phía Muhammad mỗi lúc một gần. Lúc này Muhammad chợt nhận ra đó là một vị thiên thần đang cầm trên tay một tấm lụa với nhiều chữ viết trong đó.

Thiên thần bỗng nói với Muhammad:

- Hãy đọc đi!

Muhammad đáp gọn:

- Ta đâu có biết đọc?

Thiên thần cứ lập đi lập lại nhiều lần: *Hãy đọc đi! Hãy đọc đi! Nhân danh Thượng đế đã cấu tạo nên muôn loài... Hãy đọc...*

Khi Muhammad tỉnh dậy, mới nhận ra những dòng chữ kia như đã khắc sâu vào con tim Ngài, không có thể quên được nữa.

Có phải là một giấc mơ? Hay Ngài bị ma quỷ quấy rầy? Đầu rối như tơ vò Muhammad cố chịu đựng những ý nghĩ đang dồn dập ập đến trong đầu nếu như không muốn nói là tự kết thúc cuộc đời cho xong. Ngài đang định nhảy từ trên cao xuống thì có một bàn tay giữ lại. Toàn thân Muhammad rung lên khi nghe thấy tiếng nói văng vẳng bên tai: Hỡi Muhammad, Ta là Jibro Ên, còn Muhammad chính là Roxun Ollohu (Thiên sứ).

Về nhà Muhammad đã thuật lại cho Kho Đi Giah nghe câu chuyện trên. Điều này cũng có nghĩa là chính thức thông báo cho Kho Đi Giah biết mình là thiên sứ (Naby Roxun). Kế tiếp là Zêd, một người nô lệ đã được Muhammad giải thoát và coi như con. Sau đó đến lượt A Ly cậu em họ cũng được biết Muhammad là thiên sứ.

Lúc đầu cư dân Makkah đã mỉa mai trước lập luận của Muhammad và cho rằng Ngài bị điên. Khi nghe thấy Muhammad đả phá việc thờ tượng thánh thần thì chính các tù trưởng Co Rét cảm thấy bị đụng chạm, bèn hô hào dân chúng nổi lên chống đối. Một lẽ dễ hiểu, ngoài lý do đức tin, lúc đó kỹ nghệ làm tượng thánh thần rất thịnh hành và đã mang lại giàu có cho nhiều người tại thành Makkah. Nếu dân chúng nghe và tin theo Muhammad, thì những kẻ trục phú kia sẽ không có cơ hội làm giàu thêm nữa.

Theo Muhammad, phiến đá đen dù sao cũng chỉ là phiến đá, các hình tượng không giá trị gì hơn những vật dụng bằng cây hay đá do con người đẽo, đục, chẳng có chi là thiêng liêng cả,

Chỉ có một Thượng đế! Thượng đế duy nhất! Thượng đế không có sinh ra ai và cũng không có ai sinh ra; không có gì có thể so sánh được với Thượng đế Ollohu sáng tạo ra muôn loài. Duy nhất không có gì vượt qua nổi.

Khi Muhammad giảng đạo, dân chúng đã hò hét để át tiếng của Ngài. Một lần, một cư dân đã liệng một khúc lòng con cừu vào người của Muhammad, trong khi Ngài đang cầu nguyện trong đền thờ Kaa Bah.

Trước những thử thách cam go đó, Thiên thần đã thường khuyên nhủ Muhammad cố gắng nhẫn nại, chịu đựng những gian khổ cũng như tất cả các Naby Roxun đã từng có trước đây. Song dù sao, Muhammad cũng được nhóm dân tộc Ha Chi Mi có liên hệ họ hàng che chở. Chỉ tội cho các nô lệ, những kẻ bình dân, thường phải chịu bao cực hình, bị đánh đập hoặc cho nằm trên các phiến đá, dưới trời nắng như thiêu, như đốt. A Bu Ba Kar - môn đệ của Muhammad có lần đã thấy một người nô lệ da đen, mặc dù bị nằm phơi nắng, không có mảnh vải che thân, một khối đá đè trên ngực, nhưng miệng vẫn lặp đi lặp lại: Chỉ có một! Chỉ có một! A Bu Ba Kar đã chuộc người nô lệ này và giải thoát cho anh ta.

Phái Co Rết chống phá Muhammad, cố bám lấy những lễ tục cổ truyền của ông cha và còn lập luận rằng những Naby Roxun trước đó có những phép màu chứng minh tính cách xác thực sứ mạng Thiên sứ của mình. Ibro Him (Abraham) đã không bị lửa cháy thiêu, Mu Xa (Moise) đã hoá cây gậy thành con rắn, Y Xa (Jesu) đã làm người chết phục sinh. Còn người - Muhammad, người nói được một thiên thần xuống trợ giúp,

người lại chẳng làm được việc gì, đến cả việc gây nên một nguồn nước từ trong lòng đất.

Muhammad không bao giờ tự xưng là siêu nhân hoặc một nhà huyền thông. Ngài vốn chỉ là một người thừa mệnh trời thông báo con đường chính đạo cho nhân loại. Do vậy người theo đạo Hồi chỉ kính mến noi gương Muhammad chứ chưa bao giờ thờ phụng Muhammad cả.

Năm 620 sau Công nguyên, Kho Đi Giah, người vợ yêu quý của Muhammad qua đời, rồi đến lượt người chú A Bu Ta Líp, người đã tận tình nuôi dưỡng và che chở cho Muhammad cũng lại già từ cõi trần.

Muhammad đã thử đến truyền đạo tại thành phố Taif nhưng không đạt kết quả. Trên đường về, Muhammad đã cảm hoá được một nhóm thần vô hình, nhân khi ngâm một đoạn kinh cầu dưới gốc cây chà là. Theo lòng tin của người Hồi giáo, sự kiện trên chứng tỏ rằng trong những giai đoạn khó khăn, trước đồng loại nhiều mê muội, Muhammad vẫn có những lực lượng vô hình bên cạnh, sẵn sàng nghe theo và làm hậu thuẫn cho Muhammad.

Khi trở về Makkah, Muhammad đã hiển thị trong một chuyến dạ hành (is ra) và thăng thiên (mea rad). Thiên thần Jibro Ên đã hướng dẫn con lừa thiêng Bo Rắc có cánh đưa Muhammad đến Jerusalem và nương theo chiếc thang ánh sáng từ ngôi đền cổ Bai Tol Mu Co Đét lên đến chân chiếc ngai của Thượng đế. Cuộc hiển thánh này về sau người theo đạo Hồi tưởng niệm bằng một lễ đạo hàng năm, vào ngày 27 tháng Ro jăp theo lịch Hồi.

Trước phong trào chống đối của các bộ lạc A Rập tại thành Makkah, các môn đồ của Muhammad đã tích cực truyền đạo thành công vào khu vực dân cư ở Ya thrip, phía Bắc Makkah.

Vào khoảng những năm 620 - 621 sau Công nguyên, một vài người trong các thôn xã này, nhân đi hành hương Makkah, đã lên đến gặp gỡ Muhammad và đã thể theo đạo chỉ thờ một Thượng đế, thể bài trừ trộm cắp, nói xấu và ngoại tình. Theo sự thỉnh mời của những người này, Muhammad đã cùng các môn đồ khoảng 60 người, chia thành nhiều nhóm nhỏ, lên đường đi Ya Thrip.

Nhận được tin này, nhà cầm quyền tại Makkah đã ra lệnh lùng bắt những người ra đi. Muhammad cùng với A Bu Ba Kar đã phải trốn 3 ngày trong một hang đá ở vùng núi Thour. Sau 7 ngày băng qua sa mạc, Muhammad đã đến làng Cu Ba gần Ya Thrip, vào ngày thứ hai, 20 tháng 9 năm 622 sau Công nguyên. Thành phố này sau đó được gọi là Madina An Nabi tức thành phố của Thiên sứ. Cuộc ra đi kể trên, người A Rập gọi là Hij - roh tức là chuyến bay, có ý nghĩa là một sự đoạn tuyệt đối với những mối liên hệ cũ. Vào năm 638, dưới thời U Mar, cuộc ra đi kể trên trở thành khởi điểm của kỷ nguyên đạo Hồi. Và ngày đầu tiên không phải là ngày 12 Ro bi mà là ngày đầu của tháng đầu tiên (mu ha rom) của năm này. Ngày thứ sáu, mồng một Mu ha rom năm thứ nhất của lịch Hồi, tức là ngày 16 tháng 7 năm 622 sau Công nguyên.

Những người theo Muhammad, đến định cư tại Madinah gọi là Mu ha Ji rin đã hy sinh cho tín ngưỡng, những của cải còn

lại ở Makkah đều bị tịch thu cả. Tại Madinah, họ phải tổ chức lại đời sống, gây thêm hậu thuẫn, để có dịp trở lại Makkah.

Mùa xuân năm 624, mở đầu giai đoạn thánh chiến khi Muhammad đã hướng dẫn một đoàn quân khoảng 300 người chặn đánh một đoàn thương buôn của tộc người Co Rết dưới sự chỉ huy của A Bu Xôf Yan từ Xyri trở về. A Bu Xôf Yan được thông báo kịp thời, đã đổi lộ trình và kêu viện binh gồm cả ngàn lính chiến. Cuộc ác chiến đã xảy ra hết sức gay go, song quân của Muhammad sau cùng cũng giành được thắng lợi.

Tại Madinah, người Do Thái lúc đầu có thiện cảm nhưng dần dần cũng ra mặt chống đối Muhammad và đã bắt tay với tộc người Co Rết tại Makkah. Nhân vụ một người theo đạo Hồi bị giết trong một cuộc xô xát, các môn đồ của Muhammad đã có lý do xác đáng để nổi lên đánh đuổi bọn người Do Thái lùi về phía bắc. Việc đoạn tuyệt với những người Do Thái đã gây ra những hậu quả khá nghiêm trọng đến quá trình phát triển của đạo Hồi. Nguyên trước đây, các tín đồ theo đạo Hồi khi cầu nguyện đều hướng về Jerusalem tức là về phía đền thánh Bai Tul Mu Co Đét. Vào tháng 2 năm 624 sau Công nguyên, trong khi các tín đồ đang cầu nguyện tại Cuba thì một liên lạc viên đến thông báo cho biết là Thượng đế vừa phán truyền kể từ nay phải hướng về đền Kaa Bah mà cầu nguyện. Kaa Bah là căn nhà Alla đã do Naby Ibro Him kiến tạo. Tức thì các tín đồ liền quay mặt về hướng Ki blat

Một thời gian dài, Muhammad vẫn liên kết với những người theo đạo Kitô, nhưng sau đó đã phải tách ra và đi con đường riêng của mình. Thánh kinh Qu'ran luôn luôn dành cho Jê

su những chức vụ như sứ giả, Thiên đạo ... mà không đồng ý với chức danh Chúa Cứu thế. Muhammad đã trách người Kitô "quên" những lời phán truyền của Thượng đế và thay vì ngưỡng mộ Jêsu như là một sứ giả của Thượng đế - một bề tôi của Chúa thì trái lại đã gán cho Thượng đế một đứa con, tạo thành 3 ngôi.

Quan trọng vẫn là việc đối phó với tộc người Co Rét từ thành Makkah đến. Năm 625 sau Công nguyên, khoảng 3000 quân Co Rét đã tiến đánh quân theo đạo Hồi tại Madinah. Do một cánh quân không tuân lệnh Muhammad giữ thành mà cứ xông bừa vào quân giặc nên người theo đạo Hồi chết rất nhiều.

Năm 627 sau Công nguyên, quân Co Rét lại tiến đánh những người theo đạo Hồi, nhưng những người Hồi giáo cho đào hào bao quanh và cho quân võ trang cung tên phòng thủ. Do vậy quân địch không thể nào vào được.

Nhiều cuộc thương thuyết đã diễn ra và đã đi đến một thoả thuận cho người theo đạo Hồi được đến hành hương tại Makkah. Do đó đến năm thứ VII theo lịch của Hồi giáo (tức năm 629 sau Công nguyên), Muhammad đã cùng các đệ tử đi viếng thánh địa Makkah và ngược lại A Bu Xôf Yan, trở thành nhạc phụ của Muhammad, cũng đã tới Madinah thăm con.

Tháng Romadon năm thứ VIII theo Hồi lịch, 10 000 quân Hồi giáo võ trang đã ồ ạt tiến về thánh địa. Lãnh tụ A Bu Xôf Yan bị bắt. Sau đó, đã tuyên bố phủ nhận đa thần giáo. Muhammad tiến vào Makkah xô ngã tất cả các tượng thần tại đền Kaa Bah và một tay cầm vòng khuyên vàng cửa đền, Muhammad tuyên bố ân xá mọi kẻ tội lỗi.

Nhiều thoả ước tiếp đó đã được ký kết với các bộ lạc lân cận.

Năm thứ 11 theo Hồi lịch (tức năm 631 sau Công nguyên) A Bu Ba Kar đã điều khiển một cuộc hành hương đến Makkah; nhân dịp này và chiếu theo lời phán truyền mới nhất của Ollohu-ta-ala, đa thần giáo bị cấm hẳn.

Qua năm sau, Muhammad đã đích thân cùng 90.000 tín đồ thực hiện những lễ đạo tại thánh địa. Những lễ đạo này sau đó được noi theo mãi mãi. Mặc y phục Eh rom, đi bộ 7 vòng quanh đền Kaa Bah. Tương niệm trước hòn đá đen chạy từ núi E go Pha đến Mơ Wah, nhắc lại hình ảnh Ha Châr và Ít Ma Ên, cặng lêu dưới chân núi A Ra Pha, tuyên thệ trên núi A Ra Pha, nơi A đam và Ha vợ (Eve) tái hợp. Rồi đến chập tối, xuống Moz đa li pha, ném đá tại 3 trụ gọi là Xây Tanh, giết cừu, lạc đà tại Mi Na, cắt tóc, cắt móng tay, và sau cùng là viếng các thánh địa.

Cuộc hành hương kể trên là cuộc hành hương giã biệt. Lần này, tại núi A Ra Pha, Muhammad đã kêu gọi người dân A Rập đoàn kết trong tình anh em của những người theo đạo Hồi. Đồng thời minh định nghĩa vụ vợ chồng, cấm cho vay, báo thù... và cùng ấn định lại lịch 12 tháng vận hành theo mặt trăng.

Trở về Madinah, Muhammad lâm bệnh và mất vào thứ hai, ngày 13 tháng Ro Bi năm Hồi lịch thứ 9 (tức ngày 8 tháng 6 năm 632 sau Công nguyên).

Lòng người có vẻ rối bời, xao xuyến khi hay tin Muhammad đã từ trần. A Bu Ba Kar đã phải lên tiếng trấn tĩnh mọi người: "Nếu các người ngưỡng mộ Muhammad thì hãy biết rằng Muhammad đã chết rồi, nhưng nếu các người tôn thờ

Thượng đế (Ollohu) thì hãy vững tin rằng Thượng đế vẫn còn". Và nền đạo Islam vẫn tiếp tục toả sáng.

Vấn đề được đặt ra là chọn cử người kế nghiệp Muhammad. Ngài không có con trai và cũng không chỉ định sẵn người nào thay thế mình. Sau nhiều cuộc bàn cãi, A Bu Ba Kar được chọn và đã thi hành sứ mạng được hai năm. Trong hai năm đó những đội quân Hồi giáo đánh nam dẹp bắc nhằm quân bình tình thế lúc ấy.

A Bu Ba Kar mất năm 634 sau Công nguyên đã chỉ định U Mar lên thay. Sau khi lên thay, U Mar quyết liệt hơn những người tiền nhiệm, ông ta đưa quân Hồi giáo đi đánh chiếm chinh phục nhiều vùng và đã qua đời năm 644 sau Công nguyên.

Ốt Xa Man lên kế nghiệp, có vẻ mềm mỏng hơn U Mar khiến cho có sự chia rẽ trong đội ngũ và ông này đã bị sát hại vào năm 656 sau Công nguyên. A Ly tiếp tục sứ mạng trong 5 năm. Trong ngắn ấy thời gian ông đã phải đối phó với nhiều cuộc chiến, nhưng cuối cùng cũng bị hãm hại chết vào năm 661 sau Công nguyên.

Mô U Ya con của A Bu Xôf Yan nắm lấy quyền hành và biến vương quyền Hồi giáo (Kholiphah) thành chế độ quân chủ thế tập, đóng đô tại Damas. Song sau đó cũng bị phe của El ab Bas, có họ hàng con chú, con bác của Muhammad đánh bại.

Mặc dù có những tranh chấp chia rẽ kể trên, các đoàn quân Hồi giáo vẫn tiếp tục đánh chiếm lãnh thổ, lấy lòng dân. Nhiều địa phương tiếp đón các đoàn quân Hồi giáo một cách nồng nhiệt. Từ các xứ A Rập lân cận, các đoàn quân này đã vượt

châu Phi, đến tận Tây Âu... Song buộc phải rút lui khỏi Pháp năm 732 sau Công nguyên trước đoàn quân dũng mãnh của Charles Martel trong trận chiến diễn ra ác liệt tại Poitiers.

Tại Tây Ban Nha, quân đội Hồi giáo đã lưu lại nhiều di tích lịch sử nói về vương triều Hồi tại Cordoue thuộc dòng Ô mây yat tôn tại đến năm 1031 sau Công nguyên.

Trong buổi đầu sự phát triển lớn mạnh của đạo Hồi dựa trên tình trạng hỗn độn của vùng Địa Trung Hải và nhất là tài thao lược và sự say mê của đội quân A Rập. Về lâu dài sự phát triển đó chính do tinh thần đạo Hồi, do chính bản chất của lời kêu gọi về với chính đạo, về với Ollohu, những lời gọi đàn, vừa giản dị vừa trong sáng vừa quả quyết đã bảo đảm sự nhất trí của đạo Hồi suốt 13 thế kỷ nay. Đạo Hồi không chỉ là một tôn giáo có tính cách tín điều mà còn là một lối sống, gắn bó nhau trong tư tưởng và có định hướng trong hành động.

Dưới quyền lãnh đạo tinh thần của Naby Roxun Muhammad trong những ngày qua và những thế hệ mai sau, Đạo Hồi đã kết tinh một thứ tình huynh đệ vượt qua mọi ngăn cách chủng tộc và quốc gia, với ý tưởng kết hợp nhân loại trong nỗ lực thừa *Mệnh Trời* thực hiện công bằng và bác ái.

1.1.3. Kinh Qu'ran trong sinh hoạt của người Hồi giáo

Toàn bộ giáo lý của đạo Hồi trên nguyên tắc đều được ghi lại trong cuốn thánh kinh Qu'ran. Người ta có thể tìm thấy trong kinh Qu'ran tất cả nòng cốt lòng tin, tín ngưỡng của đạo Hồi. Trong đó chứa đựng tất cả nền tảng của tổ chức xã hội, những nguyên tắc luật pháp những hình ảnh đẹp của văn chương, một nguồn thi phú tuyệt vời, vô tận.

Theo đức tin của người Hồi giáo, quyển Qu'ran không phải là một tác phẩm do con người sáng tạo ra, vì Qu'ran biểu hiện những tư tưởng của đấng Tối Cao đã có từ thiên niên vạn kỷ, đã do Thượng đế tức Ollohu-ta-ala nghĩ ra và những tư tưởng này được viết dưới dạng chữ Ả Rập, lấy con người của Muhammad làm trung gian để truyền tư tưởng này đến cho nhân loại.

Nội dung của cuốn Qu'ran theo chiều hướng quan niệm kể trên không phủ nhận những lời truyền phán trước đó của Thượng đế đã được ghi nhận trong cuốn Cựu Ước Kinh và Sách Phúc Âm. Song trong khi Sách Phúc Âm ghi lại những hành động, những lời nói của Jesu trong một số trường hợp, thì ngược lại nội dung của Qu'ran được trình bày như một công điệp của Thượng đế.

Người ta có tìm thấy trong Qu'ran nhiều đoạn của Cựu Ước Kinh, nhưng dưới một hình thức hơi khác. Các học giả Phương Tây khi viết và giải thích về vấn đề này đều cùng giải thích tình trạng đó là do sự truyền khẩu lệch lạc lúc đương thời.

Quan điểm của người theo đạo Hồi thì trái ngược hẳn. Họ cho rằng nội dung cuốn Qu'ran đã do Thượng đế trao chuyển cho Muhammad thì nhất định không bao giờ có sai lầm được. Nếu có khác biệt thì quyết không phải là bản văn Qu'ran sai mà chính là do người Do Thái trước đó đã không báo tôn Thánh kinh một cách chu đáo và đã có những sự sửa chữa một cách lén lút.

Qu'ran theo ý nghĩa của danh từ, là một ngâm khúc thiêng liêng hàm chứa rất nhiều thi vị theo một nhịp điệu lúc thì khẩn cầu, lúc thì kêu gọi.

Đối với những người theo đạo Hồi, những câu văn điêu luyện của bản văn Qu'ran càng chứng tỏ cuốn Thánh kinh chính

là do từ cõi trên truyền xuống. Thường thì những người theo đạo Hồi không chấp nhận phép mầu, vì cho rằng phép mầu không cần thiết để phát hiện chân lý. Song lại có một phép mầu mà những người theo đạo Hồi chấp nhận là chính ngay sự hiện hữu của cuốn kinh Qu'ran. Nó là một bằng chứng thiêng liêng, vì người thường dù kiến thức uyên bác đến đâu cũng không thể sáng tác được một bản tương tự.

Người ta cho hay rằng nhiều Ha đít của các nhà truyền thuyết cũng có ghi đầy đủ những lời giảng dạy riêng của cá nhân Muhammad. Trong nhiều trường hợp, do đặc tính của thể văn, mọi người A Rập khi xem qua, đều có thể phân biệt rõ ràng những lời giảng ấy với những Yat (câu) trong kinh Qu'ran.

Như đã nói ở phần trên, nội dung cuốn Qu'ran đầu tiên là do thiên thần Jibro Ên (Gabrel) chuyển lại cho Muhammad, những hiện tượng báo hiệu sự truyền phán rất lạ lùng. Người ta thấy Muhammad, thân người bỗng run lên, thường lấy khăn phủ lên mặt và thở hổn hển, mồ hôi ra như tắm... Khi thì là những tiếng âm ĩ nổi lên, khi thì là một giọng nói êm ả và nội dung từng chữ như khắc sâu vào tâm não của Muhammad. Đôi khi thiên thần Jibro Ên hiện xuống dưới hình thức một người thường và nói rõ ràng như người bình thường.

Nền văn minh A Rập lúc đương thời là nền văn minh truyền khẩu, nên trí óc con người rất thông minh và phát triển. Các câu (yat) được truyền theo dạng kể trên đã được Muhammad và các môn đồ nhớ rất nhanh.

Tại Mađinah, Muhammad có nhiều người giúp việc sao chép những lời phán truyền trên những miếng da, trên những chiếc lá và trên cả xương bả vai của những con cừu.

Những khúc đoạn này được tập trung thành Xurat (chương) và được sắp lại theo thứ tự dài ngắn. Những Xurat dài thường là những Xurat lâu đời nhất, được sắp ở các chương đầu, song lại không theo thứ tự thời gian nhận được².

Sau khi Muhammad mất, 4 môn đồ trực tiếp tại Madinah đều thuộc lòng tất cả và đã chép lại thành bản kinh Qu'ran truyền lại cho mai hậu.

Nội dung của Qu'ran được lưu truyền này sang nước khác dưới hình thức nguyên thủy của tiếng A Rập. Do đó ngôn ngữ A Rập có một giá trị đặc biệt đối với người theo đạo Hồi. Tiếng A Rập không những là một ngôn ngữ tôn giáo mà còn chứa một tính cách linh thiêng.

Việc dịch thuật Qu'ran sang một ngôn ngữ khác đặt ra nhiều vấn đề khó khăn phức tạp cho các giới chức sắc Hồi giáo. Người ta quan niệm rằng, trong những trường hợp thông thường, dịch là phản lại với bản gốc, hướng chi lại dịch kinh Qu'ran thì lại càng khó khăn hơn nhiều. Ngoài ra chưa nói tới chuyện dịch là một sự xúc phạm tới đức Ollohu-Ta-Ala³

Hiện có nhiều bản dịch của các học giả phương Tây từ thời Trung thế kỷ. Một trong vài bản dịch ra tiếng Pháp được

² Chữ A Rập viết từ phải sang trái gần giống với chữ Hán cổ. Chúng ta có thể hình dung như sau: nếu các sách tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp trang cuối cùng là trang hết thì ở sách A Rập hay Hán cổ thì trang cuối cùng lại là trang đầu tiên của sách mang ngôn ngữ này.

³ Tuy nhiên hội nghị Hồi giáo các nước Đông Nam Á và Viễn Đông họp tại Kuala Lumpur hồi đầu tháng 2/1964 đều nhận thấy cần phải có một bản kinh Qu'ran bằng tiếng dân tộc các nước để phổ biến cho các tín đồ không thông hiểu tiếng A Rập. Việc chuyển thể Qu'ran sang tiếng bản xứ chỉ được gọi là sự diễn tả bằng tiếng địa phương chứ không dám nói là "dịch".

xem có giá trị nhất hiện nay là bản dịch của học giả M.Blachère. Còn những bản dịch do chính người theo đạo Hồi làm để cho người theo Hồi giáo xem thì chỉ mới có từ đầu thế kỷ XX.

Những khó khăn về thuật ngữ khiến người ta không mấy tin cậy ở các bản dịch và thường thì các tập thể theo đạo Hồi ở các địa phương lại căn cứ vào những bản dẫn giải, chú thích của U fa ma để các nhà bác học Hồi giáo triển khai những ý nghĩa sâu xa ấy trong Qu'ran.

Do đó người ta đi đến tình trạng là hiện không phải người theo đạo Hồi nào cũng đều thấu triệt được ý nghĩa của nội dung Qu'ran. Khả năng đó chỉ thấy ở trong các bậc uyên thâm giáo lý mà thôi. Điều này hoàn toàn đúng với thực tế của người Chăm (Việt Nam).

Người Hồi giáo đều phải tin Qu'ran, đó là điều bắt buộc (Wajib) tối thiểu cần thiết nhằm xây dựng một đức tin của người Islam.

Trên căn bản niềm tin đó, trường hợp Thổ Nhĩ Kỳ là một trường hợp đặc biệt, khá táo bạo và chỉ có thể có sau cuộc cách mạng do Mustapha Kemal chủ trương nhằm khôi phục lại nền văn hoá Thổ. Nhận thấy sự bành trướng lớn mạnh của văn hoá A Rập do hậu thuẫn của đạo Hồi trong đất nước Thổ Nhĩ Kỳ, một mặt người ta muốn giữ lại tinh thần Hồi giáo đã ăn sâu vào mọi tầng lớp dân lao động, một mặt cần phải hạn chế ảnh hưởng của văn hoá A Rập, Mustapha Kemal đã cho dịch cuốn Qu'ran sang tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và bắt buộc dân chúng chỉ đọc và dùng bản dịch này mà thôi. Bản văn nguyên thủy tiếng A Rập không được dùng nữa.

Tuy nhiên ở một số nơi khác, bản văn A Rập của kinh Qu'ran vẫn luôn luôn "sống" trong tâm tưởng của những người theo đạo Hồi. Và những bản văn này vẫn giữ một vai trò tối quan trọng trong sinh hoạt cộng đồng. Thực vậy, một đứa trẻ theo đạo Hồi lớn lên đã học và đọc thuộc lòng kinh Qu'ran. Từ đó trở đi họ luôn có dịp kiểm tra lại trí nhớ của mình trong những thời gian rảnh rỗi, trong các hội hè của đạo Hồi.

Những khác biệt về ngôn ngữ đã khiến trẻ em Hồi giáo ngoài các nước A Rập thường biết đọc Qu'ran và phô diễn tài nghệ luyện giọng của mình trước khi thấu hiểu được ý nghĩa của bản kinh này.

Chỉ có bối cảnh xã hội của cộng đồng xây dựng trên những nguyên lý của đạo Hồi và những lời răn dạy trong Qu'ran luôn được tuân thủ trong mọi hành động, mọi cử chỉ hàng ngày, với tính cách nghiêm chỉnh, uy nghiêm của tấm lòng ngưỡng mộ, thân phục Thượng đế cao cả. Mọi người theo đạo Hồi đều xem những lời răn trên như là những công cụ hữu hiệu, bất biến để trau dồi tâm tính và định hướng cho cuộc sống hàng ngày của họ.

Qu'ran luôn được nhắc nhở trong mọi trường hợp. Người ta đọc Qu'ran như ngâm một bài thơ hay một đoạn kinh cầu. Nó cần thiết đối với người theo đạo Hồi như cuộc sống hàng ngày luôn nhớ về Thượng đế.

Có dịp đi trên những chuyến xe công cộng ở Kelantan (Malaysia) hay một nước theo Hồi giáo khác, người ta thường trông thấy cảnh một số người ngồi mấp máy môi trong im lặng, như chẳng để tâm đến những sự ồn ào náo nhiệt xung quanh. Chính đấy là lúc họ đang ngâm nga những đoạn kinh Qu'ran.

Ngâm đọc kinh Qu'ran còn là một nghệ thuật. Đài phát thanh các nước theo đạo Hồi như Malaysia, A Rập Xê Út, Indonesia mỗi ngày thường dành một số giờ cho việc ngâm và đọc kinh Qu'ran. Giọng ngâm khi trầm khi bổng, khi nghẹn ngào nước nớc, khi kéo dài lê thê, xoa dịu lòng người.

Hàng năm các quốc gia theo đạo Hồi đều có tổ chức những cuộc thi đọc và ngâm Qu'ran rất hào hứng. Cuộc thi này thường diễn ra ở nhiều cấp bậc khác nhau. Bắt đầu từ cuộc thi ở địa phương. Ai thắng cuộc ở từng địa phương sẽ gặp mặt trong các kỳ thi mang tính quốc gia, thậm chí họ còn có những cuộc thi mang tính quốc tế.⁴

Nghe những lời kinh Qu'ran, người ta cảm thấy như đang nghe lời của Thượng đế. Những lời vừa êm vừa nhẹ, vừa uy nghiêm khiến cho kẻ mộ đạo cảm thấy mình chỉ là một giọt nước giữa đại dương mênh mông. Hoặc họ chỉ cảm thấy mình như một hạt cát nhỏ trong các kiến trúc vĩ đại trong vũ trụ.

Quan niệm của đạo Hồi đã đặt con người - dù là kẻ có đức tin Ollohu hay không tin - trong một hệ thống vận hành tiền định theo ý muốn của Ollohu - Đấng Toàn Thiện - Toàn Năng đã cấu tạo nên vũ trụ và loài người.

⁴ Cuộc thi đọc kinh được tổ chức từ ngày 2 đến 6 tháng 2 năm 1964 tại Malasia, có sự tham gia của đại diện Thái Lan, Hồi quốc, Bruney... Dân chúng các nơi kéo nhau về xem chật kín sân vận động Negara để thưởng thức tài nghệ của các thí sinh. Trong số quan khách người ta nhận thấy cả quốc vương và thủ tướng Malaysia. Thịnh thoảng khi thí sinh chấm dứt một câu ngâm cả sân vận động cùng hò reo như khích lệ họ. Có rất nhiều người quá xúc cảm đưa khăn lên lau nước mắt - những dòng nước mắt của giới bình dân. Thiết tưởng chỉ có những ai chịu khó nghiên cứu học hỏi đạo Hồi mới am hiểu được tất cả những ý nghĩa thiết tha và nhiệt thành ấy.

Qu'ran là tấm gương sáng nhắc nhở chính đạo và cũng đồng thời xung quanh con người có biết bao nhiêu ma quỷ sẵn sàng cám dỗ đi tách ra khỏi chính đạo. Người Hồi giáo phải cố gắng làm tròn bổn phận do Thượng đế quy định, cho đồng loại, cho hiện tại và cho mai hậu.

Mọi người theo đạo Hồi đều tin có ngày Tận Thế. Theo quan niệm của người đạo Hồi thì cuộc sống hiện tại không hơn một trò chơi trong nhất thời. Những gì của ngày mai sẽ tốt đẹp hơn nếu có lòng tin vào đấng Ollohu.

Naby Roxun Muhammad đã có lần giải thích rõ ràng khi con người chết đi, được đem chôn dưới mồ thì sẽ có những thiên thần hình thù quái dị đến thăm hỏi. Vị đứng bên tay phải có tên là Mun Kar, vị đứng bên tay trái có tên là Na Kir. Hai vị này là do Thượng đế chỉ định sẵn để thử thách người chết về phẩm hạnh và đức tin:

Ai là thượng đế của người?

Ai là thiên sứ của người?

Đạo của nhà người là gì?

Thánh kinh của người là gì?

Ki blat của người ở đâu?

Mọi người Hồi giáo đều thuộc lòng như cháo chảy lời phúc đáp những câu hỏi trên. Cần thận hơn nữa khi hạ huyết, vị chủ lễ, trong bài kinh cầu nguyện cho linh hồn về quá vãng vẫn còn nhắc nhở: "Hỡi người con của A Đam, khi 2 vị thiên thần đến hỏi thì hãy trả lời rằng Ollohu! Tôi vĩ đại trong ánh vinh quang là thượng đế của tôi, Muhammad là Thiên sứ của tôi;

Islam đạo của tôi: Qu'ran là thánh kinh của tôi và đền thánh tại Makkah là Ki blat của tôi."

Nếu vong linh biết phúc đáp đúng như thế 2 thiên thần sẽ để cho người chết được yên ổn. Bằng không 2 vị này sẽ đánh đập bằng gậy sắt. Sau đó các linh hồn ác độc kia bị đẩy ải trong khổ đau mãi mãi khó mà tiến lên được mảnh đất thánh thơi sung sướng của các linh hồn cao đẹp. Có sách nói rằng các linh hồn tốt đẹp được về với A Đam. Ở giai tầng thấp nhất của Thiên Đàng, họ tập trung lại dưới giếng Zem Zem nằm kế bên đền Kaa Bah hoặc núp vào bóng loa loan truyền ngày tận thế hoặc sống dưới hình thức những con chim trắng dưới chân ngài Ollohu.

Mọi sự việc kể trên kéo dài cho tới ngày Phục Sinh. Có lần Muhammad hỏi Jibro Ên (Gabriel) bao giờ thì tới ngày này? Jibro Ên đã trả lời không biết và chỉ có Ollohu mới rõ được mà thôi. Tuy nhiên sẽ có một điềm báo như mặt trời sẽ mọc ở hướng Tây, nhiều ma quỷ sẽ xuất hiện ở lân cận vùng đền Kaa Bah.

Người Hồi giáo tin rằng đến lúc ấy Naby Y Xa tức Jesu sẽ xuống trần ngự trị trong 40 năm và trong khoảng thời gian này giữa nhân loại sẽ xoá bỏ hết thù oán cùng ác tính, sư tử và lạc đà, gấu với cừu... sẽ rất hiền lành, sống quây quần bên nhau.

Tiếng còi báo hiệu sẽ vang lên, trái đất rung chuyển, vỡ tan từng mảnh, trời xanh biến mất, biển khô cạn, gió bão nổi lên và mọi sinh vật sẽ chết hết. Gió bão một lần nữa lại rung chuyển đất trời. Những bộ xương của người chết ráp lại với nhau, hồn tái nhập thể xác loài người sẽ phục sinh. Thân hình trần trụi như lúc mới sinh. Cũng có Ulama, dựa vào Muhammad, nói rằng người chết sống lại sẽ mặc bộ áo quan được liệm trước khi chôn.

Nhưng dù có mặc hay không mặc quần áo, loài người hồi sinh đều phải tụ họp lại để trải qua một loạt những cửa ải thử thách như xuyên qua đám mây... Thượng đế sẽ xuất hiện để phán xử loài người về những hành vi thiện ác và đức tin khi ở dưới trần thế.

Naby Roxun Muhammad sẽ túc trực cạnh bên để xin tội cho những người có lòng tin. Muhammad cho biết mỗi người sẽ bị hỏi về những việc làm trên trần thế, xem y có giữ được bản thân trong sạch không? Không một ai có thể khai man được, vì mỗi người được phát một quyển sách ghi rõ những việc làm tốt hay xấu đã thực hiện.

Khi mà mọi việc đều tốt đẹp thì quyển sách cầm ở tay phải, còn nếu ở tay trái thì chính là điểm bất thường.

Sau đó phúc và tội của mỗi người đều được mang lên cân, trên bàn cân do Jibro Ên (Gabriel) đảm trách. Khi đòn cân nghiêng nặng về bên phúc thì người ấy sẽ được cứu rỗi, tha thứ và được dẫn về Thiên đàng hưởng lộc. Trái lại, khi đòn cân nghiêng về bên tội, người đó sẽ bị xử trí và chịu những hình phạt.

Tuy nhiên mỗi người đều phải đi qua một cây cầu Sgi ro tgoi musta kim, chiếc cầu này nhỏ như sợi tóc và bén như lưỡi gươm được giữ ở hai đầu bằng những cây nhỏ.

Muhammad cùng với tín đồ Hồi giáo sẽ băng qua cầu một cách an toàn, còn những kẻ tội lỗi, ác độc thì sẽ bị rơi xuống vực thẳm, chịu những cực hình ghê rợn.

Trải qua mấy thế kỷ, bản văn Qu'ran đã được chú thích và bình luận nhiều. Cần phân biệt những chú thích này với các sưu tập về tập tục truyền khẩu, vì các môn đồ không chỉ ghi

những lời phán truyền của Thượng đế do Muhammad phát hiện, mà còn lưu giữ cả những lời giảng dạy riêng của Muhammad nữa. Người ta còn quan sát thái độ, cử chỉ của Muhammad lúc sinh thời. Trong rất nhiều trường hợp để sau đó, ghi chép lại, truyền khẩu lại cho nhau và làm thành những tài liệu giáo lý gọi là Sun Na, tập tục của Naby Roxun.

Đối với người ngoài cuộc, bằng quan thì những sự kiện thái độ kể trên cũng không khác những sự kiện thái độ thông thường của các vĩ nhân. Song đối với người theo đạo Hồi thì điều đó hết sức hệ trọng, có giá trị định hướng cũng giống như bố đước đối với các khách lữ hành. Do đó, những sưu tập kể trên gọi là Hadít đặt thành một hệ thống chuẩn mẫu, rực sáng với uy danh của Muhammad để mọi người noi theo, ứng dụng vào đời sống thường nhật.

Giá trị của Hadít tùy theo dây chuyền lưu chuyển. Nó bao gồm danh tính của các nhân vật đã được nghe và thuật lại cho người khác. Sau khi họp bàn đối chiếu và nhận thấy xác đáng người ta mới sắp và sưu tập làm thành các bản hành đạo.

Một tác giả nổi tiếng có tên là Al Bukhogi (mất năm 870 sau Công nguyên đã viết một quyển sách 3450 chương, ghi lại khoảng 7300 ha đít). Cuốn sách này ngày nay được xem là cuốn sách vô giá trong lĩnh vực này.

Tất cả những công việc soạn thảo, sưu tầm to tát liên hệ đến Qu'ran tạo thành học thuyết Hồi giáo gọi là Saz ri a, có thoả hiệp chung của cộng đồng tức y mã, bao gồm không chỉ có lý luận, thần học, tín điều, mà còn chỉ định cả cơ cấu xã hội Hồi giáo nữa.

Tập tục kể trên theo như đã trình bày có liên hệ đến hệ thống pháp luật và các nhà bác học Hồi giáo, trong buổi đầu, đã sắp xếp lại rất nhiều sự kiện hỗn tạp để tạo thành những định lý cần thiết.

Một số trường phái Hồi giáo khác nhau đã xuất hiện nhằm góp phần vào công trình soạn thảo kể trên. Tuy nhiên không nên lầm lẫn các trường phái này (người A Rập gọi là Maz Hah) với các giáo phái, vì lẽ ở đây, không phải là sự bất đồng quan điểm về đức tin và thần học. Các Maz Hah ở đây chỉ dị đồng về phương diện diễn dịch pháp lý hoặc ở những chi tiết hết sức nhỏ nhặt về lễ đạo, một vài cử chỉ trong khi lễ cầu nguyện. Một đảng có thể giải thích chặt chẽ một câu trong Qu'ran. Một đảng có thể hiểu theo nghĩa này và một đảng khác lại xét theo hậu quả của nó.

1.2. CÁC TRƯỜNG PHÁI CỦA ĐẠO HỒI

Đạo Hồi có 4 trường phái căn bản

1. Trường phái Mali Ki tại Bắc Phi, nổi danh là thủ cựu nhất.
2. Trường phái Hani An tại Thổ Nhĩ Kỳ và các nước chịu ảnh hưởng của Thổ. Một số dấu vết của trường phái này cũng tìm thấy ở Tunigie và Algery.
3. Trường phái Saphê Y bao trùm các vùng Hồi giáo ở Châu Á (Người Chăm Hồi giáo ở Việt Nam thuộc vào trường phái này).
4. Trường phái Haba Ly tiêu biểu của Hồi giáo các nước A Rập, nhất là A Rập Xê Út.

Bốn trường phái này đều cùng đi trên một con đường Hồi giáo và cùng hướng về một mục tiêu chung. Tuy nhiên một tín đồ của trường phái nào thì phải hành đạo trong phạm vi trường phái đó, chứ không thể trộn lẫn một ít quan điểm của trường phái này với một số chi tiết hay của trường phái khác được. Dù vậy của thánh đường rộng mở cho tín đồ mọi trường phái như tình trạng hiện nay ở Việt Nam. Các Ấn Kiêu theo trường phái Hôné Phy còn đồng bào Chăm thì lại theo trường phái SaPhé Y, song vẫn đi lễ cùng một nhà thờ. Lý do rất giản dị là dù khác biệt về hình thức, mọi việc đều bắt đầu từ Qu'ran thiêng liêng và bất diệt.

Bốn trường phái kể trên mang tên 4 Imâm

1. Imâm Malik ibu Anas sinh tại Medina (A Rập Sauedi) năm 93 của Hồi lịch (tức năm 713 sau Công nguyên) thọ 82 tuổi. Công trình của Ngài hoàn toàn giới hạn trong Ha đít tìm được và sưu tầm tại Medina và hệ thống án lệ của ngài hoàn toàn dựa vào tập tục của người dân Medina. Quyển sách của ngài có tên là Muwatha là sưu tập Ha đít đầu tiên và là một trong những quyển tục lệ và Sunna có giá trị nhất.

2. Imâm Abu Hanifa Al mi mâm ib Thabit sinh tại Bai ra vào năm 60 theo Hồi lịch (tức năm 699 sau Công nguyên) và mất năm 767 sau Công nguyên. Trung tâm hoạt động của ngài ở Ku ba. Căn bản lập luận loại suy của ngài gọi là thiên kinh Qu'ran. Ngài chỉ chấp nhận Ha đít khi nào ngài hoàn toàn thoả mãn về tính xác thực của nó. Imâm Abu Hanifa là người đầu tiên hướng sự chú ý về giá trị lớn lao của Giyas hay là lý luận loại suy trong giáo luật thành nền tảng thứ 4 của tục lệ Hồi sau nguồn gốc Ifma.

3. Imâm Saphay Muhammad ibu Idri al Shaki: Ngài sinh tại Palestine vào năm 150 theo Hồi lịch (tức năm 767 sau Công nguyên). Ngài sống tuổi thanh niên tại Makkah song lại làm việc lâu nhất tại Ai Cập và đã mất tại đây năm 204 Hồi lịch. Thuở đó chỉ có ngài mới hiểu biết về Thiên kinh Qu'ran và đã khổ công nghiên cứu Sunna. Ngài đã đi chu du từ nơi này sang nơi khác để sưu tầm trường phái của ngài. Do đó được đặt căn bản chính yếu trên Sunna. Hệ thống Shâfi'i có điểm lợi là Ha đít sử dụng có tính rộng rãi hơn và được sưu tập từ nhiều trung tâm khác biệt. Trong khi Imâm Malik chỉ dựa vào những điều tìm được ở Medina.

4. Imâm Ahmad ibu Hanbal sinh tại Bagdad năm 164 theo Hồi lịch và mất ở đó năm 241 theo Hồi lịch. Phạm vi sưu tập của ngài cũng rộng rãi và công trình nổi tiếng là về đề tài, Musnad chứa đựng nhiều nghìn Hadít. Sưu tập của ngài không xếp theo đề tài mà lại xếp theo tên của bạn đường liên hệ trong Hadít.

Trong khi hệ thống Abu Hanifa áp dụng lý luận rất phóng khoáng và đều quy nạp lại các vấn đề từ Thiên kinh Qu'ran bằng vào suy luận, do vậy hệ thống Ibu Hanbal rất dè dặt thận trọng trong lý luận và phê phán.

Càng gần với thế giới hiện đại thì sự bất đồng trong tư tưởng đạo Hồi ngày càng lớn. Có nhiều trường phái mới xuất hiện. Để hiểu rõ thêm về các trường phái này, chúng tôi xin giới thiệu những tư liệu mới gần đây có liên quan tới lĩnh vực này.

Hiện nay đạo Hồi có nhiều hệ phái, trong đó đáng chú ý là phái Sunit và Shi'it, Ismalit, Supit, Babit, Bekhait.

- **Sunit** là hệ phái Hồi giáo chính thống, hình thành dưới thời kỳ Calife A Rập trật tự của chế độ phong kiến thần quyền

Hồi giáo. Phái Sunit chủ trương giữ lại những tập tục, luật lệ nguyên thủy của Hồi giáo từ thời kỳ Muhammad. Hiện nay phái Sunit có đông tín đồ nhất, tập trung ở các nước Ả Rập Xê Út, Thổ Nhĩ Kỳ, Irắc, Yêmen, Xyri, Libăng, các nước Bắc Phi, Trung Quốc, Đông Nam Á ... Trong đó có cả người Chăm Việt Nam.

- Shi'it (còn gọi là Siai) xuất hiện đầu tiên ở Irắc vào cuối thế kỷ thứ VII. Sự xuất hiện của phái Shi'it không phải chỉ do cuộc đấu tranh giữa những người kế tục Muhammad, mà còn do sự áp bức thống trị của các triều đại Calife Ả Rập đối với những vùng đất mới chinh phục. Shi'it được xem là một phản ứng xã hội chống lại nhà nước phong kiến Hồi giáo, chống lại sự bạo tàn của kẻ xâm lược. Phái Shi'it bác bỏ chế độ *giáo trưởng* của phái Sunit, cho rằng tất cả các giáo trưởng phái Sunit là những kẻ tiếm quyền một cách bất hợp pháp. Người cai trị hợp pháp cả mặt đạo lẫn mặt đời phải là con cháu Ali (Ali là con rể của Muhammad). Theo phái Shi'it, Ali là đại Imâm (2) đầu tiên kế vị Muhammad, và tiếp sau đó là 11 đại Imâm tiếp theo trong số con cháu của Ali. Để cao vai trò của Ali, phái Shi'it đã giải thích đoạn kinh "Hai bậc cự phách" (ý chỉ Muhammad và Ali) rằng, chính thánh Ollohu đã nói với tiên tri Muhammad rằng "nếu không có con, ta chẳng tạo nên thế giới làm gì, nhưng nếu không có Ali thì ta cũng chẳng tạo nên con".

Hiện nay phái Shi'it có khá đông tín đồ, tập trung ở các nước Iran, Kuwait, Afganistan, các nước vùng Trung Á ...

+ Ismalit tách ra từ phái Shi'it vào cuối thế kỷ thứ VIII. Ismalit chủ yếu theo quan điểm thần học của Shi'it, tập trung

giải thích mối quan hệ giữa linh hồn, thể xác với thiên đàng, địa ngục và ngày phán xét. Ismailit có tổ chức khá chặt chẽ với trung tâm Puna (Ấn Độ) do chức Aga Khan đứng đầu (tương tự chức giáo trưởng) và các chi nhánh ở từng quốc gia. Hiện nay Ismailit có mặt ở Ấn Độ, Pakistan, Băng La Đét, Iran, Đông Phi.

+ Sufit xuất hiện vào thế kỷ thứ IX ở Alexandria nhằm chống lại thế lực lãnh đạo chính trị, tinh thần đương thời, Sufit là phái bảo thủ, cuồng tín. Họ cho rằng nghèo đói, khổ hạnh là cách tốt nhất để cứu linh hồn. Thế kỷ XII, phái Sufit như một bộ phận của họ.

+ Ba-bit và Bê Khaít là hai phái xuất hiện ở Iran vào cuối thế kỷ XIX. Phái Ba-bit do Mirza Ali Muhammat (1819-1850) một thương nhân ở thành phố Si-at, đại diện cho quyền lợi của giai cấp tư sản dân tộc ở Iran, lập ra để chống lại tư sản nước ngoài, bảo vệ những biến đổi xã hội ở trong nước. Bê Khaít do Bê Khayla, người đã từng hoạt động trong phái Ba-bit, lập ra. Bê Khaít đại diện cho quyền lợi giai cấp tư sản mại bản ở Iran. Hai phái Ba-bit và Bê Khaít chủ yếu ở Iran.

Vì chia rẽ thành nhiều phái nên mặc dù là một tôn giáo quốc tế, có trung tâm tôn giáo ở Makkah. Nhưng Hồi giáo không có tổ chức giáo hội thống nhất. Tổ chức giáo hội Hồi giáo được tổ chức theo hệ phái hoặc theo từng quốc gia và thường chịu ảnh hưởng của phong tục tập quán truyền thống lịch sử và nhất là các thể chế chính trị ở từng nước⁵.

⁵ Hồi giáo không có hàng giáo phẩm nhưng có các chức sắc. Tại nhiều nước Hồi giáo, chức sắc có cả thân quyền lẫn thế quyền, nhất là những nước, những hệ phái còn chịu ảnh hưởng của chế độ phong kiến thân quyền Hồi giáo.

LỐI SỐNG CỦA NGƯỜI HỒI GIÁO

“*Wa ár ka nul is la mu khom xa tun*” - nghĩa là *Rukun Islam* gồm 5 điều:

“*Sa hu da tu al la ha il lol lo hu wa anh na mu hám ma dár ro xu lul lo hi wa y co mas sro la ta wa y la az za ka ta wa sráu mu sah ro ro ma do na wa hij jul bay ti ma nis tu trò a y lay hi xa by lá*”.

Nghĩa là: Người Islam áp dụng 5 điều sau đây:

1. Chỉ có một Ollohu-ta-ala duy nhất và Ro xun Muhammad là giáo chủ tuân lệnh Ollohu để truyền đạo Islam.

2. Cầu nguyện (Xám bah đâng) một ngày và một đêm 5 lần (wactu)

3. Mỗi năm ăn chay một tháng Romadon.

4. Bó thí, nếu tiền của đến một độ nhất định.

5. Đi hành hương làm Haji tại Makkah (A Rập), nếu có điều kiện.

Tất cả những người Mukallaf (là những người tới tuổi và có đủ trí khôn, bắt buộc phải biết Ollohu, người được nhắc tới trong kinh thánh Qu'ran.

“*Wa manh ka na fy ha zi hy á ma, fa hu wa fil a khi ro ti a ma, wa a dol lu xa by lá*”

Nghĩa là: Những người nào sống trên thế gian này tâm trí mù quáng không biết Ollohu có nhiều Srifat tốt đẹp, thì đến ngày Akhirot ngày phán phán xét kia, họ cũng vẫn tối tăm không biết Ollohu và họ sẽ bị hành tội trong Địa ngục.

Vì vậy giáo chủ Naby Roxun Muhammad có nói cho chúng ta biết:

“Áu wa lud dy nu má ri fa tul tah”.

Nghĩa là: Trước khi vào đạo, bắt buộc mình phải biết Ollohu.

Khi nào biết chắc Ollohu rồi, lúc đó chúng ta mới làm đúng theo luật đạo. Nếu chúng ta không biết Ollohu thì bao nhiêu việc chúng ta làm đó, ai nhận cho?

Gọi biết Ollohu không phải cho chúng ta thấy hình dạng Ollohu bằng mắt, vì ở thế gian này, không ai được thấy Ollohu. Tất cả bao nhiêu thiên thần mà Ollohu sai khiến hằng ngày cũng không thấy Ollohu, Vì Người có phán trong kinh thánh Qu’ran:

“Wa fy âm fu xi kum a fa la tub sri run”.

Nghĩa là: Các người nhìn thấy thân hình của các người, thì các người biết đó là do TA tạo ra nhưng các người không thể trông thấy TA được.

Vậy nếu không ai trông thấy Ollohu sao lại nói là có? Thế nên Ollohu bảo thiên thần Jibroil và Mykail xuống thế gian rước Naby Roxun Muhammad lên khỏi 7 lớp trời, để gặp Người.

Giáo chủ Naby Roxun Muhammad có gặp, có thấy, có nói chuyện với Ollohu trong đêm thứ hai 27 tháng Rojáb. Naby Roxun thấy Ollohu rồi nhưng không biết tả lại thế nào, vì Người khác biệt hơn tất cả những gì có trên thế gian này, nên không có thể so sánh được.

Việc giáo chủ Naby Roxun Muhammad lên trời để gặp Ollohu gọi là đi Mitraj và Roxun có nói cho chúng ta biết:

“Ta fak ka ru fy khol kil la hi wa la ta fak ka ru fy za ti hy fa in na ha la tu hy tru bi hil fik ro tu”.

Nghĩa là: Các người cứ nhìn và suy nghĩ về thế giới này, xem loài người có thể làm được hay không? Lúc đó các người sẽ biết có Ollohu không cần phải suy nghĩ xem có hay không hình dạng của Người vì Ollohu đã được rào kín bằng sự nhiệm màu.

Hỡi tất cả những người có trí khôn nhớ cho kỹ gọi biết Ollohu là bắt buộc cho chúng ta biết Srifat tốt đẹp Ollohu mà thôi. Đừng nghi ngờ nói: biết Ollohu đó là cho chúng ta thấy Người, vì chúng ta chỉ là người tầm thường thôi.

Chương II

LỐI SỐNG ĐẠO

CỦA NGƯỜI THEO HỒI GIÁO

2.1. TÌM HIỂU VỀ OLLOHU VÀ MUHAMMAD

Tìm hiểu Ollohu và Roxun là điều thứ nhất của Rukun Islam.

Naby Roxun Muhammad có nói:

ÁÁu wa lud di na ma ri fa tul loh.

Nghĩa là: Trước khi vào đạo bắt buộc mình phải biết Ollohu-ta-ala.

Đạo là tất cả Hukum giáo luật mà Ollohu bảo Naby Roxun Muhammad truyền lại cho tín đồ Islam Hồi giáo.

Đạo có 4 đặc điểm:

1. Bắt buộc mình phải làm theo cách (nghĩ thức tu tập)

Ah lus xun nah wal ja ma ah.

Nghĩa là làm theo lời của Giáo chủ Naby Roxun và làm theo cách của khu *la fa ur ro si din*. (Người kế cận của giáo chủ Naby tiếp cho đến ngày nay).

2. *Ba nar co srod.*

Nghĩa là Làm. *Y ba dat* hành đạo lòng trong sạch ngay với Ollohu.

3. Islam.

Nghĩa là: Bằng lòng nhận làm tất cả Hukum giáo luật mà Naby Roxun Muhammad truyền lại.

4. Bằng lòng không làm tất cả những việc Naby Roxun Muhammad cấm.

Biết là thấy mọi việc khiến lòng chúng ta hiểu đúng bên trong của việc đó.

Thí dụ: Mắt trông thấy thế gian này, chúng ta biết không ai làm được, chỉ có Ollohu tạo được mà thôi.

Như chúng ta thấy một cái nhà hoang, lòng chắc tin phải có người làm, chứ không phải tự nhiên có.

Có hai thứ biết:

- Nhờ có dấu hiệu bên ngoài mới biết được bên trong, đó là sự hiểu biết của người tâm thường.

- Không cần có dấu hiệu bên ngoài, nhưng vẫn biết được bên trong. Đó là sự hiểu biết của bậc Naby Roxun và thánh Waly.

Vấn đề nhận biết nhất tâm (Ilmu Tauhid)

Ilmu này gồm tất cả những sự hiểu biết có tính cách siêu không gian và thời gian. Riêng ở đây, chỉ đề cập đến sự hiểu biết về Ollohu.

Sự hiểu biết này rất cần thiết cho nhân loại, để tìm hiểu Srifat Ollohu và Srifat Naby Roxun.

Gốc Ilmu ở nơi Zat Ollohu là hiện thân Roxulluloh. Ilmu này gọi là Ilmu Tauhid, nghĩa là tìm hiểu một Ollohu.

Ilmu này xuất phát từ thánh kinh Qu'ran và Hadis Naby Roxul Muhammad. Ilmu này bắt buộc người có trí khôn phải biết và nói Srifat tốt đẹp Ollohu rất nhiều không ai có thể biết hết.

Mỗi người bắt buộc phải biết 13 Srifat (điểm nhấn) theo lời của hai ông:

1. **Abil ha xa nil asary.**

2. **Abu man srur ma tury dy.**

Tiếp theo 13 Srifat chính thì có 13 Srifat chống đối lại chỉ nhằm giúp mọi người hiểu đúng về 13 Srifat chính mà thôi.

SRIFAT 1: **Wu jud** - nghĩa là Có một Ollohu.

Bắt buộc tâm trí chúng ta phải tin và miệng phải nói: Ollohu là có thật, tự nhiên có.

Vậy lấy gì để chứng minh?

Vì mắt mình trông thấy thế gian này, mới dám nói có Ollohu và chúng ta không bằng lòng khi nói: Ollohu là không có.

Vì Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Ol lo hul la zy kho ta cos xa ma wa ti wal ar do wa ma bay nah u ma.

Nghĩa là: Ollohu tạo 7 lớp trời và đất, cùng tất cả những gì có trên trời và dưới đất.

Chống với Srifat này là: *Adam*- nghĩa là không có.

SRIFAT 2: **Ki dam** - nghĩa là Trước tiên phải nhắc tới Ollohu.

Bắt buộc tâm trí chúng ta phải tin và miệng phải nói: Ollohu trước tiên, không có gì trước Ollohu.

Vậy lấy gì để chứng minh?

Vì mắt mình trông thấy thế gian này từ từ có, nghĩa là từ cái không đi dần tới cái có.

Nếu Ollohu mới có, vậy thì Ollohu giống như loài người rồi, làm cách nào tạo ra thế gian này được?

Chắc chắn Ollohu có trước tiên và có từ lâu rồi. Chúng ta không bằng lòng khi nói Ollohu mới có.

Vì Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Hu wal au wal.

Nghĩa là: Ollohu có trước nhất.

Chống với Srifat này là *Hu dus*: Mới có.

SRIFAT 3: **Ba Co** - nghĩa là Đòi đòi bắt diệt

Bắt buộc tâm trí mình phải tin và miệng phải nói: Ollohu đòi đòi kiếp kiếp không dứt và bắt diệt.

Vậy lấy gì để chứng minh?

Vì mắt mình trông thấy thế gian này từ từ tiêu đi, nghĩa là nó đi từ cái còn lại trở về cái không. Chắc chắn Ollohu đòi đòi kiếp kiếp không dứt và không mất. Chúng ta không bằng lòng khi nói rằng Ollohu bị tiêu vong.

Vì Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Wa dab co waj hu rob bi ka zul ja la ti wal ik rom.

Nghĩa là: Zat Ollohu vô cùng lớn và vô cùng tốt đẹp đòi đòi kiếp kiếp.

Chống với Srifat này là *Trur rul adam*: Bị tiêu diệt.

SRIFAT 4: *Mu kho la fat u hut a ala lil ha wa dis* - Nghĩa là Ollohu khác biệt hơn so với tất cả.

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng phải nói: Ollohu khác hơn tất cả thế gian này, không có cái gì có thể so sánh được với Zat và Srifat Ollohu không có hình thể hay màu sắc, không thuộc về một vật gì nhỏ nhất, cũng không thuộc về mây khói hoặc lửa.

Vậy lấy gì để làm tin?

Vì nếu Ollohu giống thế gian này một điểm nào, thì ra Ollohu giống nhân loại rồi, làm cách nào tạo được thế gian này?

Chắc chắn Ollohu không giống thế gian và mình không bằng lòng với Ollohu giống thế gian này.

Vì Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Lay xa ka mis li hy say un.

Nghĩa là: Ollohu khác biệt hơn tất cả thế gian này.

Chống với Srifat này là: *Al mu ma za la tu hu lil ha wa dis.*

Nghĩa là Giống tất cả thế gian này.

SRIFAT 5: *Kid a mu hut a ala bi naf xi hy* - nghĩa là: Ollohu không cần ai tạo ra.

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin miệng phải nói: Ollohu không cần ai tạo ra.

Vậy lấy gì để chứng minh?

Nếu Ollohu có người tạo ra thì Ollohu giống như loài người rồi, làm cách nào tạo ra thế gian này được? Vậy thế gian này có từ đâu?

Chắc chắn Ollohu không cần ai tạo ra. Chúng ta không bằng lòng khi nói: Ollohu cần người tạo ra.

Vì Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

La nol lo ha la go ny dun a nil a la min.

Nghĩa là: Ollohu giàu⁶ nhất so với tất cả.

Chống lại với Srifat này là *Al la da kun a co y manh bi naf xi hy.*

Nghĩa là: Cần người tạo ra.

SRIFAT 6: ***Wah da ni dah*** - nghĩa là Chỉ có một Ollohu.

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng phải nói: Một Zat Ollohu, một Srifat Ollohu, Một *Afal* cử động Ollohu-ta-ala.

Một Zat Ollohu: Zat Ollohu chỉ có một, không giống như loài người, vì không có hình thể hay màu sắc, cũng không phải thuộc về một vật chi nhỏ nhất - nghĩa là không thể lấy gì so sánh được.

Một Srifat Ollohu - Srifat tốt đẹp Ollohu rất nhiều, nhưng mỗi thứ chỉ có một mà thôi.

Thí dụ: Một *Wujud*, một *Kidam* . . .

***Afal* cử động Ollohu**

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng phải nói: Tất cả cử động và biến động của thế gian này đều phát xuất từ Một *Afal* Cử động Ollohu. Không ai chung góp cử động này với Ollohu.

Hỏi: Các cử động và biến động ở thế gian này là của tất cả muôn loài vạn vật. Tại sao nói của Ollohu được?

⁶ Giàu: OLLOHUU-TA-ALA có tất cả, không cần ai sinh, không cần ai giúp đỡ, không cần toan tính với ai.... Trong việc tạo thế gian này.

Đáp: Lời nói này đúng, song các cử động và biến động này chỉ ở bên ngoài và nhờ mắt mình mới nhìn thấy, còn bên trong chúng nó là của Ollohu, vì Ollohu cho chết là hết cử động. Kết luận này mới thật đúng một cách tuyệt đối.

Hỏi: Như vậy cử động Ollohu chỉ có một mà thôi, nhưng tại sao Ollohu hành tội những người phạm tội lỗi? Và lại ban phúc cho những người làm tròn bốn phận⁷.

Đáp vì cử động *Af al* có 2 loại:

a. Cử động *It tri ra ry* là cử động không do mình muốn, mà do Ollohu ép buộc mình.

Thí dụ: Trèo lên cây, thành linh trượt chân ngã xuống đất bị thương hoặc chết. Đi ngang đường, thành linh bị tai nạn giao thông mà chết...

Vì thế cử động *It tri ro ry* này, Ollohu không buộc tội và cũng không ban phúc.

Cử động *Ikh ti da ry* là cử động do ý thức của mình sai khiến. Nếu mình muốn làm việc tốt đẹp, thì Ollohu ban phúc cho; còn muốn làm điều xấu xa tội lỗi thì Ollohu sẽ hành tội. Người tâm thường:

A wa mul mus li min có Usha và Pilih:

Usha: muốn là do mình muốn, còn cử động là do Ollohu ban cho.

Thí dụ: Mình muốn đi học, tự mình muốn. Cử động đi do Ollohu ban cho. Như vậy, ý muốn của chúng ta phù hợp với cử động Ollohu cho và không phải Người ép buộc chúng ta.

⁷ Bốn phận: Làm đúng theo Hukum Giáo luật do Naby Roxun MUHAMMAD truyền lại.

Pi lih: Chúng ta muốn làm việc gì, tự mình muốn, tự mình chọn, tự mình làm... Kết quả thành hay bại đều do Ollohu quyết định.

Thí dụ: Mình muốn làm một cái cốc, tự mình muốn, tự mình làm. Kết quả thành cái cốc là do Ollohu. Đây gọi là cách: *Ah lus xun nah wal ja ma ah* là làm theo cách Naby Roxun Muhammad và những người kế cận Roxun nối tiếp đến ngày nay.

Cử động *Ikh ti da ry* có 3 điều:

* Làm đúng cách. *Ah lus xun nah wal ja ma ah*.

* *Jab ry dah*: Nhóm người này nói: Tất cả cử động là do Ollohu ép buộc, chúng ta không có gì hết, chỉ do Ollohu mà thôi. Nhưng họ không nói Ollohu xử ác với họ. Vì họ cho rằng linh hồn, thể xác cùng tất cả cử động của họ đều thuộc về Ollohu.

* *Mu ta zi lah*: Nhóm người này nói, tất cả cử động Ollohu giao cho họ rồi. Họ cho rằng những cử động đó là của họ. Họ có quyền. Họ tự do muốn làm gì thì làm, không ai ép buộc được họ. Họ làm việc gì thành hay bại là do tài sức của họ.

Tóm lại, người tâm thường *Awa mul mus li min* không theo hai cách *Dah ry dah* và *Mu ta zi lah*.

Vậy lấy gì để chứng minh khi nói: Một Ollohu? Nếu không phải một Ollohu, thì hai, ba hoặc nhiều hơn nữa. Nếu hai, thì một muốn làm thế này, và một lại thích làm thế kia, tranh giành nhau mãi, làm cách nào tạo ra thế gian được? Vậy thế gian này từ đâu mà có?

Chắc chắn chỉ có một Ollohu mà thôi. Chúng ta không bằng lòng khi nói có nhiều Ollohu.

Vì Ollohu có truyền dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Kul hu wol lo hu a had.

Nghĩa là: Hỡi Muhammad, hãy nói đi: Ollohu chỉ có một.

Ngược với Srifat này là *Al la da kun a wa hi danh.*

Nghĩa là: Ollohu không phải là duy nhất.

SRIFAT 7: *Co da rot* - nghĩa là Ollohu là mạnh nhất.

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng phải nói: Ollohu vô cùng mạnh; làm được tất cả mọi việc mà Ollohu muốn, như: tạo ra một cõi trời nặng và rộng bao la như thế nhưng không cần cột chống đỡ mà vẫn đứng vững.

Vậy lấy gì để làm tin?

Nếu Ollohu không có Srifat Mạnh thì làm cách nào có thể tạo ra thế gian này được?

Chắc chắn Ollohu có Srifat Mạnh. Chúng ta không bằng lòng khi nói Ollohu yếu.

Vì Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

In nol lo ha a la kul ly say in co ddirr.

Nghĩa là: Ollohu vô cùng mạnh, trên tất cả mọi việc.

Ngược với Srifat này là *Alaj zu* - nghĩa là Yếu.

SRIFAT 8: *Y rod at* - nghĩa là Ollohu muốn.

Bắt buộc tâm trí các tín đồ phải tin và miệng phải nói: Ollohu muốn tạo thế gian này. Và thế gian này là do Người đã quyết định hết, như hình thức lớn hay nhỏ, màu trắng hoặc màu đen...

Vậy lấy gì để chứng minh?

Nếu Ollohu không có Srifat Muốn, thì tất nhiên Ollohu tự ép buộc phải tạo thế gian này. Khi không muốn thì làm sao có thể ép Ollohu tạo được?

Chắc chắn Ollohu có Srifat Mạnh, nếu Ollohu có Srifat Mạnh, thì bắt buộc phải có Srifat Muốn, vì Mạnh và Muốn đi đôi với nhau. Chúng ta không bằng lòng nói Ollohu tự ép buộc mình.

Tất cả mọi việc không tránh khỏi Muốn và Mạnh của Ollohu.

Vì Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Fā a lull y ma du rid.

Nghĩa là: Ollohu làm tất cả mọi việc mà Ollohu Muốn.

Ngược lại với Srifat Muốn là:

Y ja du say im mi nal a la nu ma a a da mi y rod a ti hy.

Nghĩa là làm mọi việc trên thế gian này không muốn.

SRIFAT 9: *Ilmu* - nghĩa là Ollohu Biết.

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng phải nói Ollohu có Srifat Biết. Không có gì ngăn cách sự biết của Ngài được. Ollohu biết việc *Wajib* (bắt buộc có); biết việc *Mustahil* (không có) và biết việc *Harus* (có quyền).

Biết việc *Wajib* Ollohu Biết *Zat* Ollohu có, và Người biết bản thân Mình có nhiều Srifat tốt đẹp hợp với *Zat* Ollohu.

Biết việc *Mustahil* Ollohu biết ngoài Ngài ra không có ai tranh giành ngôi vị với Mình và Ollohu không vợ, không con...

Biết việc *Harus* Ollohu biết tự tạo thế gian này và tự có quyền, Ngài đã biết trước mọi sự việc, trước khi tạo ra chúng.

Vậy lấy gì để chứng minh?

Nếu Ollohu không có Srifat Biết, tất nhiên Ngài không có Srifat Muốn, thì Ngài tạo thế gian này trong thế bị ép buộc. Chúng ta không bằng lòng khi nói: Ollohu bị ép buộc. Vì đã có điều kiện chứng minh rằng Ollohu có Srifat Muốn.

Khi nào nói: Ollohu có Srifat Muốn thì lẽ dĩ nhiên phải có Srifat Biết. Vì Muốn và Biết phải đi đôi với nhau.

Chắc chắn Ollohu có Srifat Biết và mình không bằng lòng nói Ollohu là Đại.

Vì Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Wal lo hu bi kul ly say in alim.

Nghĩa là: Ollohu Biết tất cả mọi việc.

Ngược với Srifat này là *Al jah hu* - Đại.

SRIFAT 10: *Hay dat* - nghĩa là Ollohu Sống.

Bắt buộc tâm trí chúng ta phải tin và miệng mình phải nói: Ollohu có Srifat Sống không cần hôn. Kẻ nào nói Ollohu sống nhờ hôn, người đó thành Kafir⁸, dù họ nói sống bằng hôn đời đời kiếp kiếp cũng không được.

Vậy lấy gì để chứng minh?

Nếu Ollohu không có Srifat Sống thì dĩ nhiên Ngài cũng không có Srifat Mạnh và nhiều Srifat khác.

Nếu Ollohu không có Srifat Mạnh làm sao mình bằng lòng? Vì đã chứng minh cho mọi người biết Ollohu có Srifat Mạnh.

⁸ Kafir: Kẻ ngoại đạo ISLAM Hồi giáo.

Chắc chắn Ollohu có Srifat Sống và mình không bằng lòng nói Ollohu chết.

Vì Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Wa ta wak kal a lal hay dil la zi la dam u tu.

Nghĩa là: Các người cứ phó thác hết tất cả mọi việc cho Ollohu này, vì TA không bao giờ chết.

Ngược với Srifat này là *Al mun tu* - nghĩa là chết.

SRIFAT 11: *Xa mu* - có nghĩa là: Ollohu nghe.

Bắt buộc tâm trí mình phải tin và miệng phải nói: Ollohu có Srifat nghe. Nghe không sót tất cả mọi việc, không cần có tiếng động cũng vẫn nghe thấy.

Ollohu không cần nghe bằng tai. Kẻ nào nói Ollohu nghe bằng tai, người đó thành Kafir. Ollohu nghe tất cả những gì mà Người đã tạo ra.

Ollohu nghe có 3 điều (*Tá lúc*).

Tá lúc: Tanh jy zy co dim.

Nghĩa là: Ollohu nghe Zat Ollohu. Người nghe tiếng nói của mình và nghe tất cả Srifat **Ma a ni** mà Người có.

Tá lúc Tanh jy zy ha dis.

Nghĩa là Ollohu xấp đặt nghe tất cả mọi việc của Mình tạo ra.

Tá lúc: Sru lu hy co dim.

Nghĩa là: Ollohu xấp đặt và lắng nghe từ trước khi tạo ra thế gian và nghe thế gian hiện hữu.

Vậy lấy gì để làm chúng?

Nếu Ollohu không có Srifat Nghe, thì người thiếu sự tốt đẹp hợp với Zat Ollohu. Nếu thiếu sự tốt đẹp rồi thì làm thế nào thành Ollohu được?

Chắc chắn Ollohu có Srifat Nghe và chúng ta không bằng lòng nói Ollohu điếc.

Vì Ngài đã dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

In n any ma a ku ma as ma u wa a ro.

Nghĩa là hồi Huxa và Harun⁹ chắc chắn nghe lời nói và TA thấy hành động của các người.

Ngược với Srifat này là *Sro ma mum* - nghĩa là Điếc.

SRIFAT 12: **Ba sror** - nghĩa là: Ollohu thấy.

Bắt buộc tâm trí mình phải tin và miệng phải nói: Ollohu có Srifat thấy. Người thấy không sót một việc gì cả, dù cho bị ngăn cách bao nhiêu lớp cũng vẫn thấy.

Không phải Ollohu thấy bằng mắt. Kẻ nào nói Ollohu thấy bằng mắt, người đó thành Kafir.

Srifat Thấy có 3 điều Tá lúc:

Tá lúc Tanh jy zi co dim.

Nghĩa là: Ollohu thấy Zat Ollohu. Thấy tất cả Srifat tốt đẹp của Minh.

Tá lúc: Tanh jy zi ha dis.

Nghĩa là: Ollohu thấy tất cả mọi việc mà Minh đã tạo ra ở thế gian đang sống này và trong tương lai (sau ngày Tận Thế).

⁹ MUXA và HARUN: Hai vị Naby Roxun thời trước.

Tá lúc: Sru lu hy co dim.

Nghĩa là: Ollohu xấp đặt thấy, trước khi chưa tạo ra thế gian hiện hữu này cũng như tương lai.

Vậy lấy gì làm tin?

Nếu Ollohu không có Srifat Thấy, thì Người sẽ thiếu đi sự tốt đẹp hợp với Zat Ollohu. Nếu thiếu sự tốt đẹp rồi, làm thế nào mà thành Ollohu được?

Chắc chắn Ollohu có Srifat Thấy và chúng ta không bằng lòng nói Ollohu mù.

Vì Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

In nol lo ha xa my um bu srir.

Nghĩa là: Chắc chắn Ollohu Biết và Thấy tất cả.

Ngược với Srifat này là *A ma* - nghĩa là Mù.

SRIFAT 13: *Ka lam* - Nghĩa là: Ollohu Nói.

Bắt buộc tâm trí chúng ta phải tin và miệng phải nói: Ollohu có Srifat Nói. Nói không dứt, không phải nói rồi nghỉ, nghỉ rồi nói.

Ollohu nói cho biết việc *Wajib*, việc *Mustahil* và việc *Harus*.

Nói việc *Wajib*:

Ollohu Nói: Có Zat Ollohu và nhiều Srifat tốt đẹp hợp với Zat Ollohu.

Nói việc *Mustahil*:

Ollohu Nói: Ngoài Ollohu ra không có ai tranh giành ngôi vị với Người và Người không vợ, không con...

Nói việc *Harus*:

Ollohu nói: Thế gian này Người có quyền tạo ra nó.

Vậy lấy gì để làm tin?

Nếu Ollohu không có Srifat Nói thì Người thiếu sự tốt đẹp hợp với Zat Ollohu. Nếu thiếu sự tốt đẹp làm thế nào mà thành Ollohu được?

Kẻ nào nói Ollohu Nói bằng miệng thì kẻ đó thành Kafir.

Chắc chắn Ollohu có Srifat Nói và chúng ta không bằng lòng nói Ollohu Câm.

Vì Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Wa kal la mol lo hum u xa tāk ly ma.

Nghĩa là Ollohu nói với Roxun Muxa đủ các chuyện...

Ngược với Srifat này là *Al buk mu* - nghĩa là Câm.

Trên đây là 13 Srifat tốt đẹp của Ollohu và sau đây là 13 Srifat chống lại lời nói của 2 ông. Abil Haxa Nil Asary và Abu Man Srur Matury Đy. Con Ông: Cuddy Abubakar Muhammad Ibnu Troydib Bacu Lany. Và Ông Imâm Haromayni nói bắt buộc cho mình biết 20 Srifat tốt đẹp Ollohu vì thêm 7 Srifat *Ma nu wy dah*.

Người theo 2 ông này là ông Sykh Xunuxy.

SRIFAT 14: *Câu nu hu co ri ronh* - nghĩa là Có Ollohu, có Srifat Mạnh. (S1)

Bắt buộc tín đồ phải tin và miệng phải nói: Có Ollohu, có Srifat Mạnh, phát khởi từ hiện trạng có thật trong lòng, chứ không phải ở ngoài cho mình thấy.

Thí dụ: Một người sắp mặc y phục, trong lòng mình có thể nghĩ, người đó mặc y phục đẹp hoặc không đẹp. Đây là do chúng ta nghĩ đến, chứ mắt chúng ta chưa thấy, (theo lời của 2 ông: Cody Abubakar Muhammad Ibnu Troydis Baculany và Imâm Haromayni.

Còn 2 ông Abil Haxa Nil và Abu Man Ssurma Tury Dy nói: Srifat Mạnh ở chung với Zat Ollohu và ở trong hoặc ở ngoài cũng không tách khỏi Zat Ollohu, chỉ cùng một nghĩa mà thôi.

Srifat *Co da rot* và Srifat *Cau nu hu co di ronh* chỉ có một nghĩa mà thôi.

Chống với Srifat này là *Cau nu hu aji zanh âm mum ki ninh*.

Nghĩa là: Có... nhưng yếu.

Lý luận như trên sẽ áp dụng cho 6 Srifat kế tiếp.

SRIFAT 15: *Câu nu hum u ry danh* - nghĩa là Có Ollohu, có Srifat muốn.(2)

Bắt buộc tâm trí các tín đồ phải tin và miệng phải nói: Có Ollohu, có Srifat Muốn.

Chống với Srifat này là *Câu nu hu ka ri hanh*.

Nghĩa là: Có... nhưng bị ép buộc.

SRIFAT 16: *Câu nu hu a li manh* - nghĩa là Có Ollohu, có Srifat Biết.(S3)

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng phải nói: Có Ollohu, có Srifat Biết.

Chống với Srifat này là *Câu nu hu ja ha lanh*.

Nghĩa là: Có... nhưng đại.

SRIFAT 17: *Câu nu hu hay danh* - có nghĩa là Có Olohu, có Sriffat Sống. (S4)

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng phải nói: Có Olohu, có Srifat Sống.

Chống với Srifat này là *Câu nu hu may đi tanh*.

Nghĩa là: Có... nhưng chết.

SRIFAT 18: *Câu hu nu xa my anh* - nghĩa là có Olohu, có Sriffat Nghe. (S5)

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng mình phải nói: Có Olohu, có Srifat Nghe.

Chống lại với Srifat này là *Câu nu hu a srom*.

Nghĩa là: Có ... nhưng điếc.

SRIFAT 19: *Câu nu hub a sry ronh* - nghĩa là Có Olohu, có Sriffat Thấy. (S6)

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng mình phải nói: Có Olohu, có Srifat Thấy.

Chống lại với Srifat này là *Câu nu hu á ma*.

Nghĩa là: Có ... nhưng mù.

SRIFAT 20: *Câu hu num u ta kal li manh* - nghĩa là Có Olohu, có Sriffat nói.(S7)

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng mình phải nói: Có Olohu, có Srifat Nói.

Chống lại với Srifat này là *Câu nu hu ab cam*.

Nghĩa là: Có... nhưng cảm.

Trên đây là 20 Srifat tốt đẹp Ollohu và 20 Srifat chống lại. Theo lời 2 ông Cody Abubakar Muhammad Ibnu Troydib Baculany và Imâm Haromayni. Ngoài các Srifat tốt đẹp, còn có một quyền lực gọi là Harus Ollohu.

HARUS OLLOHU-TA-ALA.

Nghĩa là Ollohu có quyền, không ai ép buộc Ngài, trước khi và trong lúc tạo ra thế gian này. Tất cả 3 cõi¹⁰ gồm có thế gian là một chịu phục tùng dưới quyền của Ollohu.

Vậy lấy gì để chứng minh?

Vì mắt mình trông thấy thế gian này sẵn có, nếu Ollohu không có Quyền Lực thì ra Ngài tạo thế gian này bị ép buộc và mình không bằng lòng nói: Ollohu bị ép buộc.

Phân loại Srifat Ollohu

Srifat Ollohu được chia làm 4 phần:

Phần thứ nhất: *Srifat Naf xi dah* - có một Srifat, *Wujud: Zat Ollohu*.

Phần thứ hai: *Srifat Xal bi dah* - không chấp nhận nói Zat Ollohu không tốt đẹp.

Có năm Srifat:

1. *Ki dam* - nghĩa là không chấp nhận có gì trước Ollohu.
2. *Ba co* - nghĩa là không chấp nhận có gì sau Ollohu.

¹⁰ Cõi: 1. Cõi trời Alam Ma la kut.

2. Cõi Dương thế Alam Đun da.

3. Cõi Âm thế Alam Bar zakh.

3. *Mu kho la fat u hu ta ala lil ha wa dis*: không chấp nhận có gì giống Zat Ollohu.

4. *Kid a mu hu tu ala bi naf xi hy*: không chấp nhận Zat Ollohu cần sự giúp đỡ.

5. *Wah da ni dah*: Không chấp nhận Zat Ollohu có hai, ba...

Phần thứ ba: *Srifat ma a ny*.

Srifat này đứng chung với Zat Ollohu, nghĩa là Srifat có thật trong lòng và ngoài mắt.

Nếu Ollohu muốn cho mình thấy mình sẽ thấy Ollohu bằng đôi mắt và cõi lòng mình.

Có bảy Srifat:

1. Srifat *Co đa rol*

2. Srifat *Y ro dat*

3. Srifat *Ilmu*

4. Srifat *Hay dat*

5. Srifat *Xa má*

6. Srifat *Ba sror*

7. Srifat *Ka lam*

Phần thứ 4: *Srifat ma nu wy dah*

Srifat này tạo thêm sự vững chắc cho Srifat *Ma a ny* có nghĩa là Ollohu có *Srifat Ma a ny* lẽ dĩ nhiên phải có Srifat *Ma nu wy dah*.

Hai Srifat này gắn liền với nhau

Có 7 Srifat:

1. *Câu nu hu Co di rong*
2. *Câu nu hu Mu ri danh*
3. *Câu nu hu A li danh*
4. *Câu hu nu Hay danh*
5. *Câu nu hu Xa my anh*
6. *Câu nu hu Ba sry ranh*
7. *Câu hu nu Mu ta kal li manh*

Srifat Id Rok

Nghĩa là: Ollohu có trí giác.

1. Bắt buộc tâm trí chúng ta phải tin và miệng phải nói: Ollohu có Srifat *Id Rok*, có trí giác. Không cần sự liên lạc từ thế gian đến Zat Ollohu.

Vậy phải lấy gì để chứng minh?

Nếu Ollohu không có Srifat *Id Rok*, thì tất nhiên Ollohu thiếu sự tốt đẹp hợp với Zat Ollohu. Nếu thiếu sự tốt đẹp rồi, làm thế nào làm Ollohu được?

Chắc chắn Ollohu có Srifat *Id Rok* và mình không bằng lòng với Ollohu không có Srifat *Id Rok*.

2. U La Ma còn cho biết thêm một Srifat nữa:

Srifat Câu hu nu mud ri canh

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng phải nói: có Ollohu, có *Srifat Id Rok*.

SRIFAT ROXUL

Bắt buộc người tới tuổi và có trí khôn phải biết 4 Srifat Roxul:

Srifat thứ nhất: Sri dic nghĩa là Thật

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng phải nói: Tất cả Roxun đều thật. Nghĩa là Roxun nói một chuyện gì, chuyện đó phải là thật, dù cho có dối đi chăng nữa, thì chuyện đó cũng phải trở thành thật. Nhưng chúng ta không bằng lòng nói Roxun dối vì Ollohu ban cho tất cả những Roxul *Mua ji zat* (phép mầu). Ollohu ban *Mua ji zat* cho Roxul không khác gì, Ollohu cho mình biết: Roxun không bao giờ nói dối.

Vậy lấy gì để chứng minh?

Nếu Roxun dối, thì Ollohu cũng dối luôn. Chúng ta không bằng lòng khi nói Ollohu dối vì Ngài có tạo Địa ngục để hành tội những kẻ nói dối. Chắc chắn Roxul thật, không bao giờ dối.

Ngược với Srifat này là *Al kiz bu* nghĩa là dối.

Srifat thứ hai: A ma nah. Nghĩa là Ngay thẳng.

Bắt buộc tâm trí chúng ta tin và miệng phải nói: Tất cả đều ngay thẳng. Nghĩa là Roxul không bao giờ làm việc Ollohu cấm, bên ngoài thân Roxun cũng như trong lòng Roxun từ lúc còn thơ cho đến khi từ trần.

Thí dụ: Bên ngoài không uống rượu, không zina (trai gái), không cờ bạc...

Bên trong: Không một lần nào tính phạm luật Ollohu.

Vậy là gì làm bằng chứng?

Nếu Roxun gian, tất nhiên Ollohu bảo Roxun làm gian. Chúng ta không bằng lòng khi nói Ollohu xúi Roxun làm gian, vì Ollohu có địa ngục để hành tội những người xúi làm việc bị cấm.

Chắc chắn Roxun ngay thẳng, không bao giờ gian dối.

Chống với Srifat này là *Al khi da nah* nghĩa là Gian.

Srifat thứ 3: ***Tab lig*** nghĩa là Truyền.

Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng mình phải nói: Tất cả các Roxun đều có Truyền Hukum giáo luật cho U mat (tín đồ Islam).

Ollohu ban cho Roxun 3 hạng Hukum:

* Hukum thứ nhất: Ollohu cho Roxun dùng riêng biệt không cho ai biết.

* Hukum thứ hai: Ollohu bảo Roxun chọn lựa người nào xứng đáng mới truyền *Ilmu ta srâu wuf* (hành đạo theo cấp bậc thánh Waly).

* Hukum thứ ba: Ollohu bảo Roxun truyền lại tất cả hukum cho Umat không giấu một hukum nào.

Vậy lấy gì để chứng minh?

Nếu Roxun không truyền đủ hukum cho U mat tất nhiên Roxun giấu Hukum. Những người giấu Hukum là kẻ gian. Ollohu sẽ cho xuống địa ngục. Do đó chúng ta không bằng lòng khi nói Roxun giấu vì đã chứng minh được rằng Roxun có Srifat Ngay thẳng. Chắc chắn Roxun có truyền tất Hukum cho U mat và không giấu một Hukum nào.

2. Chống với Srifat này là *Al kil ma nu* nghĩa là Giấu.

* Srifat thứ 4: ***Fa tro nah*** nghĩa là Khôn.

1. Bắt buộc tâm trí tín đồ phải tin và miệng phải nói: Tất cả Roxun đều Khôn. Không ai nói Hukum thẳng được Roxun.

(Khôn ở đây được hiểu là luật đạo và không phải khôn về khoa học vì khoa học chỉ là việc thế gian không đáng cho Roxun bận tâm).

Vậy lấy gì để chứng minh?

Nếu Roxun không khôn làm thế nào truyền tất cả Hukum cho U mat được... vì người truyền Hukum luôn luôn bị người khác chống lại. Nếu Roxun không khôn làm sao giải quyết được mọi việc chống đối và truyền đạo Islam cho U mat.

Chắc chắn Roxun khôn và thông minh không bằng lòng với việc nói bừa đi.

Chống đối với Srifat này là *Al bi la dah* nghĩa là Đại.

Ngoài 4 Srifat này còn có một **Herus Roxul**.

Bắt buộc tâm trí chúng ta phải tin miệng mình phải nói: Tất cả Roxun đều là người. Roxun không giống như Ollohu hoặc thiên thần. Nếu Roxun là người, lẽ dĩ nhiên không tránh khỏi các nhu cầu cần thiết của con người như: ăn uống, bệnh tật... Nhưng cấp bậc của Roxun vẫn cao thượng hơn loài người, vì Roxun không có tư cách hoặc hành động tầm thường.

Vậy lấy gì để chứng minh?

Vì người trong thời Roxun có gặp Roxun, có tiếp xúc với Roxun, biết được đức tính cao quý của Roxun, nên thanh danh của Roxun còn lưu truyền từ đó đến ngày nay.

Tổng kết từ khởi đầu đến nay, chia làm 2 phần: Phần thứ nhất nói về Srifat tốt đẹp Ollohu. Phần thứ hai nói về Srifat tốt đẹp nói về Roxun.



* **Phần thứ nhất:** Srifat tốt đẹp Ollohu, 41 **Akidah**. Trong 41 Akidah có 20 Srifat tốt đẹp Ollohu, 20 Srifat chống và 1 Harus trong câu kinh: *La y la ha il loh loh*, câu này gọi là *Sahada Tauhid* - nghĩa là ngoài Ollohu không có thượng đế nào khác, không ai xứng đáng cho mình lạy, chỉ một Ollohu duy nhất mà thôi.

Vì: *Ol lo hu rob bul a la min*

Nghĩa là Ollohu tạo tất cả thế gian này.

* **Phần thứ hai:** Srifat tốt đẹp Roxun có 9 Akidah. Trong 9 Akidah có 4 Srifat tốt đẹp Roxun, 4 Srifat chống và 1 Harus gồm trong câu kinh: *Mu Ha Ma Đur Roxun Lul Lol*. Câu này gọi là *Sahadah Roxul* - có nghĩa là Roxun Muhammad là vị giáo chủ tuân lệnh Ollohu để truyền đạo Islam.

Tất cả hợp lại thành 30 Akidah gồm trong 2 câu kinh Kalimah:

As ha du al lay la ha il loh loh, wa as ha du anh na mu ham ma da ro xu loh loh.

Nghĩa là Tôi tin chắc rằng không có thượng đế nào khác, chỉ có một Ollohu duy nhất đáng cho tôi lạy và tôi tin chắc rằng Roxun Muhammad là vị giáo chủ tuân lệnh Ollohu để truyền đạo Islam

HÔNG SAHADAH

Hông hai Kalima Sahadah Tâuhid và Roxun nếu phạm 1 trong 4 điều sau đây:

1. Nói Ollohu nếu có, thì không phải một và nghi ngờ không biết Ngài có thật hay không?

2. Nghi ngờ nói 20 Srifat tốt đẹp Ollohu do U la ma ghi lại, không biết có thật hay không?

3. Nói Roxun không biết có thật hay không, hoặc nói: Ngày *A khi rot* (hay *A khi rat* - Ngày Phán xét) cùng Thiên đàng và Địa ngục không biết có thật hay không?

4. Nói thế gian này không phải do Ollohu tạo ra mà tự nhiên có, và Xujud (cúi đầu lạy) người khác.

Bắt buộc người tới tuổi và có trí khôn phải biết Naby Roxul Muhammad là người “A RẬP Kuroys”, cha tên Abdulloh, con ông Abdul Mutrolib, con ông Hasim, con ông Abdi Manaf, con ông Razoh, con ông Kilab và mẹ là Xily Aminah, con ông Wahab, con ông Abdi Manaf, con ông Ku Sroy, con ông Kilab.

Bắt buộc tín đồ phải biết kể từ khi có Hukum Saro, giáo luật Islam của Ngài Naby Roxul Muhammad thì tất cả giáo luật Islam của các Naby Roxun trước đều không được áp dụng nữa.

Sau này, khi Naby Roxun Y-Xa từ lớp trời thứ nhì xuống thế gian này cũng sẽ tuân theo giáo luật Islam của Naby Roxun Muhammad.

Sau Naby Roxun Muhammad không còn có Naby hoặc Roxun nào khác nữa. Kẻ nào nói có Naby hoặc Roxun sau Naby Roxun Muhammad người đó thành Kafir.

Naby Roxun Muhammad sinh tại Makkah và trưởng thành tại đó, đến năm 40 tuổi được Ollohu phong chức Roxun. Năm 53 tuổi, Naby Roxun Muhammad rời Makkah đến Madinar được 10 năm. Naby Roxun Muhammad từ trần tại Madinar năm 63 tuổi, nơi nhà vợ là Xity A Y Xah và được chôn tại đó.

Bắt buộc cho mình biết *Is ro* nghĩa là Naby Roxul Muhammad đi một đêm sau khi Xăm bah đấng Isá, tối thứ hai 27 tháng Rojâb, sau khi nhận chức Roxun được 10 năm 3 tháng.

Roxun cỡi Bu roc từ Makkah đến Bay tul Mucodis. Đến đây Roxul lên Miraj từ lớp trời thứ nhất đến lớp trời thứ bảy, đến Aras, đến Kufxi, đến Mutawa, Roxun gặp Ollohu tận mặt. Ollohu có nói chuyện với Roxun và bắt buộc phải Xăm Ba đấng một ngày một đêm năm Wactu và Umat Roxun cũng phải làm theo như thế.

Roxun nhận lãnh Xăm Bah đấng rồi trở xuống và đến Makkah trước Xăm bah đấng Srubuh.

Người đàn ông đầu tiên tin Naby Roxul Muhammad chắc chắn có lên trời là ông Xay di đi na Abybakar Sriddic, còn đàn bà là Bà Xity Khodijan và sau đó là tất cả các người Islam, còn lại những người không tin là Kafir.

Bắt buộc chúng ta phải biết Roxun Muhammad có cấp bậc cao hơn tất cả các Roxun khác và luôn có thiên thần.

Kế Roxun Muhammad là Roxun Ibrohim. Roxun Mu-Xa, Roxul Y Xa và Roxun Nuh. Năm vị này gọi là *U Lula z mi* (có công trạng nhất với Ollohu).

Kế năm Roxun này, là tất cả các Roxul khác. Kế Roxun là tất cả Naby không có chức Roxun. Kế đó là các thiên thần.

Mười thiên thần sau đây là vua của tất cả các thiên thần khác:

1. Jibbroil
2. Mykail

3. Isofil
4. Izroil
5. Munkar
6. Nakir
7. Rokib
8. Atid
9. Eidwan.
10. Zabanidah

Còn các thiên thần khác đều dưới quyền điều khiển của mười thiên thần này. Kế đó là các bạn Naby Roxun Muhammad:

1. Xaydidina Abubakar
2. Xaydidina Umar
3. Xaydidina Usman
4. Xaydidina Aly

Tiếp sau là sáu ông:

1. Trolhah
2. Zabir
3. Abdurruhman
4. Xaad
5. Naid
6. Abu Abydah.

Sau đó là những người có gặp và theo Naby Roxun Muhammad đến ngày nay.

Bắt buộc cho tín đồ biết tất cả thế gian đều tiêu tan, chỉ còn mười thứ Ollohu cho tồn tại:

Ruh – Ba nih – Ja xad Naby – Ja xad xahid - A ras - Kur xy – Loh – Co lam – Sur ga – Nar ka.

Nghĩa là: Hồn, Xương, Giống, Xác Naby, Xác người đánh giặc đạo, Aras, Kurxy, Bảg, Bút, Thiên đàng, Địa ngục.

2.2. CÁC HUKUM VỀ XĂM BAH DĂNG (CẦU NGUYỆN OLLOHU)

Cầu nguyện (Xăm bah dăng) là điều thứ nhì của Rukun Islam.

Xăm bah dăng trong một ngày và một đêm năm lần (Wactu) theo lời của Ollohu phán trong thánh kinh Qu'ran.

Wa du ky mus sro la ta

Nghĩa là: Các người hãy đứng Xăm bah dăng năm Wactu.

Sau đây là các Xăm bah dăng của những Roxun trước:

1. Wactu Zu hur: Xăm bah dăng của Naby Roxun Đa Vud và Naby Roxun Ibrohim.

2. Wactu A Srór: Xăm bah dăng của Naby Roxun Dunus và Naby Roxun Xu Lay Man.

3. Wactu Mag rib: Xăm bah dăng của Naby Roxun Da Cub và Naby Roxun Y Xa.

4. Wactu I sá: Xăm bah dăng của Naby Roxun Mu Xa.

5. Wactu Sru buh: Xăm bah dăng của Naby Roxun A Đam.

Ollohu gom tất cả năm Wactu đó ban cho Naby Roxun Muhammad cùng U Mat, trong đó Is ró và Miraj. Naby Roxun Muhammad có nói lại:

Cod far o do a lay him kham xu sro la wa tin fi kai li dau min wa lay la tim

Nghĩa là: Ollohu bắt buộc Ta và các người phải đứng Xăm bah dăng trong một ngày một đêm năm Wactu.

Roxun còn nói tiếp:

Manh tar o ka sro la lanh mu la am mi danh fa cod ka fa.

Nghĩa là: Những người nào cố ý bỏ Xăm bah dăng,

Chúng tôi xin trình bày các Hukum cần thiết sau đây:

1. *Hukum Trobaroh*
2. *Hukum về Najis* và những loài vật có hoặc không có Najis.

3. *Hukum Is ting ja*

4. *Hukum Co do ha jat.*

5. *Hukum Á u roh*

6. *Hukum Tâm Wajih.*

1. Hukum Troharoh

Muốn Xăm bah dăng, bắt buộc mình phải hiểu Hukum Troharoh, luật làm cho sạch sẽ bằng nước, vì Ollohu có phán trong thánh kinh Qu'ran:

Wa anh zal na mi nas xa ma anh tro hu ro.

Nghĩa là: Ta cho nước sạch trên trời xuống thế gian này để làm cho sạch sẽ.

Có 1 loại nước:

1. Nước *Mulr lac*: gốc nước này làm cho sạch.

Nước *Mulr lak* có 7 loại:

- a. Nước mưa.
- b. Nước biển.
- c. Nước sông.
- d. Nước giếng.
- e. Nước suối.
- f. Nước sương tuyết.
- g. Nước đá.

2. Nước *Mulr lac* cũng gốc nước nhưng *Makroh* dùng. Nước này có 2 thứ:

- a. Nước rất nóng
- b. Nước rất lạnh

3. Nước *Mus ta mal* nước mà người ta dùng *Wajib* rồi nước này đem dùng lại một lần nữa không được vì đã bẩn rồi, không thể dùng làm sạch lần thứ hai.

4. Nước *Mu tan a jis* Nước bị rớt *Najis* vào.

a. Nước dưới 250 lít bị rớt *Najis*, dù không đổi mùi, sắc, nhưng nước vẫn bẩn không thể dùng được.

b. Nước trên 250 lít bị rớt *Najis* vào có đổi mùi, sắc: nước mới bẩn không dùng được.

Bắt buộc mình phải biết *Najis* để rửa cho sạch.

2. Hukum về Najis và những loài vật có hoặc không có Najis

2.1. *Najis* là những chất bẩn như: máu, mủ, rượu, nước tiểu, phân...

Najis có 3 loại:

1. Najis Mu gol la zoh

Như lợn, chó và các loại vật lai từ chó, lợn với các thú vật khác...

Cách rửa: Xối 6 lần nước sạch và một lần nước pha đất hoặc ngược lại.

2. *Najis Mukhof fa fah*

Nước tiểu trẻ sơ sinh (còn bú)

Cách rửa:

a. Trẻ nam: Xối một lần nước là sạch

b. Trẻ nữ: Xối hơn 2 lần nước mới sạch.

3. *Najis Mu ta was xi Troh*

Tất cả các thứ Najis ngoài Najis Mu gol la zoh, *Mu khof fa fah*.

Cách rửa: Xối cho mất cục mùi và màu.

Nếu rửa nhiều rồi nhưng vẫn không trôi màu. Chùng đó luật cho là sạch, không cần phải cắt bỏ chỗ ấy.

2.2. Loại vật có hoặc không có Najis

Bắt buộc các tín đồ phải biết phân biệt loài vật có Najis hoặc không có Najis.

Tất cả các loài vật đều sạch trong lúc còn sống, chỉ trừ hai loài là chó và lợn và các con vật lai từ chó và lợn.

Hai loài này Ollohu đã nhất định như thế rồi và có phần trong thánh kinh Qu'ran cho Naby Roxun Muhammad biết: hai loài này không khác gì những loại trái cây độc hoặc nấm độc mà

Ollohu cấm không cho ăn, và nếu Ollohu không cấm thì mình cũng không dám ăn. Vậy xin đừng thắc mắc việc của Ollohu.

Loài vật có Najis hoặc không có Najis, trong lúc còn sống và sau khi chết, có 1 loại:

1. Loài vật sạch, trong lúc còn sống và sau khi chết:

Tất cả loài vật giết chết không nhiều máu.

Thí dụ: Cào cào, bướm bướm...

2. Loài vật có Najis trong lúc sống và sau khi chết:

Lợn, chó và các loại vật lai từ chó và lợn.

3. Loài vật sạch trong lúc sống và có Najis sau khi chết:

Tất cả loại vật mà Naby Roxun Muhammad cấm UMat không cho dùng, có rất nhiều không thể kể hết được.

Thí dụ: Voi, hổ, sư tử, khỉ, mèo....

5. Loài vật sạch trong lúc sống và có hoặc không có Najis, tùy trường hợp:

Tất cả loài vật mà Naby Roxun Muhammad cho dùng như: Trâu, bò, dê, cừu (trừ)...

Nếu loài vật này không có người Islam cắt cổ, hoặc tự nhiên chết thì có Najis không dùng được.

(Máu của tất cả loài vật đều không dùng được).

C. Luật cắt cổ các con vật có 4 điều:

1. Phải là người Islam (người Kafir cắt không dùng được).

2. Phải dùng lưỡi sắt thật sắc.

3. Phải đứt gân hai bên cổ.

4. Phải cắt đúng ngay giữa cổ.

Lúc sắp cắt, Xunat cho mình hai điều:

a. Đọc

Bis mit la hir rah ma nir ro him, Bis mit la hi ba. Lu lanh troy di bam mu bar o kanh OLLOHU ak ba.

Nghĩa là: Nhân danh Ollohu, Đấng rộng rãi thương mến, tôi cầu xin với Ollohu cho con vật này Halal dùng được tốt đẹp và có phúc đức Ollohu lớn nhất.

Ollohu có truyền dạy trong kinh thánh Qu'ran:

Wa la ta ku lu mim ma lam duz ka riz mul lo hi a lay hiu wa in nah u la fis cun.

Nghĩa là: Kẻ nào muốn ăn con vật nhưng không nhắc đến tên Ollohu, kẻ đó là người phản lại với Ollohu.

Người cắt quay mặt ngay hướng Kih laf.

3. Hukum is tinja

Bắt buộc người Islam phải biết luật *Is tin ja* nghĩa là làm cho sạch Najis ở hai nơi kín (tiểu và đại tiện).

Is tin ja bằng nước Xunat cho mình rửa Najis bằng tay trái, Harom rửa bằng tay phải (Harom cầm nước bằng tay trái và rửa bằng tay phải).

Khi rửa Najis rồi, Xunat không cho mình ngửi tay, nhưng tay còn mùi hôi, thì bắt buộc phải rửa nơi kín lại, vì còn mùi như thế, luật cho là chưa sạch.

4. Hukum Co do ha jat

Người Islam phải biết luật *Co do ha jat* nghĩa là tuột về nước tiểu và đại tiện.

Trong lúc tiểu và đại tiện, Xunat cho đầu đội khi vào nhà vệ sinh, Xunat bước chân trái vào trước, và khi ra Xunat bước chân phải ra trước. Bất cứ chỗ nào sạch hoặc tốt như Thánh Đường, Nhà ở ... Xunat bước chân trái ra trước.

Tiểu và đại tiện có 6 điều Harom:

1. Harom tiểu và đại tiện hướng về phía mặt trời mọc hoặc lặn, dù có vách che cũng vẫn Harom. Nhưng có trường hợp đặc biệt là mình đến một nơi nào, có nhà vệ sinh làm sẵn như thế rồi và bắt buộc mình phải dùng, thì không có tội.

2. Harom tiểu hoặc đại tiện theo đường đi hoặc dưới cây cối.

3. Harom tiểu hoặc đại tiện ở ao hồ, hoặc dòng nước dù vô chủ cũng không được.

4. Harom tiểu hoặc đại tiện gần chùa hoặc gần Cubur của Naby, Waly, người Sahid hoặc người Alim.

5. Harom tiểu và đại tiện trên Cubur người Islam và tiểu hoặc đại tiện trên các thức ăn của Jin như chén đĩa vỡ hoặc xương trâu bò, cơm bánh mì khô không dùng nữa.

6. Harom tiểu hoặc đại tiện vào các lỗ kiến hoặc lỗ trống...

5. Hukum Âu Roh

Bắt buộc người Islam phải biết Âu Roh - nghĩa là cách mặc y phục.

A. *Âu - Roh của người Mukallaf nam:*

Có 3 điều:

1. Âu roh trong Xâm bah dăng:

Bắt buộc phải che kín từ trên rốn đến dưới đầu gối. Trước mặt cha mẹ anh em ruột hoặc người thân tộc, cũng Ấu roh như thế.

2. Ấu roh trước mặt người mình có thể cưới hỏi: Mặc y phục như thường nhật.

3. Ấu roh nơi vắng: Phải che phần kín trước và sau như quần khăn phần dưới rốn hay mặc quần ngắn.

B. Ấu Roh của người Mukallaf nữ:

Có 5 điều:

1. Ấu Roh trong Xăm Bah Dăng: Phải che kín hết thân thể, chỉ chừa mặt và hai bàn tay.

2. Ấu roh trước mặt người mình có thể cưới hỏi: Phải che kín hết cả thân thể.

3. Ấu roh trước mặt cha mẹ, anh em ruột hoặc người thân tộc: Có thể mặc áo ngắn, nhưng quần hay chân phải dài.

4. Ấu roh trước mặt người lạ hoặc Kafir: Phải che hết cả thân thể, chỉ chừa hai bàn tay và hai bàn chân.

5. Ấu roh nơi vắng: Phải che phần kín trước và sau như người Mukallaf nam.

6. Hukum Tám Wajib:

A. Hadas lớn và luật tám wajib.

Người có Hadas lớn là người phạm một trong các điều kể dưới đây, và phải tám wajib.

Bắt buộc người Mukallaf có hadas lớn phải biết tám wajib

1. Người Mukallaf nam có 3 điều:

a. Ngay sau khi giao hợp.

b. Xuất tinh (Many) lúc tỉnh hay trong lúc chiêm bao.

Điều a và b gọi là Junub.

c. Chết: bắt buộc người còn sống phải tắm cho người chết.

2. Người Mukallaf nữ có 6 điều:

a. Ngay sau khi giao hợp.

b. Xuất tinh Many lúc tỉnh hoặc trong lúc chiêm bao.

c. Chết: Bắt buộc người sống phải tắm cho người chết.

d. Sau khi dứt kinh nguyệt.

e. Sau khi sinh và sau khi dứt huyết hộ sản (Nifas).

3. Luật tắm wajib cần phải có 3 điều:

a. Niết trong lúc nước chạm vào mình.

b. Niết tùy theo trường hợp: Junub, Hid, hoặc Nifas. Tắm cho sạch, sót một sợi tóc cũng không được.

c. Rửa ráy cho sạch Najis, nếu có.

B. Huyết: Hid, Nifas và Istihadoh

Bắt buộc người Mukallaf phải biết huyết kinh nguyệt, huyết hộ sản Nifas và huyết Istihadoh.

1. Huyết kinh nguyệt Hid:

Huyết ra theo đường tiểu tiện của nữ giới (từ 9 tuổi trở lên).

Tối thiểu: 1 ngày 1 đêm.

Trung bình 7 ngày 7 đêm.

Tối đa: 15 ngày 15 đêm.

2. Huyết Hộ sản Nifas:

Tối thiểu: 1 giọt.

Trung bình: 40 ngày 40 đêm.

Tối đa: 60 ngày 60 đêm.

3. Huyết Istihadoh:

Huyết bệnh, ngoài thời hạn kể trên của Hid và Nifat. Nếu đến wactu Xăm bah dăng, bắt buộc phải rửa cho sạch và để bông vào. Lấy nước Xăm bah dăng và Xăm bah dăng ngay¹¹.

C. Thời hạn nữ giới có thai

Bắt buộc người Mukallaf phải biết thời gian nữ giới có thai:

Tối thiểu: 6 tháng 2 ngày.

Trung bình: 9 tháng.

Tối đa: 1 năm.

D. Harom người có junub

Có 6 điều:

1. Harom Xăm bah dăng, Fardu và Xunat.
2. Harom chạm thánh kinh Qu'ran và đọc một câu cũng không được.
3. Harom chạm và đọc Khotr Bah.
4. Harom Trowaf Fardu và Xunat.

¹¹ Trong khi vợ có huyết, chồng Harom 2 điều:

A. Harom tìm lạc thú với vợ từ rốn xuống đến đầu gối.

B. Harom Trolac - thôi vợ.

5. Harom Xujud Tilawah và Xujud Sukur.
 6. Harom đứng hoặc ngồi trong thánh đường.
- E. Harom người có HID và NIFAS*
- Có 8 điều gồm 6 điều của khoản D và
7. Harom ăn chay Fardu và Xunat.
 8. Harom đi ngang trong thánh đường.

F. Hadas nhỏ

Người có Hadas nhỏ là người không có nước Xăm bah dăng.

Harom người không có nước Xăm bah dăng

Có 4 điều:

1. Harom chạm thánh kinh Qu'ran, nhưng đọc được.
2. Harom Xăm bah dăng Fardu và Xunat.
3. Harom Trowaf Fardu và Xunat.
4. Harom Xujud Tilawah và Xujud Sukur.

Xăm bah dăng

A. Bắt buộc Xăm bah dăng: Bắt buộc người Mukallaf phải Xăm bah dăng. Người Mukallaf nam có 4 điều và nữ có 5 điều:

1. Người Islam.
2. Người có trí khôn.
3. Người tới tuổi.
4. Người không có Hadas lớn.
5. Người sạch sẽ Hid và Nifas (riêng cho nữ giới).

B. Không bắt buộc Xăm bah dăng:

Có 5 nhóm sau đây:

1. Người Kafir.
2. Người chưa tới tuổi.
3. Người điên từ trẻ tới già.
4. Người mù và điếc từ trẻ tới già.
5. Người ở chỗ hoang vu từ trẻ đến già (không được tiếp xúc với loài người).

Xăm bah dăng:

Trước khi muốn Xăm bah dăng, bắt buộc phải biết lấy nước Xăm bah dăng.

A. Luật lấy nước Xăm bah dăng

Người Mukallaf nam có đủ 6 điều và nữ có 7 điều:

1. Người lấy nước Xăm bah dăng phải là Islam.
2. Phải là người có trí khôn.
3. Phải biết nước đó sạch.
4. Phải biết phân biệt Fardu và Xunat, nghĩa là biết việc bắt buộc và không bắt buộc.
5. Không cho gì đó là cản ngăn nước và chỗ bắt buộc phải ướn nước Xăm bah dăng.
6. Phải sạch sẽ không có junub.
7. Phải sạch sẽ Hid và Nifas (riêng cho nữ giới).

B. Fardu lấy nước Xăm bah dăng:

Có 6 điều gồm:

4 điều Ollohu - Ta-Ala có phán trong thánh kinh Qu'ran:

Da ay du hal la zy na a ma nu y za cum tum y las sro la ti fâg xi lu wu ju ha kum wa ay dy kum y lal ma ro fi ki wam xa hu bi ru u xi kum wa ar ju la kum y lal kal ka bay ni.

Nghĩa là: Những người tin tưởng Ollohu nếu muốn Xăm bah dâng phải lấy nước rửa mặt, rửa hai tay đến trên khuỷu tay, lau đầu một phần hoặc cả, rửa hai chân đến trên mắt cá.

Và 2 điều Naby Roxun Muhammad thêm là Niết và Tar tif.

Tổng kết 6 điều Fardu lấy Xăm bah dâng là:

1. Niết trong lúc nước chạm mặt, vì Naby Roxun Muhammad có nói: *In na mal a ma lu bin ny dat.*

Nghĩa là: Muốn làm việc saro (tất cả luật Ollohu đã giao cho Naby Roxun Muhammad để truyền lại cho Umat) phải Niết Ollohu mới nhận.

2. Rửa đều mặt.

3. Rửa đều hai tay đến trên khuỷu tay.

4. Rửa một phần trên đầu hoặc hết cả đầu (sau đó rửa 2 vành tai: đây là Xunat).

5. Rửa đều 2 bàn chân đến khỏi mắt cá.

6. Tar tif Naby Roxun Muhammad có nói: Bắt buộc phải làm theo thứ tự.

C. Hông nước Xăm bah dâng:

Làm hông nước Xăm bah dâng, nếu phạm 1 trong 5 điều sau đây:

1. Bất cứ ra chất gì từ hai nơi kín của người còn sống. (Người chết sẽ không làm hồng nước nếu xảy ra việc này).

2. Nam nữ có thể cưới hỏi nhau. Lúc còn sống, chạm nhau không có vật gì ngăn cách. (Nếu chạm trẻ chưa tới tuổi thì không sao. Nếu chạm người chết, thì người chết không sao, còn người sống sẽ hồng nước Xăm bah dăng).

3. Bàn tay chạm hai nơi kín, dù của trẻ nhỏ, cũng không được.

4. Mất trí do quá buồn hoặc điên, nhưng khi tỉnh lại nghi ngờ không biết còn nước Xăm bah dăng hay không. Như vậy, kể như nước Xăm bah dăng đã hồng.

5. Ngồi ngủ quên, khi tỉnh dậy, biết mình không thay đổi cách ngồi, thì không sao. Nếu nghi ngờ, thì hồng nước Xăm bah dăng.

D. Sarotr Sroh (Những điều kiện để có thể) Xăm bah dăng.

Người Mukallaf nam có 7 điều và nữ có 8 điều:

1. Phải sạch sẽ Hadas lớn và Hadas nhỏ.
2. Phải theo Âu Roh.
3. Phải sạch sẽ Najis ở thân thể, y phục hoặc chỗ Xăm bah dăng.
4. Phải biết việc nào là Fardu và việc nào là Xunat.
5. Phải biết phân biệt Fardu và Xunat.
6. Phải biết về Wactu Xăm bah dăng chắc chắn.
7. Phải quay về hướng Kib lat.

8. Phải sạch sẽ Hid và Nifas (riêng cho nữ giới).

E. Wactu Xăm bah dăng

Có 5 wactu Xăm bah dăng và Olohu có phần trong thánh kinh Qu'ran:

Wa xâb bih bi hâm di rob bi ka cob la tru lu is xâm xi wa cob lal gu ru bi wa mi nal lay li fa xâb bi hu.

Nghĩa là: Các người hãy đứng Xăm bah dăng trước mặt trời mọc (sru bub) trước khi mặt trời lặn (Zu hur A srer) và ban đêm cũng phải đứng Xăm bah dăng (Mag rib I sá).

Năm Wactu Xăm bah dăng là:

1. Zu hur Khoảng từ 1h30 (13h30) đến 3h (15h) trưa.
2. A srer Khoảng từ 4h30 (16h30) đến 6h (18h) chiều.
3. Mag rib Từ mặt trời lặn đến sắp hết đỏ ở chân trời.
4. I sá Từ hết đỏ chân trời tới 4h sáng.
5. Sru buh: Trước mặt trời mọc khoảng 1 tiếng.

Các Wactu Xăm bah dăng có ấn định trong Islam Hồi giáo, vì ngày và đêm thường hay thay đổi theo giờ mặt trời mọc hoặc mặt trời lặn.

F. RuKun Xăm bah dăng

Có 13 điều:

1. Niết Xăm bah dăng: Zu hur hoặc A srer....
2. Đứng ngay ngắn.
3. Tāk by ro tul ih rom.
4. Đọc bài (Fatihah).

5. Ru kô và ngừng lại một chút trong Ru kô gọi là Tro má ny nah.

6. La ti dal và ngừng một chút trong La ti dal.

7. Xu jud và ngừng một chút trong Xujud.

8. Ngồi giữa hai Xujud và ngừng một chút trong đó.

9. Ngồi đọc bài Ta dit Akhir

10. Đọc bài Thad it a khir

11. Srolawat Naby Roxun Muhammad trong bài Tah dit Akhir

12. Xa lam.

13. Tar tib. Thứ tự.

G. Phân loại Rukun Xâm bah dăng.

13 điều trong Rukun Xâm bah dăng chia làm 3 loại:

1. *Rukun Col-by* - Nghĩa là Rukun trong lòng, có hai thứ:

* Niết

* Tar tib.

2. *Rukun Câu ly* - Nghĩa là: Rukun đọc bằng lưỡi, có 5 thứ:

* *Tăk by ro tul ih rom*, nghĩa là câu Ollohu âk bâr

* Fatihah nghĩa là bài *Al ham du lil la hi...* đến hết (Xem thánh kinh Qu'ran).

* *Tah dit Akhir* nghĩa là bài Al ta hy da đến hết.

* *Srolawat Naby Roxun Muhammad* trong bài Tah dit Akhir:

Ol lo hum nia sro li a la xay di di na mu ham mad.

* Xa lam.

As xa la mu a lay kum war oh ma tul loh.

3. *Rukun Fi ly* -Nghĩa là: Rukun bằng điệu bộ, có 6 thứ:

* Đứng

* Ru kó

* Ia ti dal.

* Xu jud

* Ngồi giữa hai Xu jud

* Ngồi đọc bài Tah dit Akhir.

H. Xăm bah dăng bị hồng

Hồng Xăm bah dăng, nếu phạm phải 1 trong 11 điều sau đây:

* Nói chuyện (một tiếng cũng hồng).

* Cười ra tiếng (một tiếng cũng hồng).

* Cử động liên tiếp 3 lần.

Thí dụ: đập muỗi 3 lần liên tiếp, dậm chân 3 lần liên tiếp.

* Bất cứ chất gì xuất ra từ 2 chỗ kín.

* Hở Âu ro y phục (do mình hoặc người khác làm thì hồng.

Nhưng gió thổi thì không sao).

* Thay đổi Niết.

Thí dụ: Đang Xăm bah dăng lại nghĩ: Nếu có khách đến, sẽ ngưng Xăm bah dăng để đi mở cửa, hoặc nghĩ: Nếu mưa sẽ ngưng Xăm bah dăng để đi lấy quần áo phơi...

Hồng Xăm bah dăng trong khi thay đổi Niết.

* Thay đổi Kib lat.

Thí dụ: Đang Xãm bah dăng, nhưng tàu chạy đổi hướng hoặc bị người khác đẩy đi...

* Ăn trong lúc đang Xãm bah dăng (dù một hột cơm cũng không được)

* Uống trong lúc Xãm bah dăng (dù một hụm cũng không được).

* Mur tad: thay đổi tâm trí.

Thí dụ: Mình Xãm bah dăng mà nghĩ hoặc nói: Xãm bah dăng này không ích lợi gì, hoặc phải chi tôi không phải Islam, tôi khỏi phải Xãm bah dăng.

Như vậy là hồng Islam phải vào đạo lại và bao nhiêu Amal Y bad at việc hành đạo đã làm từ trước đến đó đều hồng hết.

* Rỏ Najis lên người.

Trong Xãm bah dăng:

Có 3 điều:

1. Nếu Xãm bah dăng mà quên 1 trong 13 điều của Rukun Xãm bah dăng thì bắt buộc phải thêm cho đủ.

Thí dụ: Tín đồ đang Xãm bah dăng đến Rāk at thứ 3 nhưng quên không biết là Rāk at thứ 2 hay thứ 3 thì bắt buộc phải cho đó là Rāk at thứ 2 và mình phải làm cho đủ, nhưng khỏi Xu jad Xah wy.

Và nếu tín đồ làm mà biết dư, thì phải Xu jad Xah wy. Thí dụ lỡ quên Xãm bah dăng đến 5 Rāk at nhưng đang Xãm bah dăng dở, nhớ lại chắc chắn là 5 Rāk at rồi, thì phải Xu jad Xah wy.

2. *Xunat Ab od:*

Có 8 điểm:

Ngồi Tah dit awal.

Đọc bài Tah dit awal

Srolawat dòng dõi Naby Roxun Muhammad trong bài Tah dit Akhir.

Đứng đọc bài Co nut trong Xăm bah dăng Sru buh.

Đọc bài *Co nut Ol lo hum mah di ny.*

Srolawat dòng họ Naby Roxun Muhammad trong bài Co nut.

Trong Xăm bah dăng, nếu quên 1 trong 8 điểm của Xunat Ab od chỉ cho tín đồ Xu jud xah wy thôi, không bắt buộc họ phải trả lại.

Thí dụ:

a. Trong Xăm bah dăng, đến Tah dit awal lỡ quên, tín đồ Xu jud luôn. Nhưng trước khi cho Xalam họ phải Xu jud Xah wy.

b. Trong Xăm bah dăng, lỡ quên đọc bài Co nut tín đồ phải Xu jud luôn. Nhưng trước khi cho Xalam họ phải Xu jud Xah wy.

3. *Xunat Hay ah.*

Xu jud Hay ah là ngoài Rukun Xăm bah dăng và Xunat Ab od.

Nếu tín đồ quên hoặc thôi không làm, thì không bắt buộc làm lại và cũng không Xu jud Xah wy.

Nếu tín đồ Tāk by rot un ih rom rồi, không đọc bài If ti tal hoặc không đọc Xuroh sau Fatihah thì không bắt buộc làm trở lại và cũng không Xu jud Xah wy.

Sau đây là các bài kinh cần phải đọc từng Xăm bah dăng. Những câu hoặc bài trích từ Thánh Kinh Qu'ran đều bao hàm nhiều nghĩa rất thâm trầm và ý vị. Tuy không tuyệt đối nhưng cố gắng phiên dịch đại ý nhằm giúp các học giả có thể hiểu một phần nào lời cầu nguyện của mình.

Trong khi đọc một bài kinh hoặc làm một việc gì phải đọc hai câu này.

A u zu bil la hi mi nas say tro nir ro jim

Nghĩa là Tôi cầu nguyện với Ollohu cho tôi đừng gặp Saytron¹², loài yêu quý sẽ bị hành tội trong địa ngục.

(Mình cầu nguyện với Ollohu cho đừng gặp Saytron cám dỗ).

2. *Bis mit la hir roh ma nir ro him.*

Nghĩa là Nhân danh Ollohu, đấng Rộng rãi, Thương mến.

Fa Ti Hah.

1. *Al ham du lil la rob bit a la min.*

2. *Â r roh ma nir ro him*

3. *Ma li ki dâu mid din*

4. *Y da ka ná du wa ý da ka nas ta in.*

5. *Ih di nas sri ro trol must a him.*

6. *Sri ro troll la zy na anh âm ta a lay him.*

7. *Goy ril mây du bi a lay him, wa lođ dol... lin.*

Nghĩa là:

1. Tất cả ca ngợi dâng hiến Ollohu chúa tể của các cõi.

¹² Loài yêu quý cám dỗ con người vào vòng tội lỗi.

2. Đấng vô cùng bao la và thương mến.
3. Chủ của ngày phán xét.
4. Ấy là Ollohu mà chúng tôi phụng sự, ấy là Ollohu mà chúng tôi khẩn cầu sự giúp đỡ.
5. Xin hãy dẫn dắt chúng tôi vào con đường chính đạo để đến với Ollohu.
6. Con đường của những người đã đi trước, mà Ollohu được hài lòng.
7. Không phải con đường của những người làm Ollohu giận ghét và đi trong cõi lầm lạc.

Ollohu ôi: Xin Người chấp nhận lời khẩn cầu của tôi.

Tah Dit

Al la hy da tul mu bar o ka tus sro la wa tut troy dib a tu lil lab.

As xa la mu a lay ka ay du hanh na by du war oh ma tul lo hi war o ka tuh.

As xa la mu alay na wa a la y ba dil la his sro li hin.

An ha du al y la ha il lol loh.

Wa as ha du anh na mu ham ma dâr ro xu lull oh.

Ol lo hum ma srol li a la xay di di na mu ham mad.

Wa a la a li xay di di na mu ham mad (Xu nat).

Nghĩa là:

Tôi tôn trọng Ollohu. Tất cả phước đức, tất cả Xăm bah dâng năm wactu, tất cả Amal tốt đẹp, đều giao cho Ollohu.

Tất cả tốt đẹp đó sẽ trở lại tôi và những người làm tròn bổn phận với Ollohu.

Tôi tin chắc không có ai xứng đáng cho tôi lay, chỉ có duy nhất Ollohu mà thôi.

Và tôi tin chắc rằng Roxun Muhammad là vị giáo chủ tuân lệnh Ollohu để truyền đạo Islam.

Xin Ollohu ban phúc lành cho Roxun Muhammad.

Và cho dòng họ Roxun Muhammad.

Người Xăm bah dâng đọc bài *At ta hy da* sẽ được thiên thần xin tội lỗi cho, vì lý do sau đây.

Trong thiên đàng, có một cây tên *At ta hy da tu*. Trên cây đó có một con chim *Al mu bar o ka tu*. Dưới đó có một cái biển tên *At troy dib a tu*.

Khi người Xăm bah dâng đọc bài *At ta hy da* đến hết, chừng đó sẽ động đến thiên đàng, con chim ấy sẽ nhảy xuống biển và bay lên đậu lại trên cây. Khi nó giữ lông, mỗi giọt nước hiện ra một thiên thần cầu nguyện với Ollohu xin tha tội lỗi cho người đang Xăm bah dâng.

Conut

Ol lo hum mah di ni fi manh ha day ta.

Wa a fi ni fy manh a fay ta.

Wa ta wal la ni fy manh ta wal lay ta.

Wa ba rik ly fy ma à troy ta.

Wa kin ny sur ra ma co day ta.

Fa in na ki tac di wa la duc do a lay ka.

Wa in nah u la du zil lu mau wa lay ta.

Wa la du iz zu manh a day ta.

Ta bar ok ta rob ban a wa ta a lay ta.

Fa la kal hám du a la ma co doy ta.

As tág fir u ka wa a tub u y lay ka.

*Wa srol lol lo hu a la xay di đi na mu ham ma diu wa a la
a li hy wa sroh bi hy wax al lam.*

Nghĩa là:

Ollohu ôi! xin Ollohu cho tôi được sáng suốt như nhóm người mà Ollohu đã ban cho sự sáng suốt.

Xin Ollohu cho tôi được toàn vẹn như nhóm người mà Ollohu đã ban cho sự vẹn toàn.

Xin Ollohu chăm sóc tôi như nhóm người mà Ollohu đã chăm sóc.

Xin Ollohu cho tôi được phúc đức như nhóm người mà Ollohu đã ban cho phúc đức.

Và xin Ollohu cản ngăn tôi không được làm những điều tội lỗi trong hiện tại, sẽ bị hành phạt ở những ngày mai sau.

Vì Ollohu là đáng phán xét và không ai dám phán xét Ollohu.

Ollohu ôi sẽ không bao giờ đau khổ, những người được Ollohu chăm sóc.

Và sẽ đau khổ những người bị Ollohu ghét bỏ.

Ollohu trong sạch và cao cả nhất.

Ai ai cũng đều ngợi khen Ollohu phán xét công bằng.

Xin Ollohu tha lỗi cho tôi và tôi vô cùng ăn năn hối hận về những tội lỗi đã làm.

Xin Ollohu ban phúc lành cho Roxun Muhammad và dòng dõi Roxun.

Nghi thức lạy Ollohu-Ta-Ala.

Nghi thức này do Ollohu bảo thiên thần Jibbroil xuống tại Baytillah dạy Naby Roxun Muhammad để truyền dạy cho U mat.

Bắt buộc người *A wa mul mus li min* trước khi *Tāk by ro tul ih rom* phải nhớ một cách tổng quát 12 Rukun Xāmbahdāng, ngoài Niết.

Trong đứng:

1. Niết.
2. Đứng.
3. Tāk by ro tul ih rom.
4. Đọc bài Fatihah.

Trong Rukô: 2 Rukun.

* Rukô

* Ia ti dal.

Trong Xu jud: 2 rukun

* Xu jud

* Ngồi giữa 2 Xu jud.

Trong ngồi Tah dit akhir.

1. Ngồi
2. Đọc bài Tah dit.

3. Srolawat Naby Roxun Muhammad

4. Xalam.

5. Tar tib: thứ tự (từ Tāk by ro tul ih rom đến Xalam).

Niét Xăm bah dăng wactu

Niét Xăm bah dăng Far du: Zu hur, A Srór, Mag rib, I sá hoặc Sru buh, trong lúc miệng nói: Ollohu ak bār.

Niét Xăm bah dăng Zu hur

U srol ly far doz zuh ri ár ba a ro ka a tinh lil la hi ta a la.

Nghĩa là: Tôi Xăm bah dăng Fardu Zuhur, 1 Rāk at vì Ollohu-Ta-Ala.

Niét Xăm bah dăng A srór:

U srol ly far dol as ri ár ba á ro ka a tinh lil la hi ta a la.

Nghĩa là: Tôi Xăm bah dăng Fardu A srór, 4 Rāk at Ollohu.

Niét Xăm bah dăng Mag rib.

U srol ly far dol mag ri bi xa ro ka a tinh lil la hi ta a la.

Nghĩa là: Tôi Xăm bah dăng Fardu Mag rih 3 Rāk at vì Ollohu.

Niét Xăm bah dăng i sá:

U srol ly far dol y sá y ár ba a ro ka a tinh lil la hi ta a la.

Nghĩa là: Tôi Xăm bah dăng Fardu I sá 4 Rāk at vì Ollohu.

Niét Xăm bah dăng sru buh:

U srol ly far dos sru buh hi ro ka a lay ni lil la hi ta a la.

Nghĩa là: Tôi Xăm bah dăng Fardu Sru buh, 2 Rāk at vì Ollohu.

Niét Xãm bah dăng Jum - At:

I Mãm Niét:

U srol ly far dol jum a li ro ka a lay ni y ma mal lil la hi ta a la.

Nghĩa là: Tôi Xãm bah dăng Fardu Jum At, 2 Rāk at Imām vì Olluhu.

Người Ma mum Niét:

U srol ly dol jum a ti ro ka a tay ni má mu mal lil la hi ta a la.

Nghĩa là: Tôi Xãm bah dăng Fardu Jum at, 2 Rāk at Má mum, vì Olluhu.

Mỗi lần thay đổi động tác, đọc Olluhu ăk bār:

Khi Rukô, đọc Olluhu ăk bār, và khi đứng lên đọc

Na mi ol lo hu li manh hai mi dah.

Nghĩa là: Olluhu nghe tất cả những người ca ngợi Olluhu.

Rukun 5: Ru kô và ngưng một chút. Sau đó đọc:

Xub ha na rob bi dal a zi mi wa bi hãm đih

Nghĩa là: Olluhu trong sạch, lớn nhất và công bằng.

Rukun: Ia ti dal và ngưng. Sau đó đọc như sau:

Rob ban a la kal hãm du.

Nghĩa là: Olluhu ôi, tôi ca ngợi Người.

Rukun 7: Xu jud thứ nhất ngưng một chút. Sau đó đọc tiếp:

Xub ha na rob bi dal á la wa bi hãm đih.

Nghĩa là: Olluhu trong sạch, cao cả nhất và công bằng.

Rukun: 8: Ngồi giữa hai Xu jud và ngưng một lát, sau đọc:

Rob big fir ly war hãm ny, wah di ny, wa a fy ny, wà fu anh ny.

Nghĩa là: Ollohu ôi! xin Ollohu tha tội lỗi cho tôi, ban Rohmat cho tôi, hướng dẫn lối ngay cho tôi và cho tôi được lành mạnh.

Xu juđ thứ nhì và ngưng một lát, sau tiếp tục đọc:

Đến đây được một Rāk at, nếu làm thêm, đứng lên luôn và tiếp tục làm theo hình 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Trước khi chấm dứt, cho Xalam theo hình 10.

Rukun 9-10-11: Ngồi và đọc Tah dit Akhir.

Đọc đến câu: *As ha du anh la y la ha il loll oh*, hãy đưa một ngón tay trở mặt, lòng tin chắc rằng chỉ có một Ollohu.

Rukun 12: Xa lam

Đọc: *As xa la mu a lay kum wa rob ma tul loh.*

Nghĩa là: Ollohu ban Rohmat cho tất cả.

Rukun thứ 13: Tar tib: Thứ tự.

Xãm bah dãng Bar ja ma ah.

Imâm đứng trước.

Các người Má mum tiếp sau xếp từng hàng. Mỗi hàng dài theo chiều ngang thánh đường và cách nhau khoảng 1m.

XẨM BAH DẶNG JUM AT

Ngày Jum at là ngày thứ 6 trong tuần lễ, ngày Jum at tốt nhất ở thế gian này, vì đêm rạng ngày Jum at, Ollohu-Ta-Ala cho mẹ Naby Roxun Muhammad được đậu thai Roxun và chỉ ngày Jum at được Ollohu nhắc tới nhiều trong thánh kinh Qu'ran.

Ngày Jum at, Olohu tạo thế gian và ngày Phán xử cũng vào ngày Jum at.

Thế nên, Olohu bắt buộc tất cả U mat của Naby Roxun Muhammad phải tập hợp tại thánh đường để khuyên bảo nhau về việc tội phước và Xăm bah dâng Barja ma ah.

Olohu có phán trong thánh kinh Qu'ran:

Da ay duh al la zy na a ma nu y za nu di da lis sro la ti mi dau mil ju mu a ti fas au y la zik ril la hi wa za rul bay a.

Nghĩa là: Hỡi các người tin tưởng Olohu khi nghe tiếng ban gọi Xăm bah dâng ngày Jum at, hãy mau mau đến và bỏ tất cả công việc của mình.

Thời Naby Roxun Muhammad, kẻ nào không đi Xăm bah dâng Jum at sẽ bị đốt nhà.

Bắt buộc Xăm bah dâng Jum at.

Người bị bắt buộc đi Xăm bah dâng Jum at có 7 điều:

- Người Islam.
- Người có trí khôn.
- Người Mukhallaf
- Người không nô lệ.
- Nam giới, còn nữ giới không bắt buộc, nhưng rất tốt nếu đến thánh đường nghe giảng đạo ở nơi dành riêng cho nữ giới.
- Người không bệnh tật hoặc bệnh nhưng có thể đi được.
- Người ở yên một chỗ.

Sáng ngày Jum at, Harom Mu xa fir, nghĩa là người ở tại chỗ có làm Jum at, nhưng lại rời đi nơi khác. Nếu có việc cần

thiết, có thể đến nơi khác, nhưng phải tính sao đi cho kịp giờ Xăm bah dâng Jum at.

Sarots sroh làm Jum at.

Có 6 điều:

- Làm jum at và đọc hai Khoṭr bah trong Wactu Zuhur.
- Làm Jum at trong xứ hoặc trong vùng.
- Trong một vùng, chỉ được làm Jum at một chỗ.
- Xăm bah dâng Bar ja ma ah từ Rāk at đầu đến cuối.
- Đọc Khoṭr bah trước khi Xăm bah dâng.
- Phải có 40 người biết đầy đủ luật Xăm bah dâng (theo Maz ha bi mām Sa Fi Y).

Sarotr sroh hai khoṭr bah.

Có 9 điều:

- Phải sạch sẽ Hadas.
- Phải đọc hai Khoṭr bah trong Wactu Zuhur
- Phải mặc y phục theo Âu roh.
- Phải đứng đọc hai Khoṭr bah.
- Phải đọc Rukun hai Khoṭr bah bằng tiếng A Rập.
- Phải ngồi một chút giữa hai Khoṭr bah sau đó đọc Srowat Naby Roxun Muhammad.
- Phải có liên tục khi đọc hai Khoṭr bah và Xăm bah dâng.
- Phải đọc hai Khoṭr bah cho tất cả mọi người đi Jum at đều nghe thấy, nếu họ không hiểu nghĩa, Khoṭrib vẫn phải đọc lớn tiếng.

- Phải sạch sẽ thân thể, y phục và nơi đứng đọc Khotr bah.
- Bắt buộc trả lời Khotrib

Khi Khotrib chúc mừng người đi Jum at:

As xa la mu a lay kum war oh ma tul lo hi war o ka tuh.

Người đi jum at trả lời chúc lại:

Wa a lay ku mus xa la mu. Wa rob ma tul lo hi. Wa bar o ka tuh.

Harom nói chuyện hoặc đọc kinh, trong lúc Khotrib đọc Khotr bah.

Người phạm lỗi này bị tội và kể như không có làm Jum at.

HUKUM TA DAM MUM VÀ XĂM BAH DĂNG CO SROR.

Hukum Ta dam mum

Ta dam mum là đưa đất vào mặt và hai cánh tay.

Ollohu có phán trong thánh kinh Qu'ran

Wa in kun tum mar do âu a la xa fa la rinh âu ja a a ha dum min kum mi nal go y tri âu la mast u mun nix a a fa làm la ji du ma anh fa la dâm ma mu sro y danh troy di banh fâm xa hu bi wu ju hi kum wa dy kum min hu.

Nghĩa là: Nếu các người bệnh tật, đi đường hay có junub, tiểu hay đại tiện, hoặc nam hoặc nữ (có thể cưới hỏi) chạm nhau, đến wactu Xăm bah dâng, nhưng không có nước, hãy Niết dùng nước sạch đưa vào mặt và hai tay đến khỏi khuỷu tay.

Luật Ta dâm mum

Có 3 lý do:

- Không có nước.
- Có nước nhưng chỉ để uống.
- Có nước nhưng dùng sợ bệnh thêm.

Sarotr Ta dâm Mum

Có 8 điều:

- Đất sạch không có Najis
- Đất không có Must a mal (đất đã dùng Ta dâm mum rồi, không dùng được nữa).
- Đất nguyên chất, không bị lẫn bột hoặc vôi.
- Vuốt mặt hoặc hai tay mỗi lần phải đều.
- Phải sạch sẽ Najis thân mình trước khi Ta dâm mum.
- Ta dâm mum sau khi vào wactu.
- Ta dâm mum mỗi Wactu Xăm bah dăng.

Rukun Ta dâm mum.

Có 4 điều:

1. Niết is ti ba hah

Nghĩa là Niết ta dâm mum để Xăm bah dăng hoặc Trowaf hay sờ thánh kinh Qu'ran...

2. Vuốt một lần đều mặt.

3. Vuốt một lần đều hai tay đến tận khuỷu tay.

4. Tar tib: Thứ tự.

Ta dâm mum này chỉ áp dụng ở những nơi khan hiếm nước.

Hu kum Xãm bah dăng Co sror.

Xãm bah dăng Co sror là Xãm bah dăng của người Musafir (chỉ người lữ hành đi từ vùng này đến vùng khác).

Harus Co sror Xãm bah dăng fardu Sru buh và Mag rib.

Harus Co sror Xãm bah dăng chỉ áp dụng cho người Musafir đi bộ trong 2 ngày hoặc 2 đêm hay suốt ngày và suốt đêm.

Đi bộ hai Mar ha lah¹³ có 2 lần nghỉ để dùng hai bữa ăn uống chính hoặc tiểu, đại tiện... mà đầu đội hoặc vai gánh vật nặng.

Sarotr harus co sror

Có 4 điều:

1. Phải biết vị trí nơi đến.
2. Phải biết trường hợp nào có quyền Co sror.
3. Niết Co Sror trong Tawk by ro tul ih rom và phải nhớ luôn luôn đến lúc Xa lam.
4. Không được Xãm bah dăng Baf ja ma ah với người không có Co Sror, dù người đó Musafir cũng như mình, vì họ Xãm bah dăng đủ Rāk at (Xãm bah dăng Ta mam).

Xãm bah dăng của người Musafir có Jamu ta khir.

1. Định nghĩa:

a. Jam u tặc dim

Xãm bah dăng A sror trong wactu zuhurr, Xãm bah dăng Isa trong wactu Mag rib.

¹³ Mar ha lah: 2 Ba rid : 8 farr sakh: 24 mil (1 mil = 6000 hách tay Ả Rập).

Xăm bah dăng Zu hur trong wactu A sror, Xăm bah dăng Mag rib trong wactu isa.

Sarotr jam u tặc dim:

Có 4 điều:

- a. Phải Xăm bah dăng wactu trước, nếu Xăm bah dăng ja mu trước, Xăm bah dăng sẽ bị hồng.
- b. Niết ja mu trong Xăm bah dăng Wactu.
- c. Hai Xăm bah dăng đó phải liền tiếp.
- d. Suốt Masafir từ wactu thứ nhất (bắt đầu khởi hành) đến wactu thứ nhì.

Sarotr jam u ta khir

Có 2 điều:

- a. Niết ja mu trong wactu thứ nhất, nghĩa là vào wactu mới được Niết.
- b. Suốt Musafir từ wactu thứ nhất đến wactu thứ nhì.

Luật người sống với người chết.

Bắt buộc người Mukallaff phải biết luật người sống lo liệu cho người Islam đã chết. Người chết gọi là Madit.

Có 4 điều phải theo thứ tự sau đây:

1. Tắm cho madit dù madit chết trong nước vẫn phải tắm.
2. Kaffan cho madit, nghĩa là bao bọc (khâm liệm) cho madit.
3. Xăm bah dăng cho madit.
4. Chôn madit.

Luật tắm cho madit:

Nam tắm cho madit nam, nữ tắm cho madit nữ, dù người đó có junub, Hid hoặc Nifas, hay người ngoại đạo Islam cũng vẫn tắm cho madit được.

Minh tắm rửa cho madit bằng nước và dùng xà phòng rửa thật sạch cho đến khi mình nghĩ rằng madit sạch như mình tắm cho chính bản thân mình thì chừng đó luật mới cho là sạch.

Xunat sau khi tắm rửa xong

1. Xunat cho xối nước pha với nước lá táo: 3 lần.
2. Xunat cho xối nước sạch nguyên chất: 3 lần.
3. Xunat cho xối nước sạch pha với long não: 3 lần.
4. Xunat cho mình lấy nước Xãm bah dăng cho madit, nhưng bắt buộc phải Niết lấy nước Xãm bah dăng cho madit.
5. Xunat cho mình lau madit bằng khăn sạch.

Luật Kafan cho madit.

Kafan cho madit phải có một miếng vải phủ kín hết cả thân thể, dù madit đó là trẻ con hoặc người lớn, nam hay nữ. Nhưng tốt hơn nên để kafan cho madit nam bằng ba lớp vải phủ kín hết cả thân thể; và kafan cho madit nữ bằng hai lớp vải phủ kín hết cả thân thể; kể đó thêm một miếng vải làm chân, một miếng khác làm áo và một miếng nữa làm khăn đội cho madit.

Xunat cho dùng vải trắng để kafan cho madit.

Xunat cho mỗi lớp vải kafan, phải có bông rắc long não trộn với băng phiến.

Xunat cho mình rải long não trộn với băng phiến trên những miếng bông, để đắp Ân ku ta Xu jud¹⁴ và các chỗ có lỗ.

Luật Xãm bah dăng cho madit:

Nếu không có nhiều người, một người Xãm bah dăng cho madit cũng được. Nhưng tốt hơn mình nên Xãm bah dăng cho madit làm 3 đợt, được 3 srof (hàng). Vì có một số U la ma nói: Xãm bah dăng cho madit được ba Srof, Ollohu sẽ tha tội cho Madit.

Luật Xãm bah dăng cho madit cũng giống như luật Xãm bah dăng mỗi wactu vậy, nhưng Rukun Xãm bah dăng cho madit thì khác.

Rukun Xãm bah dăng cho madit.

Có 7 điều phải theo thứ tự:

1. Niết Xãm bah dăng fardu Kifadah¹⁵.
2. Đứng.
3. Tawk byr 4 lần chung với Tawk by ro tul ih rom.
4. Đọc bài Fatihah.
5. Srolawat Naby Roxun Muhammad.
6. Cầu xin Ollohu tha tội cho madit.
7. Xalam.

Nghi thức Xãm bah dăng cho madit:

1.2.3. Niết đứng và Tawk by ro tul ih rom:

¹⁴ Có 7 chỗ Xu jud: trán, hai bàn tay, hai đầu gối và hai bàn chân.

¹⁵ Farrđu Kifadah Mọi người làm thế cho những người khác tuy bị bắt buộc nhưng được khỏi tội.

a. Cho madit nam:

Câu Niết phải đọc thành tiếng:

*U srol by nia ha zal mag di til ha di ri ar ba a lawk by ro
tinh farr dol ki fad a ti lil la hi ta ala.*

Ollohu ãk bâr (lần thứ nhất).

Niết trong lòng

Tôi Xãm bah dâng cho madit ở trước đây, 4 tawk byr Farrdu Kifadh vì Ollohu (trong khi mình nói Ollohu ãk bâr).

Sau đó nếu mình là Imâm, thì phải Niết Imâm, nếu mình là người Má mum¹⁶ thì phải Niết theo người Má mum.

b. Cho madit nữ:

Câu Niết phải đọc thành tiếng.

*U srol ly ala ha zi hin may di la til ha dir o ti ar ba a tak
by ro tinh far dol ki fad a ti til la hi ta ala. Ollohu ãk bâr (lần
thứ nhất).*

Niết trong lòng:

Tôi Xãm bah dâng cho madit ở trước đây, 4 tawk byr Farrdu Ki fad ah vì Ollohu (trong khi mình nói: Ollohu ãk bâr).

Sau đó nếu mình là Imâm thì phải niết Imâm, nếu mình là Ma mum thì phải niết theo Ma mum.

Xunat đọc:

A u zu bil la hi mi nas say tro nir ra jim.

4. Bắt buộc đọc:

¹⁶ Má mum là người Xãm bah dâng theo Imâm.

Bis mil la hir roh ma nir ro him.

Bắt buộc phải đọc Fatihah.

5. Olluhu ăk bâr (lần thứ hai). Xunat đưa 2 tay lên mỗi lần Tăk byr.

Bắt buộc Srolawat Naby Roxun Muhammad.

Xunat Srolawat Naby Roxun Ibrohim và dòng dõi Naby Roxun Ibrohim.

6. Olluhu ăk bâr (lần thứ ba).

Bắt buộc cầu xin Olluhu tha tội lỗi cho madit bằng câu kinh A Răp:

Ol lo hum mag fir la hu (ha) war hăm hu (ha). Olluhu ăk bâr (lần thứ tư).

Xunat cầu xin Olluhu tha tội lỗi cho madit bằng câu kinh A Răp:

Ol lo hum ma la tah rim na aj ro hu (ha) wa la taf tin nab a da hu (ha) mág fir la na wa la hu (ha).

7. Xalam.

Luật chôn madit:

Đào đất chôn madit làm thế nào cho loài vật không động đến madit hoặc không có mùi xông lên, nghĩa là chiều sâu phải khoảng từ 1,5m đến 2m, bề ngang khoảng 1m hoặc 1,2m; bề dài tùy theo chiều dài của madit. Cu bur phải đào ngang hướng với Kib lat.

Khi đem madit xuống Cu bur, phải để madit ở chân Cu bur, người ở trong Cu bur phải lẻ như: 1, 3, 5...

Khi đưa madit xuống Cu bur, đưa đầu đi trước; như vậy đầu madit phải ở bên tay phải của mình và mình đặt madit xuống đất.

Bắt buộc mình phải xoay nghiêng ma dit theo hướng Kib lat Xu nat cho mình tháo bỏ tất cả các dây buộc madit.

Bắt buộc mình phải mở mặt madit. Sau đó bắt mình phải đẩy ván thiên và lấp đất lại.

Có hai cách đưa tay cầu xin Ollohu-Ta-Ala:

- Đứng (trong bài Co nut, hoặc trong Xăm bah dâng cho madit....)

- Ngồi (sau khi Xăm bah dâng hoặc trong khi làm lễ Fatihah cho người chết).

Sau khi Xăm bah dâng hoặc trong khi làm Fatihah cho người chết...).

Sau khi Xăm bah dâng, ngồi xuống rồi đưa 2 tay lên cầu xin Ollohu:

Ollohu ôi! Xin Ollohu nhận tất cả A mal Y ba dât của chúng tôi và cho chúng tôi được khỏi phải đau đớn trong địa ngục.

- Xin Ollohu chăm sóc đạo Islam của chúng tôi.

- Xin Ollohu chăm sóc Đức tin của chúng tôi.

- Xin Ollohu chăm sóc linh hồn và thể xác chúng tôi.

- Xin Ollohu chăm sóc ông bà, cha mẹ anh chị em, bạn hữu và tất cả những người Islam còn sống và luôn cả những người đã chết trước đó trong Y man.

- Ollohu ôi! sẽ không bao giờ đau khổ những người được Ollohu chăm sóc.

- Và sẽ đau khổ với những người bị Ollohu ghét bỏ.
- Ollohu trong sạch và cao quý nhất. Ai ai cũng đều ngợi khen Ollohu rất công bằng.
- Ollohu ôi! xin Ollohu xin Ollohu tha tội cho chúng tôi và chúng tôi vô cùng hối hận những tội lỗi đã làm.
- Xin Ollohu ban phúc lành cho Roxun Muhammad, cùng dòng dõi Roxun.

2.3. ĂN CHAY THÁNG ROMADON

Ăn chay một tháng Romadon (tháng 9 Islam Hồi lịch) trong một năm là điều thứ ba của Rukun Islam.

Ăn chay là nhịn tất cả mọi việc như: ăn uống, hút thuốc... cùng tất cả mọi điều mà Naby Roxun Muhammad cấm theo Hukum Saro.

Ollohu có phán trong thánh kinh Qu'ran:

Ku ti ba a lay ku mus sri dam u ka ma ku ti ba a lat la zi na min cob li kum,

Nghĩa là: Ollohu đã bắt buộc tất cả U mat Naby Roxun trước đó vậy.

Kẻ nào nói không bị bắt buộc ăn chay thì kẻ đó thành Kafir, Ollohu bắt buộc chúng ta phải ăn chay khi tháng Saban (tháng 8 Hồi lịch) đã đủ 30 ngày rồi, chùng đó ta phải bước vào ăn chay, hoặc tháng Saban mới 29 ngày nhưng có người thấy trăng, thì bắt buộc phải vào ăn chay vì, Naby Roxun Muhammad có nói:

Sru mu ly rù da ti by.

Nghĩa là: Các người phải ăn chay nếu thấy trăng.

Wa af tri ru li rú da ti hy.

Nghĩa là: Các người phải xá chay nếu thấy trăng.

Fa in gom ma a lay kum fa awk mi lu id da la sá ban a xa la xy na dáu manh.

Nếu trời u ám không thể thấy trăng trong đêm 29 tháng Saban, thì mình thêm 1 ngày cho đủ 30 ngày rồi vào chay không cần xem trăng nữa. (Vì tháng Islam có 31 ngày).

Điều kiện của người thấy trăng:

Muốn cho người thấy trăng đó hiền lành, ngay thẳng và biết lo việc Đạo.

Không được tin trẻ con hoặc người lớn nam hay nữ lời thối việc đạo, báo tin thấy trăng.

Rukun ăn chay:

Có 3 điều:

- Bắt buộc mỗi đêm phải Niết.

Xu nat cho Niết:

Na way tu sráu ma go dinh anh a da y fa du ro ma do ni ha zi his xa na ti til la hi ta ala.

Nghĩa là: Tôi bắt buộc phải ăn chay vào ngày mai trong tháng Romadon năm nay, vì thánh Olohu.

Nếu mình quên Niết trong đêm đó, kể như ngày đó mình không ăn chay.

- Bắt buộc phải nhịn ban ngày

Không cho vật gì đi vào cơ thể mình như: ăn uống hoặc đi qua đường tai... và không cho bất cứ vật gì thoát ra khỏi cơ thể mình từ các lối ấy như dùng tay làm cho nôn mửa...

Tóm lại mình không phạm tất cả những việc nào làm mất phúc chay của mình.

Bắt buộc phải biết thời gian từ giờ nào đến giờ nào nhịn đến giờ xả chay trong ngày đó. Mình phải nhịn từ một giờ rưỡi trước khi mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, nếu trời u ám xin xem Islam Hồi lịch.

Bắt buộc phải ăn chay.

Bắt buộc người Mukhallaf phải ăn chay. Nam giới có 4 điều, phụ nữ có 5 điều.

1. Người Islam.
2. Người có trí khôn.
3. Người tới tuổi.
4. Người có đủ sức khỏe để ăn chay.
5. Người sạch sẽ Hidd hoặc Nifas (riêng cho nữ giới).

Hông chay:

Có 8 điều cho nam giới và 10 điều cho nữ giới.

1. Cho bất cứ cái gì vào trong cơ thể.
2. Vợ chồng giao hợp.
3. Làm cho xuất tinh Many.
4. Làm cho nôn mửa.
5. Murtad.
6. Phát điên trong ngày đó.
7. Bất tỉnh trong ngày đó.
8. Ăn hoặc uống trước khi mặt trời lặn.

9. Ra Hidd hoặc Nifas.

10. Sinh sản.

(Điều 9 và 10 dành riêng cho phụ nữ).

Harom ăn chay.

Trong một năm cấm ăn chay 5 ngày.

1. Harom ăn chay ngày Rôđâ fitr roh.

2. Harom ăn chay ngày Haji (Ngày 10 tháng 12 theo Hồi lịch).

3.4.5. Harom ăn chay 3 ngày Tas ric (ngày 11, 12, 13 tháng 12 Islam Hồi lịch)¹⁷.

Đứt chay tùy trường hợp.

Những người đứt chay trong tháng Romadom

1. Những người đứt chay trong tháng Romadom, khi hết tháng ăn chay, bắt buộc phải ăn trả lại, không nên nghỉ ngơi.

Thí dụ: Đứt chay do đi đường xa quá mệt, hoặc bệnh hoạn hay quên Niết trong đêm...

2. Những người lớn tuổi, yếu đuối không thể ăn chay được, không bắt buộc phải ăn chay, nhưng bắt buộc phải bố thí mỗi ngày khoảng 1/2 lít gạo cho người Islam nghèo khổ.

3. Những người đàn bà có thai hoặc có con đang bú sữa mẹ, vì sợ bệnh hoạn chính bản thân họ, thì có quyền xả chay, nhưng bắt buộc sau đó phải ăn chay trả lại những ngày họ đứt.

¹⁷ Harom chay ngày nghỉ ngơi không chắc là ngày 30 tháng Saban hay 1 tháng Romadon?

Nếu họ sợ con bệnh tật, họ có quyền xá chay, nhưng bắt buộc sau đó phải ăn chay trả lại những ngày họ dứt và mỗi ngày phải bố thí khoảng 1/2 lít gạo cho người Islam nghèo khổ.

Những người đàn bà có Hiđ hoặc Nifas không bắt buộc phải trả Xăm bah dăng, nhưng bắt buộc phải ăn chay trả vào những ngày khác.

4. Những người giao hợp ban ngày tháng ăn chay, bắt buộc sau đó phải ăn chay trả lại những ngày dứt, và phạt 3 tháng ăn chay liên tiếp nữa.

Chú thích:

Ban ngày nhịn đói khát, nhịn tất cả việc làm không có phúc. Ban đêm sau khi xá chay, Xunat cho:

1. Ia ti kaf ở thánh đường.
2. Xăm bah dăng Ta ro wih.
3. Xăm bah dăng Xunat khác...
4. Đọc thánh kinh Qu'ran.
5. Srolawat Naby Roxun Muhammad.
6. Đọc Tas pih lần chuỗi hạt.

Ban ngày nếu làm các điều trên thì càng được nhiều phúc.

2.4. ZAKAT. (Bố thí)

Zakat là điều thứ tư của Rukun Islam

Zakat là của cải của mình một cách chắc chắn sau khi đã được làm trong sạch vào ngày phán xử.

Ollohu có phán trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Wa a tuz za ta ka.

Nghĩa là: Người hãy cho đi, phải của Zakat.

Naby Roxun Muhammad có nói:

Az za ka ta tro hu roh is lam

Nghĩa là Zakat là bốn phần của người Islam.

Naby Roxun Muhammad còn nói tiếp:

*La y ma na ly manh la sro la ta la hu wa la sro la ta li
manh; a za ka ta la hu.*

Nghĩa là: Không có đức tin là những người không Xăm bah dăng, và không có phúc Xăm bah dăng là những người có của nhưng không chịu Zakat (bố thí).

Naby Roxun còn nói thêm:

Muốn tốt đẹp của cải của mình từ Đuda đến Akhirot thì phải Zakat. Muốn thân phận mình hết bệnh thì phải uống thuốc và muốn phòng bệnh thì phải bố thí. Muốn tránh tất cả tai ương thì phải đưa hai tay cầu xin với Ollohu.

Những người nào có của, không chịu Zakat người đó là Kafir.

Zakat có 2 loại:

1. Zakat bản thân.
2. Zakat đồ vật, của cải của mình.

Zakat bản thân mình:

Zakat bản thân mình mỗi năm trong một tháng Romadon là bố thí sức khỏe của mình vì Ollohu và bản thân mình làm cho hoàn hảo phúc đức ăn chay cùng các sự đói khát mệt mỏi của mình bằng Zakat Fitr roh.

Mỗi năm vào cuối tháng Romadon, bắt buộc mỗi người phải Zakat Fitr roh một Ka tăng (4 lít) thức ăn chính, tùy theo từng vùng, từng nước (ví dụ: gạo của Việt Nam, ngũ cốc ở Trung cận đông...). Zakat này có 4 điều kiện sau:

1. Phải là người Islam.
2. Phải là người không làm nô lệ.
3. Thời gian Zakat từ mặt trời lặn đêm cuối tháng Romadon cho đến sáng Khotib đọc Khotr bah ngày Roda Fitr roh.
4. Không mắc nợ và thừa của dùng trong đêm và sáng ngày Roda Fitr - roh, cho chính bản thân mình và cho tất cả những người bắt buộc mình phải nuôi.

Bổn phận và thứ tự:

Mình phải Zakat cho:

1. Bản thân mình.
2. Vợ.
3. Con.
4. Cha ông.
5. Bà mẹ.
6. Con lớn (nếu nghèo).
7. Người giúp việc cho mình.

Zakat đồ vật của cải.

Mỗi năm bắt buộc người thừa đồ vật, của cải phải Zakat một lần.

A. Điều kiện

Có 5 điều kiện:

1. Người Islam.

2. Người không phải là nô lệ.
3. Đồ vật của cải phải trong sạch.
4. Đồ vật của cải được giáp năm.
5. Đồ vật của cải đúng Ni srob mức độ Zakat.

B. Loại đồ vật của cải:

Có 5 loại:

1. Bạc.
2. Vàng.
3. Ngũ cốc, lúa, ngô, khoai....
4. Súc vật.
5. Đồ vật, hàng hóa, của cải trong việc làm ăn sinh sống của mình.

C. Mức độ và tỷ lệ

1. Bạc:

a. Mức độ 200 (Đir hãm) là 200 đồng bằng bạc, cân theo cân Makkah.

Vì Naby Roxun Muhammad có nói:

Zakat gạo phải đo lường theo ka tăng Madinah, và cân bạc vàng phải theo cân Makkah.

Như vậy thời Ja hi ly dah, nghĩa là thời trước thời Roxun Muhammad và từ thời Muhammad đến nay, bạc có thay đổi vì 200 Đir hãm đem cân với bạc Makkah chỉ được 24 đồng bạc tròn, còn Mis col không thay đổi.

200 Đir hãm cân theo cân Makkah được 140 Mis col - nghĩa là 140 chỉ, tính ra mức độ bạc là 14 lượng và bắt buộc người đó phải Zakat 3 chỉ 5 phần.

b. Tỷ lệ 2,5%

Căn cứ theo quy định năm 1972, 24 đồng bạc Makkah đổi được 2500S đồng bạc Việt Nam thừa thiếu một đôi chút¹⁸. Trường hợp đồng bạc tăng hoặc giảm, cũng tính theo tỷ lệ trên để Zakat.

2. Vàng:

a. Mức độ: 20 Mis col là 2 lượng vàng theo thời hiện tại, bắt buộc phải Zakat 5 phân.

b. Tỷ lệ 2,5%.

Trường hợp bạc pha vàng tùy mình phân ra để tính Zakat, hoặc vàng pha đồng cũng thế.

Bạc vàng đã làm đồ dùng rồi, không Zakat, nhưng chỉ được phép dùng 2 lượng thôi.

3. Ngũ cốc:

Có 2 loại hạt:

* Loại hạt có vỏ để lâu được, dùng làm thức ăn chính theo từng nước như: lúa ở Việt Nam, lúa mì ở Pháp...

Mức độ: 40 gia, Zakat 4 gia.

Tỷ lệ: 10%.

* Loại hạt có vỏ để lâu được dùng làm thức ăn phụ như: đậu, ngô, khoa, sắn...

Mức độ: 20 gia, Zakat 2 gia.

Tỷ lệ: 10%.

Tỷ lệ trên đây chỉ áp dụng trong trường hợp cây trồng được sống tự nhiên nhờ mưa.

¹⁸ Theo cách tính của người Hồi giáo ở An Giang - Nam bộ Việt Nam thời Nguyễn Văn Thiệu - năm 1972.

Trong trường hợp, phải tốn công để tưới nước, tỷ lệ Zakat được giảm một nửa.

Mức độ: 20 gia, Zakat 1 gia.

Tỷ lệ: 5%.

4. Súc vật:

Có 5 loại súc vật phải Zakat.

a. Dê.

b. Cừu (Trừu).

c. Bò.

d. Trâu.

e. Lạc đà.

5 loại này được chia thành 3 lớp:

- Dê, cừu.

- Trâu, bò.

- Lạc đà.

Bảng liệt kê mức độ và tỷ lệ zakat súc vật.

Thứ tự	Lớp	Mức độ	Tỷ lệ
1	Dê - Cừu	40 con	1 con dê 2 tuổi hoặc 1 con cừu 1 tuổi
		120 con	2 con dê 2 tuổi
		200 con	3 con dê 2 tuổi
		400 con	4 con dê 2 tuổi
		Từ 400 con trở lên	Cứ 100 con, xuất ra 1 con
2	Bò - Trâu	30 con	1 con bò 1 tuổi hoặc

			1 con trâu 1 tuổi
		40 con	1 con bò 2 tuổi
		60 con	2 con bò 1 tuổi
		70 con	1 con bò 2 tuổi và 1 con trâu 1 tuổi
		80 con	2 con bò 2 tuổi
		90 con	3 con bò 1 tuổi
		100 con	2 con bò 1 tuổi và 1 con trâu 2 tuổi
		110	2 con bò 2 tuổi và 1 con trâu 1 tuổi
		120	4 con bò 1 tuổi hoặc 3 con bò 2 tuổi
		Từ 120 con trở lên	Cứ 10 con xuất ra 1 con.
3	Lạc Đà	5 con	2 con dê 3 tuổi
		10 con	3 con dê 3 tuổi
		15 con	3 con dê 3 tuổi
		20 con	4 con dê 3 tuổi
		25 con	1 con lạc đà 1 tuổi
		36 con	1 con lạc đà 2 tuổi
		46 con	1 con lạc đà 3 tuổi
		60 con	1 con lạc đà 4 tuổi
		76 con	2 con lạc đà 2 tuổi
		91 con	2 con lạc đà 3 tuổi

		121 con	3 con lạc đà 2 tuổi
		130 con	2 con lạc đà 2 tuổi và 1 con lạc đà 3 tuổi
		140 con	1 con lạc đà 2 tuổi và 2 con lạc đà 3 tuổi
		150 con	3 con lạc đà 3 tuổi
		160 con	4 con lạc đà 2 tuổi
		170 con	3 con lạc đà 2 tuổi và 1 con lạc đà 3 tuổi
		180 con	3 con lạc đà 2 tuổi và 2 con lạc đà 3 tuổi
		190 con	3 con lạc đà 3 tuổi và 1 con lạc đà 2 tuổi
		200 con	4 con lạc đà 3 tuổi hoặc 5 con lạc đà 2 tuổi.
		Nếu tăng lên	Cứ tính tăng lên

5. Đồ vật hàng hóa của cải trong việc làm ăn sinh sống.

Tất cả đồ vật, hàng hóa, của cải của tín đồ định dùng làm phương tiện sinh sống, đến cuối năm phải tính tiền vốn để zakat.

Mức độ: cũng giống như bạc

Tỷ lệ 2,5%

Niết zakat

Bắt buộc viết zakat Fitr - roh hoặc zakat vàng, bạc, súc vật...

Câu Niết phải đọc thành tiếng:

Ha za sroda co lu ma lij maf ru doh.

Niết trong lòng

Đây là Sro đa coh của tôi bị bắt buộc.

Người nhận của zakat:

Mình Sro đa coh cho những người mà Ollohu-Ta-Ala bảo, vì Ollohu có phán trong thánh kinh Qu'ran:

In na mas sro đa co tu lil fu co to y wal ma xa ky ni, wal a mi ly ma alay ha, wal mu al la fa ti cu lu bu hum, wa fir ri co bi, wal go ri my na wa fy xa by lil la hi wab xa by li.

Có 8 hạng người được nhận zakat:

1. Người Fy co ro người luôn thiếu hụt không được ai giúp đỡ.
2. Người Ma xa kyn người nghèo khi đói khi no.
3. Người A mil người làm việc Ollohu thí công.
4. Người Mukallaf người vào đạo Islam.
5. Người nô lệ cần tiền để chuộc thân.
6. Người thiếu nợ do làm việc tốt vì Ollohu.
7. Người đánh giặc đạo Islam.
8. Người lỡ đường thiếu thốn.

Người nhận của zakat phải Niết và nói: *Tôi nhận của zakat.*

Kết luận nếu miễn tiếc của cải và muốn nó tồn tại ở ngày sau, mình phải zakat, không khác chia của đó mình đã gửi đi trước, để ngày sau hưởng lộc.

Nếu không chịu zakat, nợ đó sẽ đeo đuổi mãi bên mình cho đến ngày phán xét.

2.5. HAJI - ĐI LÀM

Đi làm Haji vào tháng 12 Islam Hồi lịch Bay til la hil ha rom là điều thứ 5 của Rukun Islam.

Đi làm Haji là hành hương đến viếng nhà Ollohu, được Ollohu chứng nhận và tha tội lỗi.

Ollohu có phán trong kinh thánh Qu'ran:

Wa lil la hi a lanh na xi hij bay ti ma nis la tro a y lay hi xa by la.

Nghĩa là: Bắt buộc tất cả những người mạnh khỏe đi làm Haji tại Baytillah vì Ollohu.

Đi làm Haji và Um roh là bốn phận của người Islam. Kẻ nào nghi ngờ việc bắt buộc, kẻ đó thành Kafir.

Đi làm Haji có 2 cách:

Cách thứ nhất:

Từ các Naby Roxun trước như Naby Roxun A Dam (A lay bis xa lam) đi bộ từ xứ Hin đy đến Baytillah để làm Haji 10 năm. Trong lúc Naby Roxun A Dam Trowaf Haji. Thiên thần Jibbroil cho Naby Roxun A Dam biết: Tất cả thiên thần từ 7 lớp trời có Trowaf Baytillah này trước Roxun đã 7000 năm rồi.

Vậy làm Haji đó, từ Naby Roxun A Dam đến Naby Roxun Jibbroil liên tiếp đến Naby Roxun Muhammad là cách thứ nhất.

Cách thứ hai:

Làm Haji từ Naby Roxun Muhammad đến ngày tận thế là cách thứ hai. Và Olohu có phán trong kinh Qu'ran rằng:

Wa a tim mul hajj ah wal um rot a lil la hi.

Nghĩa là: Đi làm Haji và Um roh, vì Olohu-Ta-Ala và làm cho tốt đẹp 2 việc đó.

Bắt buộc nam và nữ đi làm Haji và Um roh, suốt đời người chỉ một lần thôi. Vì thời xưa, bà A Y XAH có hỏi Naby Roxun Muhammad:

Hal a lanh na xi ji ha dun.

Nghĩa là: Có phải bắt buộc đàn bà đi làm Haji hay không?

Naby Roxun Muhammad đáp:

Fa co la na am ji ha dun.

Nghĩa là: Phải đi làm Haji.

Roxun còn nói thêm:

Ly ic ta linh hil ji wal um ro ti.

Nghĩa là: Nhưng Olohu cấm tôi không được đánh giặc Đạo trong tháng làm Haji và Um roh.

Điều kiện đi làm Haji

Bắt buộc người đi làm Haji và Um roh phải tuân thủ 4 điều:

1. Người Islam.

2. Người Mukallaff.
3. Người không phải là nô lệ.
4. Người có tiền của và có sức khỏe.

Rukun Haji

Có 6 điều:

A. Ih rom¹⁹ từ My cot²⁰

Ih rom là Niết để làm Haji và Um roh từ My cot.

Ih rom có 2 loại:

1. Niết để làm Haji và Um roh

a. Câu Niết phải đọc thành tiếng:

Na way tul haj wal um rot a wa ah rom tu bi hi ma lil la hi ta ala.

Niết trong lòng:

Tôi làm Haji và Um roh, và tôi Ih rom với 2 việc đó, vì Ollohu.

b. Niệm (Niết) để làm Haji:

Câu Niết phải đọc thành tiếng:

Na way tul hajj a wa ah rom tu bi hy lil la hi ta ala.

Niết trong lòng:

Tôi là Haji và Tôi Ih rom với Haji đó, vì Ollohu.

¹⁹ Ih rom là tự mình cam kết với OLLOHU-TA-ALA không phạm bất cứ một lỗi nhỏ nào.

²⁰ My cot là ranh giới của Makkah và cũng là nơi bắt buộc người đi làm Haji phải Niết Ih rom.

c. Niệm (Niết) để là Um roh:

* Câu Niết phải đọc thành tiếng:

Na way tul um ro ta wa ah rom tu bi ha lil la hi ta ala.

* Niết trong lòng:

Tôi làm Um roh và tôi Ih rom với um roh đó, vì Ollohu.

Vì Naby Roxun Muhammad có nói:

Wa manh a ro da ay da hil la bi haj jinh wa um ro tin fal daf al.

Nghĩa là: Những người nào muốn Ih rom Haji và Um roh cứ Niết rồi làm.

Wa manh a ro da ay da hil la bi haj jinh fal daf al.

Nghĩa là người nào muốn Ih rom với Haji cứ Niết rồi làm.

Wa manh a ro da ay da hil la bi um ro tin fal daf al.

Nghĩa là: Người nào muốn Ih rom với Um roh cứ Niết rồi làm.

2. *Niét Ih rom Mutr lac:*

Chỉ Niết Ih rom mà thôi. Loại Niết này ít được dùng.

B. Wu Kuff Tai Ur Fah

Wu kuf: Chính bản thân mình phải đến nghỉ tạm ở đất Ur fah, Wactu từ Zu hur ngày mông 9 tháng Haji (ngày ur fah) đến Fa jar²¹ Sru buh ngày Roda (mông 10 tháng Haji) dù chỉ 5 phút cũng được.

Vì Naby Roxun Muhammad có nói:

²¹ Fa jar: Rạng đông sập vào đến Sru buh.

Manh ad ro ka a ro fa hu cob la ay datr li al faj ri fa cod ad ro kal haj ja.

Nghĩa là: Những người nào đến Ur fah trước khi Fa jar kể như người đó có Haji rồi.

C. Trowaf Baytillah.

Luật Trowaf có 8 điều khoản:

1. Ấu roh như Xăm bah dăng.
2. Phải sạch sê Hadas lớn và Hadas nhỏ.
3. Phải sạch sê thân thể, y phục và chỗ Trowaf.
4. Trong lúc Trowaf, Baytillah phải luôn luôn ở bên trái mình.
5. Phải bắt đầu Trowaf từ Ha ja rol as wad.
6. Niết trong Trowaf đó, đứng ngay Ha ja rol as wad.

Câu Niết phải đọc thành tiếng:

Na way tu anh atr wa fa bi ha zal bay ti xab anh ka mi lanh lil la hi ta ala. Olluhu awk bâr. (3 lần).

7. Phải Trowaf Baytillah bảy vòng chắc chắn.
8. Phải Trowaf trong Masjidil Harom và ngoài Baytillah.

D. Xa Y giữa Núi Sro fa và núi Mar wah.

Luật Xa Y có 4 điều khoản:

1. Phải bắt đầu Xa Y từ núi Sro fa đến núi Ma wah.
2. Bắt đầu từ Ma wah đến núi Sro fa.
3. Phải Xa Y đó được 7 lần (1 đi, 2 trở lại...) chắc chắn.

4. Phải Xa Y đó sau khi Trowaf Rukun. Và Trowaf Cu đum²².

Câu Niết phải đọc thành tiếng:

Nu way tu anh as a ma bay nas sro fa wal ma wa ta xah a ta as wa trính lil la hi ta ala. Ollohu ăk bār (3 lần).

Lòng Niết:

Tôi Xa Y giữa núi Sro fa và núi Ma wah, bảy lần vì Ollohu ăk bār. (3 lần).

Trong lúc Niết:

Đứng trên núi Sro fa hướng về Baytillah.

Nam giới cạo tóc, nữ giới cắt tóc, sau khi liệng Jum ro tul a co bah ngày Roda.

Vì Naby Roxun Muhammad có nói:

Lay xa a lanh nix a y hal kun, in na ma a lay da hi dat ta cos suor.

Nghĩa là: Không bắt buộc nữ giới cạo tóc, chỉ bắt buộc cắt tóc mà thôi.

Makroh: Nữ giới không chồng mà cạo tóc.

Harom: Nữ giới có chồng mà cạo tóc (lý do không xin phép chồng).

Xunat: Trong lúc cạo hoặc cắt tóc phải hướng về Kib lat.

F. Tartib: phải làm theo thứ tự.

Những bắt buộc trong lúc đi hành hương (Wajib Haji)

²² Trowaf Cu đum: Trowaf trình diện với OLLOHUU-TA-ALA: Tôi đến đây là tuân lệnh OLLOHUU-TA-ALA để thực thi mệnh lệnh.

Có 6 điều:

Bắt đầu từ Ur fah, nửa đêm (sáng Roda) tới Muz da li fah.

1. Dừng tại Muz da li fah thời hạn 5 phút cũng được, khoảng 3 giờ sáng (sáng tại Roda) để nhật 7 viên đá, đi liệng Jum ro tul a co bah.

2. Liệng Jum ro tul a co bah 7 lần. Mỗi lần chỉ liệng 1 viên đá. Liệng vào hố, sát cột Jum ro tul a co bah với Niết.

3. Liệng 3 Jum ro trong 3 ngày “tas ric”. Mỗi ngày liệng đá 3 jum ro. Mỗi 1 jum roh phải liệng viên đá đúng 7 lần. Mỗi lần liệng 1 viên.

Liệng đá phải theo thứ tự jum ro: 1, 2 và 3.

Trong lúc liệng đá, Xunat quay mặt về hướng Kib lat và đọc:

Bis mil la hi ol lo hu awk bar.

Wactu liệng đá 3 ngày Tas ric từ sau khi Zu lug đến trước khi Mag rib.

Xunat cho mình nhật đá liệng Jum roh trong 3 ngày Tas ric ở Wad y mah xa hoặc ở Mina.

Wady Mah xa là nơi Ollohu hành tội As ha bil fil. Wa đy Mah xa ở giữa Muz da li fah và Mina.

Wady Mah xa này cũng là nơi mà thời xưa, nhóm đó, mình phải chạy nhanh vì chỗ đó là nơi xử tội.

4. Ở lại Mina 3 đêm

Sau khi Xăm bah dâng Sru buh ngày Roda, Xu nat cho mình chịu khó đi một chút đến núi Muz da li fa vì ở núi này có một thánh đường tên là Mas a ril ha rom.

Tại nơi đây rất nhiều người đi làm việc tốt đẹp với Ollohu như: Xăm bah dăng Xunat, cầu nguyện, Sro đa coh²³, ăn xá nô lệ...

Nơi đây cầu xin được Must a rab nghĩa là được Ollohu-Ta-Ala chấp nhận rất nhiều. Vậy mình nên cầu nguyện cho thật nhiều và phải quay mặt về hướng Kib lat.

5. *Ih rom từ My cot.*

Trowaf Wida tau với Ollohu rằng mình đã làm xong bốn phận trước khi về nhà và cầu xin với Ollohu chấp nhận Amal y bad at của mình.

Những cấm kỵ trong lúc Ih rom (Ha rom trong Ih rom)

Có 6 điều:

1. Ha rom:

a. Nam giới:

Harom đầu đội. Đội y phục có đường may, đi giày bít chân hay mang tất hoặc bao tay.

b. Nữ giới:

Ha rom để đầu trần, che mặt đi xà cạp quần hoặc bao tay.

Ha rus: Mặc y phục có đường may.

2. Ha rom dùng dầu thơm, thoa trên áo cũng không được, nhưng ngửi thì không sao.

3. Ha rom thoa dầu trên tóc hoặc lông, một sợi cũng không được.

4. Ha rom làm mất một vật bất kỳ trong người của mình. Thí dụ như không cắt móng tay, gãi xây da...

²³ Sro đa coh: Bó thí.

5. Ha rom vợ chồng giao hợp hoặc cãi lộn với nhau.

6. Ha rom làm cho loài vật giết mình hoặc giết chúng, hoặc bẻ cành cây, nhổ cỏ...

Nếu vi phạm 1 trong 6 điều này, bắt buộc người đó phải trả Đam 1 con cừu.

Những nguyên tắc trong lúc Um Roh (Rukun Um Roh)

Rukun Um roh, có 5 điều:

1. Ih rom từ My cot.
2. Trowaf Baytillah.
3. Xa y giữa núi Sro fa và núi Ma wah.
4. Cạo hoặc cắt tóc.
5. Tar tib: theo thứ tự.

Những điều bắt buộc trong lúc Um Roh (Wajib Um Roh)

Có 2 điều:

1. Ih rom từ My cot.
2. Phải tránh tất cả việc Ha rom trong Ih rom của mình.

Viếng Madinah

Naby Roxun Muhammad có nói:

Ai hoàn tất việc làm Haji tại Makkah rồi không đi Madinah viếng Ta, kể như Haji đó không được trọn vẹn.

Roxun còn tiếp:

Manh za ro my da la mau ty ka ma za ro ny fy ha da ty.

Nghĩa là: Những người nào viếng Ta, sau khi Ta đã chết, cũng như viếng Ta lúc còn sống.

Và Roxun còn thêm:

Manh za ro cob ry bà du mầu ty wa ja bat la hu sa fa a ty.

Nghĩa là: Nhung người nào viếng phần mộ (cubur) của Ta, sau khi Ta chết bắt buộc Ta phải xin tội lỗi với Ollohu cho họ, và ai Xăm bah dâng trong Majid ta được 46 wactu, Ollohu sẽ ban phúc cho khỏi địa ngục và khỏi bị hành tội trong Cubur.

Nếu viếng ta cần nhớ từ Cubur ta đến Min bân ta là vườn Thiên đàng, nên Xăm bah dâng Xunat cầu nguyện với Ollohu đọc thánh kinh Qu'ran và Srolawwat Ta.

Ai Xăm bah dâng trong Majid ta, Ollohu sẽ ban phước 1 Wactu bằng Xăm bah dâng ở ngoài 1000 wactu (Chỉ trừ ở Majid Ha rom phúc còn nhiều hơn nữa).

Islam Y Man - Hi Xan

Bắt buộc người Mukallaf phải biết Rukun Islam, Rukun Y Man và Hi Xan.

Người Islam là người nhận làm theo tất cả Giáo luật Ollohu bảo Naby Roxun Muhammad truyền lại như: Xăm bah dâng, ăn chay, zakat, đi làm Haji tại Baytillah... Các việc này bắt buộc tất cả mọi người Islam đều phải thực hành. Còn như uống rượu, trai gái (Zina), nói dối, lừa gạt, ăn đồ hoặc vật Harom... bắt buộc mọi người Islam phải tránh xa.

Những người nào không chịu nhận làm việc bắt buộc và không chịu từ bỏ việc ngăn cấm, người đó là Kẻ ngoại đạo (Kafir).

Rukun Islam

Xin nhắc lại Rukun Islam gồm 5 điều:

1. Đọc Kalimah Sahadah Tauhid và Kalimah Sahadah Roxun cùng một lúc phải biết nghĩa, nếu Kafir vào đạo Islam cũng thế.

2. Xăm bah dăng cúi lạy Ollohu trong một ngày và một đêm năm Wactu.

3. Mỗi năm ăn chay tâm thần và thể xác phải nhịn trong một tháng Romadon.

4. Zakat mỗi năm một lần, nếu tiền của đến một độ ấn định.

5. Đi làm Haji tại Baytillah hil ha rom mỗi đời người một lần, nếu tiền của đến mức độ cho phép không nợ nần và có sức khỏe.

Nếu mình có đủ điều kiện mà không thi hành 5 điều trên đây, chưa có thể gọi họ là người Islam.

Sarotr Islam

Có 4 điều:

1. Sro bsr Kiên nhẫn chịu đựng tất cả những việc Ollohu đã định. Ollohu có phán trong thánh kinh Qu'ran:

In nol lo ha du hib bus sro bi rin.

Nghĩa là: Ollohu rất thương những người kiên nhẫn chịu đựng việc Ollohu đã định và chịu khó làm việc Ollohu bắt buộc.

2. Thi hành tất cả giáo luật Ollohu đã ban ra.

3. Làm theo lời Ollohu đã phán trong thánh kinh Qu'ran và làm theo lời Naby Roxun Muhammad đã bảo trong Hadis²⁴

4. Lòng ngay thẳng, trong sạch, phó thác tất cả cho Ollohu.

Ollohu có phán trong thánh kinh Qu'ran:

In nol lo ha du hib bul mu ta wak ki lin.

Nghĩa là: Ollohu rất thương những người nào phó thác cho Ollohu.

Đặc tính của người Islam (Tanh Da Islam)

Tanh da Islam²⁵ có 4 điểm:

1. Khiêm nhường.

2. Trong sạch từ lời nói và hành động, không nói dối, không lừa gạt...

3. Trong sạch từ thân xác: không gian tham, không ăn tiền lời cho vay...

4. Trong sạch từ nơi ruột: không chứa đựng các thức ăn, của cải ha rom hoặc của con mồi côi hay của người tàn tật...

Ollohu có phán trong thánh kinh Qu'ran:

Al la zy na da ku lu na am laid a ta ma zun manh.

Nghĩa là : Những người cậy mạnh ức hiếp yếu, ăn của con mồi côi vô điều kiện, Ollohu sẽ cho lửa địa ngục vào ruột ăn lại của đó.

In na ma da ku lu na fy bu tru ny him na râu wa xa das l'iu na xa y ro.

²⁴ HADIS sách ghi lại những lời nói của Naby Roxun MUHAMMAD.

²⁵ Tanh da Islam: nghĩa là những đặc điểm của người ISLAM.

Nghĩa là: Rồi chúng nói sẽ bị lửa địa ngục tên Xa yr.

Hồng Islam

Hồng Islam nếu phạm một trong 4 điều sau đây:

1. Làm nhưng không biết việc đó là được phúc hay phải tội.
2. Không hiểu luật, nhưng không chịu tìm học.

Naby Roxun Muhammad có nói:

Tro lu bal il mi far y do tun a la kun li mus li minh wa mus li ma tinh.

Nghĩa là: Học hành giáo luật của Ollohu đều bắt buộc tất cả mọi người Islam dù nam hay là nữ.

3. Biết tất cả giáo luật nhưng không chịu áp dụng.
4. Đối xử độc ác với người hiền lành và trung thành ngay Ollohu.

Nếu Islam được đầy đủ rồi, mà không có Y Man thì cũng chưa được hoàn hảo.

Naby Roxun Muhammad có nói:

Al is la mu a la ny da tinh wal y ma nu xir rinh fis sru dur.

Nghĩa là: Islam chỉ ở bên ngoài thôi, còn Y Man là đức tin thì chìm trong lòng người.

Roxun còn tiếp:

Đức tin ở trong lòng, miệng nói đúng với lòng mình và các hành động phải phù hợp với lòng mình chừng đó mới được trọn vẹn Islam và Y Man.

Trọn vẹn Y Man là do mình thực hành đầy đủ những việc bắt buộc. Những người nào không làm việc Ollohu bắt buộc, họ sẽ bị hành tội và những người nào làm đầy đủ sẽ được ban thưởng thiên đàng...

Roxun còn thêm:

Al y ma nu had dun la du zi du wa la dun co sru.

Nghĩa là: Đức tin đó có mức độ, không thừa mà cũng không thiếu.

Wa as lu hu sa ha da tu al la y la ha il lol lo hu wah da hu la sa ry ka la hu wa anh na mu ham ma danh ah du hu war o xu luh.

Nghĩa là: Gốc đức tin là lòng tin chắc chắn cùng miệng nói: Ollohu chỉ có Một mà thôi, không ai chung góp với Ollohu và lòng tin vững chắc cùng miệng nói: Roxun Muhammad là vị giáo chủ thi hành mệnh lệnh của Ollohu.

Wa had duh u as sro la lu was sraau mu mas za ka tu wal hajj u wa lul ji na ba tu.

Nghĩa là: Mức độ đức tin là Xăm bah dâng, ăn chay, zakat, đi làm Haji và tắm Wajib.

Giới luật của Y Man (Rukun Y Man)

Y Man là tin tưởng tất cả giáo luật Ollohu của Naby Roxun Muhammad truyền lại.

Naby Roxun Muhammad có nói:

Wa ar ka nul y ma xit ta tun.

Nghĩa là: Rukun Y Man có 6 điều.

A manh tu bil la hi wa ma la y ka ty hi wa ku tu bi hy war u xu li hy wal dau mil a khi ri wal cod ri khop ri by wa sâr ri hy mi nol la hi ta ala.

Nghĩa là: Tin tưởng Ollohu, Tin tưởng Ma lay kat. Tin tưởng Ki lab, Tin tưởng Roxun. Tin tưởng ngày Akhirot và tin tưởng tốt hay xấu đã định sẵn rồi.

1. Tin tưởng và phải nói: Ollohu có thật và duy nhất, chỉ có một Ollohu.

2. Tin tưởng và phải nói: Ollohu có vô số Ma lay kat Thiên thần, không ai có thể biết hết, chỉ một Ollohu biết mà thôi. Nhưng bắt buộc mọi tín đồ phải biết tên và nhiệm vụ của 10 vị thiên thần.

a. Jibbroil: Mang tin cho tất cả Roxun.

b. Mykail: Ban Risky lộc xuống theo mưa.

c. Izoil: Lấy hồn tất cả sinh linh.

d. Isrofil: Thối Xân ka ka la cho Tận thế.

e. Munkar và Nakir: Hai thiên thần này điều tra sau khi chết, bất cứ chết nơi nào.

g. Rokib: Ghi việc làm tốt, ở bên vai phải của mình.

h. Atid: Ghi việc làm tội lỗi, ở bên vai trái của mình.

i. Ridwal: Gìn giữ thiên đàng.

j. Zabanidah: Gìn giữ địa ngục.

10 thiên thần này là vua điều khiển tất cả các thiên thần khác, và cấp bậc được xếp theo thứ tự kể từ trên xuống.

Ma lay kat (Thiên thần) không phải nam cũng không phải nữ, không ăn uống, không ngủ... nghĩa là không có nhu cầu vật chất như loài người, chỉ lo làm tròn bốn phận Ollohu giao phó cho.

3. Tin tưởng và phải nói: Ollohu có vô số Kì tab. không ai có thể biết, chỉ một mình Ollohu biết mà thôi.

Tất cả Kitab mà Ollohu ban cho Roxun là 104 quyển. 100 quyển nhỏ gọi là Sru huf, được phân phối như sau:

- a. 50 quyển cho Roxun Sis
- b. 30 quyển cho Roxun Idris.
- c. 10 quyển cho Roxun Ibrohim.
- d. 10 quyển cho Roxun Mu Xa trước khi thêm quyển (Taurot).

Và bắt buộc cho mình biết tên 4 quyển Kinh được phân chia như sau:

- a. 1 quyển Tâu Rot cho Roxun Mu Xa bằng chữ I bro ni.
- b. 1 quyển Za Bur cho Roxun Đa Vud bằng chữ Kib tri.
- c. 1 quyển In Jil cho Roxun Y Xa bằng chữ Xi ri a ni.
- d. 1 quyển Qu'ran cho Roxun Muhammad bằng chữ A Rập.

Những điều chính yếu trong 103 quyển Kinh kể trên, được tổng kết trong một quyển kinh duy nhất là thánh kinh Qu'ran, ban cho Naby Roxun Muhammad. Và giáo luật Islam được áp dụng từ Naby Roxun Muhammad đến ngày tận thế không bao giờ thay đổi nữa. Còn việc phụng thờ Ollohu trong đạo Islam từ Naby Roxun ADam đến Naby Roxun Muhammad, liên tiếp đến ngày tận thế, đều thống nhất và luôn luôn không thay đổi.

Sau này, khi Naby Roxun Y Xa từ lớp trời thứ hai trở xuống thế gian vẫn phải áp dụng theo Thánh kinh Qu'ran.

Vì Ollohu có báo cho Naby Roxun Muhammad biết rằng:

Wa hu dul la ha wa la tus ri ku na bi hy say a.

Nghĩa là: Từ Roxun AĐam đến Tận Thế, chỉ được lay có một Ollohu duy nhất mà thôi, còn ngoài ra không có quyền thờ phụng hoặc lay bất kỳ ai khác.

Thờ phụng Ollohu chỉ có lòng trong sạch của mình mới xứng đáng là nơi để tôn thờ, còn những hình thức vật chất khác đều không có giá trị.

Nếu mình là người có hiếu nghĩa, mình tương nhớ công ơn tổ tiên, ông bà, cha mẹ, mình có quyền đưa hai tay cầu xin với Ollohu tha tội lỗi cho các đấng tiền nhân của mình, để được vào thiên đàng là quý lắm rồi.

Vì Ollohu có truyền trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Rob ba nâg fir la na wa ly ikh wa ni nal la zi na xa ba cu na bil y man.

Nghĩa là: Ollohu ôi! Xin tha tội lỗi cho chúng tôi còn sống đây, xin Ollohu thương xót chúng tôi, hãy tha tội lỗi cho tổ tiên, ông bà, cha mẹ, anh chị em đã chết trước tôi, nếu họ là những người có Đức tin Y Man.

4. Tin tưởng và phải nói: Ollohu có vô số Naby và Roxun, không ai có thể biết hết, chỉ một Ollohu biết mà thôi.

- | | |
|-----------------|-------------------|
| 1. Roxun A Dam. | 13. Roxun Su Ib |
| 2. I Dris | 14. Ha Run |
| 3. Nuh (Noé) | 15. Mu Xa (Moise) |
| 4. Hud | 16. Ii Das |

- | | |
|------------------|--------------------------|
| 5. Sro Lih | 17. H Da Xa |
| 6. Ibrohim | 18. Zul Kifly |
| 7. Lutr (Luther) | 19. Da Vud (David) |
| 8. Ismail | 20. Xu Lay Man (Salomon) |
| 9. Ishac | 21. Du Nus |
| 10. Da Cub | 22. Za Karia |
| 11. Ay Dub | 23. Dah Da |
| 12. Du Xuf | 24. Y Xa (Jesus) |
| | 25. Roxun Muhammad. |

5. Tin tưởng và phải nói: Ollohu có tạo ngày Akhirot, ngày mà Ollohu cho tất cả loài người chết từ thưở Tạo thiên lập địa đến lúc tận thế, đều sống lại để chờ phán xét tại Pa đăng Maxar và Ollohu ban thưởng cho những người Islam không phạm tội lỗi lúc sinh thời đã vào thiên đàng, thì được ở đó luôn, khỏi phải ra để chịu phán xử.

Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Al dau ma tuj za kul lu naf xim bi ma ka za bat la zul mal dau ma.

Nghĩa là: Ngày nay, Ollohu sắp ban thưởng cho mọi người về tất cả bao nhiêu việc mà họ đã làm ở thế gian, một cách công bằng và không nhầm lẫn phần của người nào.

6. Tin tưởng và phải nói: Tốt và Xấu Ollohu đã định trước khi tạo thiên lập địa.

Tốt: gồm tất cả việc tốt đẹp và có phúc đức.

Xấu: gồm tất cả các việc xấu xa tội lỗi.

Còn việc làm tốt hay xấu là do tự mình có trí khôn để lựa chọn.

Nếu làm tốt thì được vào thiên đàng, còn nếu làm xấu thì bị đày vào địa ngục, vì Ollohu đã hứa trong thánh kinh Qu'ran như thế rồi.

Những đặc tính của Y Man (Tanh Da Y Man)

Tanh da Y Man có 10 điểm:

1. Tôn quý Ollohu là không muốn làm trái ý Ollohu. Đức Thượng đế bảo làm thì làm nếu bảo không làm thì không ai dám trái.

2. Tôn quý tất cả Thiên thần (Ma lay kat), vì Ma lay kat không bao giờ phạm tội lỗi và mình phải rèn luyện tâm mình sao cho giống Ma lay kat.

3. Tôn quý thánh kinh Qu'ran và tất cả Kitab của Ollohu, vì thánh kinh Qu'ran và mỗi Kitab đều đúng trong thời kỳ của nó.

Chỉ có lỗi là do những người sống ở thời Kitab này, mà lại theo luật của Kitab Roxun trước.

Thí dụ: Chúng ta đang sống trong thời Naby Roxun Muhammad mà không theo luật thánh kinh Qu'ran mà lại theo luật Kitab Za Bur của Roxun Da Vud hoặc luật Kitab In Jil của Roxun Y Xa. Cũng như chúng ta sống trong thời vua này, nhưng còn áp dụng theo luật của các vua trước, hóa ra chúng ta phạm luật và có tội.

Tóm lại, chúng ta sống trong thời kỳ nào, phải theo Roxun và kinh thánh thời kỳ đó, vì trong tất cả Kitab đều có báo trước cho chúng ta biết sau khi chấm dứt một thời kỳ, sẽ có Roxun và Kitab mới mà người nào sống ở thời kỳ đó đều phải tuân theo.

Hiện tại chúng ta đang sống trong thời kỳ Tận Thế, chúng ta chỉ tuân theo kinh Qu'ran của vị giáo chủ cuối cùng là Naby Roxun Muhammad.

4. Tôn quý tất cả Naby và Roxun, vì tất cả Naby và Roxun suốt đời không bao giờ làm việc Ollohu cấm. Và mình phải noi theo gương sáng của các Roxun để trau dồi tâm tính.

5. Tôn quý tất cả thánh Waly, vì Waly là người cắt đứt sự liên hệ với trần gian, không muốn dính dấp chi đến cõi đời phù du ảo ảnh, chỉ lo làm Y ba đất với Ollohu mà thôi.

6. Hy vọng Ollohu sẽ ban Roh mat (phúc đức) cho mình, do mình không dám phạm lỗi với Ollohu.

Ollohu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

La tac na tru mir roh ma til la hi.

Nghĩa là: Các người đừng thất vọng về sự ban phúc của Ollohu cho các người.

7. Hy vọng sẽ khỏi bị hành tội, do mình làm việc tốt đẹp theo Ollohu phán bảo.

8. Phải tránh xa và chống lại với Say tron, kẻ mà Ollohu ghét và cũng là kẻ thù của nhân loại.

Ollohu có dạy trong thánh kinh rằng:

In nas say tro na la hum a du wan fall ta khi zu hu a da wa.

Nghĩa là Say tron là kẻ thù của các người. Vậy các người phải chống lại kẻ thù ấy.

9. Phải tránh xa và thù ghét tất cả việc Ollohu cấm.

10. Phải thương quý và tôn trọng tất cả việc tốt đẹp do Ollohu phán bảo.

Hồng Y Man.

Hồng Y Man nếu phạm 1 trong 10 điều sau đây:

1. Nghi ngờ hoặc nói Ollohu không phải là duy nhất.
2. Thay đổi giáo luật của Ollohu giao cho Naby Roxun Muhammad như: Trai gái (Zina), uống rượu... Roxun nói Harom, họ lại nói Ha lal²⁶.
 3. Đối xử độc ác, tàn phá muôn loài vật của thế gian. Thí dụ:
Đốn cây cối, hành hạ loài vật không lý do.
Tự tử
Hà hiệp hoặc giết người vô tội...
Giết người: Ollohu đã buộc tội khi họ vừa mới mưu toan.
4. Không sợ mất Đức Tin: Biết làm việc đó bị tội mà vẫn cứ làm.
 5. Gây tranh cãi giữa người Islam vì việc nhỏ mọn và quá 3 ngày không chịu hòa thuận lại, mà còn thù oán (nói về người có lỗi nhưng không chịu phục thiện).
Vợ chồng cãi nhau buộc phải hòa thuận với nhau trong khoảng thời gian tính từ khi áo ướm đem phơi chưa kịp khô.
6. Không sợ Ollohu sẽ hành tội.
7. Không hy vọng gì vào Ollohu và cứ chìm đắm trong tội lỗi.
8. Không Xâm bah dăng, không ăn chay...
9. Áp dụng ngoài giáo luật Islam.

²⁶ Ha Lal: không cấm.

10. Suốt đời mặc y phục không muốn cho người khác biết mình là người Islam.

Những việc làm tốt đẹp (Ih Xan)

Ih xan là làm việc tốt đẹp, nghĩa là làm tất cả mọi việc Ollohu bắt buộc hoặc làm việc Xunat. Trong lúc làm, lòng mọi tín đồ vẫn nghĩ rằng: Ollohu luôn luôn ở trước mặt mình. Mặc dù họ không thấy Ollohu, nhưng tín đồ cứ nói rằng: Ollohu lúc nào cũng thấy mình, thấy liên tục. Mình phải luôn luôn cố gắng để làm việc của Ollohu giao cho càng ngày càng thêm hoàn hảo.

Thí dụ: Tín đồ là người giúp việc cho chủ nhà, bất cứ việc gì họ cũng phải làm cẩn thận và cố gắng làm sao cho người chủ được hài lòng. Mặc dù chủ có vắng mặt, người ấy vẫn cứ làm như lúc chủ mình đang có mặt ở nhà.

Ollohu có dạy rằng:

Á y na ma tu wall u fa xam ma waj hull oh.

Nghĩa là: Bất cứ các người ở nơi đâu, vẫn cứ có Ollohu ở chỗ đó.

Những nghi thức cần thiết (Hukum)

Bắt buộc người Mukallaf phải biết Hukum Saro, Hukum Acol, Hukum Adat.

Quan niệm về người Mukallaf:

Người Mukallaf là người tới tuổi và có trí khôn.

Có 2 hạng người Mukallaf

1. Người Arif: Người có trí thông minh, biết suy nghĩ mọi việc.

2. Người Mu col lid có 2 thứ:

* Người ngu dốt.

* Người kém thông minh, ít suy nghĩ, hay nghe theo người khác.

Việc Y ba dạt hành đạo của người Arif, cố tìm học giáo luật Islam, được Ollohu chấp nhận.

Việc Y ba dốt của người Mu col lid, ngu dốt, không hiểu biết gì hết, cũng được Ollohu chấp nhận.

Còn người Mu col lid, tuy kém thông minh, nhưng có thể hiểu biết mà không chịu tìm học giáo luật Islam và hay nghe theo lời kẻ khác, việc Y ba dốt của họ Ollohu không nhận. Chỉ đến lúc nào, họ chịu tìm học, thì chừng đó, Ollohu mới chấp nhận Y ba dốt của họ.

Giáo luật về Saro (Hukum Saro)

Hukum Saro gồm tất cả giáo luật Ollohu đặt để cho những người Mukallaf.

Hukum Saro có 5 điều:

1. Wajib Saro.
2. Harom Saro
3. Xunat Saro
4. Makroh Saro.
5. Harus Saro.

Định nghĩa:

1. Wajib Saro làm thì Ollohu ban phúc, không làm thì Ollohu buộc tội.

Thí dụ: Xâm bah dăng Farrdu (bắt buộc).

Ăn chay Farrdu...

2. Harom Saro: Không làm thì Oллоhu ban phúc, làm thì Ngài bắt phạt.

Thí dụ: Trai gái (Zina), uống rượu, cờ bạc, nghiện hút...

3. Xunat Saro: Làm thì Oллоhu ban phúc, không làm thì Ngài không buộc tội.

Thí dụ: Xâm bah dăng Xunat.

Ăn chay Xunat.

Làm Haji Xunat.

4. Makroh Saro: Không làm thì Oллоhu ban phúc cho còn làm thì Oллоhu không buộc tội.

Thí dụ: Hút thuốc, ăn trâu, đánh răng ban ngày vào tháng Romadon...

5. Harus Saro: Làm thì Oллоhu không ban phúc, không làm thì Oллоhu cũng không buộc tội.

Thí dụ: ăn uống hàng ngày.

Bàn về sự công nhận trong trí tuệ (Hakum Acol)

Hakum Acol gồm tất cả luật Oллоhu đặt ở trong trí tuệ của mình, bắt buộc mình phải suy nghĩ, việc nào nên công nhận và việc nào không công nhận.

Hakum Acol có 6 điều:

* 3 điều về phần trí tuệ mình đối với Oллоhu.

* 3 điều về phần trí tuệ mình đối với thế gian.

Ba điều về phân trí tuệ mình đối với Ollohu:

1. Wajib Acol.
2. Mustahil Acol.
3. Harus Acol.

Định nghĩa:

1. Wajib Acol: Công nhận trong trí tuệ mình và nói có.

Thí dụ: Trí tuệ mình nhận thức và công nhận khi nói: Ollohu có thật và Ollohu có rất nhiều Srifat tốt đẹp hợp với Zat Ollohu.

2. Mustahil Acol: Không công nhận trong trí tuệ mình cho là có.

Thí dụ: Trí tuệ của tín đồ không nhận có Ollohu và đi công nhận có nhiều Thượng đế khác với Ollohu; hoặc nói Ollohu có vợ, có con...

3. Harus Acol: Có việc trí tuệ mình công nhận và cũng có việc tín đồ không thấy nhưng cũng vẫn công nhận, vì Ollohu có quyền.

Thí dụ: Ollohu có quyền tạo thế gian này: trí óc của tín đồ cũng công nhận.

Ollohu có quyền hủy diệt thế gian này trí óc của tín đồ cũng công nhận. Vì Ollohu có quyền.

B. Ba điều về trí tuệ mình đối với Thế gian:

1. Wu jub
2. Is ti ha lah.
3. Ja waz.

Định nghĩa:

1. Wujub: Công nhận trong trí tuệ tín đồ là có và nói có.

Thí dụ: Trí tuệ tín đồ công nhận và nói, khối đó không choán chỗ.

2. Istihalah: Không nhận trong trí óc mọi người cho là có.

Thí dụ:

Trí óc mọi người không nhận và nói: khối đó không choán chỗ.

3. Jawas: Việc có, trí tuệ mọi người cũng nhận và việc không có trí óc mình cũng vẫn nhận.

Thí dụ: Khối đó di động; trí óc mọi người cũng nhận.

Khối đó bất động; trí óc mọi người cũng nhận.

Luật thường ngày về nhận thức (Hukum Adat)

Hukum Adat gồm tất cả luật thường ngày về những việc có hoặc không có.

Thí dụ: Chúng ta nói bệnh của mình được chữa khỏi là do bản thân mình uống thuốc, còn không khỏi là do mình không uống thuốc.

Nhưng ngược lại, có lúc chúng ta uống thuốc mà không lành bệnh và có khi không uống thuốc thì lại lành bệnh. Đó là nhờ Ollohu chữa cho chứ không phải thuốc đó làm cho mình mạnh khỏe. Nếu như Ollohu không muốn cho mình lành bệnh thì dù có uống thuốc nhiều đến đâu, thuốc hay đến đâu cũng không thể lành bệnh được.

Hukum Adat có 3 điều:

1. Wajib Adat
2. Mustahil Adat.
3. Harus Adat.

Định nghĩa:

1. Wajib Adat: Nhận nói tất cả việc thường ngày hay diễn ra.

Thí dụ: Chúng ta nhận nói có bệnh, uống thuốc thì khỏe lại.

2. Mustahil Adat: Không nhận nói tất cả việc thường ngày hay xảy ra.

Thí dụ: Chúng ta không thường nói bệnh uống thuốc vào thì khỏe lại.

3. Harus Adat: Việc xảy ra chúng ta cũng nhận, và việc không xảy ra chúng ta cũng vẫn nhận.

Thí dụ: Bệnh uống thuốc thường hay khỏe mạnh mình cũng nhận, vì có rất nhiều người bệnh uống thuốc thì khỏe lại.

Bệnh uống thuốc mà không khỏi mình cũng vẫn nhận, vì cũng có rất nhiều người bị bệnh uống thuốc không phục hồi mà lại bị chết...

Cưới vợ theo quan niệm của người Hồi giáo (Hukum Ni Kah)

Người Islam nam và nữ muốn ăn ở với nhau phải theo Hukum Ni kah -nghĩa là Luật cưới vợ.

Ollohu có dạy trong Thánh kinh Qu'ran rằng:

Wa anh ki hut a da ma min kum was sro li hin.

Nghĩa là: Các người hãy cưới những cô gái nào Srilih²⁷.

²⁷ Srilih: Người cùng đạo ISLAM siêng năng là Y bad at và có đức tính tốt.

Việc cưới vợ, Ollohu không bắt buộc mà tùy ý mình. Nếu ai không thích cưới vợ, chỉ muốn ở một mình làm Y bad at thì làm Y bad at tốt hơn là cưới vợ, vì cưới vợ như thế là Mak rờh. Còn những người, vì không cưới vợ nên làm Y ba dat không vững tâm, thì Xunat cho cưới vợ.

Naby Roxun Muhammad có nói:

Anh ni ka hu xun ty fa mal lam dá mal bi xun na ty fa lay xa min ny.

Nghĩa là: Cưới vợ là cách mà Ta đã làm. Còn kẻ nào ăn ở với nhau không có cưới hỏi, kẻ như người đó không phải tín đồ (U mat) của Ta.

Hukum Nikah

Có 5 điều:

1. Phải có Waly: người đứng làm phép giao cô dâu cho chú rể.

Bắt buộc cha phải làm phép giao cho con gái, nếu không còn cha thì ông Nội, Nếu không còn ông Nội, thì anh hoặc em trai cùng cha mẹ với cô dâu, và còn nhiều trường hợp khác nữa.

2. Phải có 2 người làm chứng.

Người làm chứng Ni kah phải có 7 điều sau đây:

* Người Islam tới tuổi.

* Người có trí khôn.

* Người nam không mù, không điếc, không câm.

* Người không phải là nô lệ.

* Người không họ hàng thân thuộc với cô dâu và chú rể.

* Người không thù oán với cô dâu chú rể.

* Người Y ba dat.

Nếu không đủ 7 điều kiện trên sẽ không làm chứng Nikah được.

3. Phải có mặt chú rể.

Nếu chú rể đó còn đang chung sống với 4 vợ, thì không được cưới thêm nữa.

Hỏi: Người Islam có thể cưới bao nhiêu vợ?

Đáp: Có thể cưới 4 vợ, với sự đồng tình của các vợ trước. Nếu không có sự đồng ý thì Harom cưới.

4. Phải có mặt cô dâu:

Cô dâu này phải không có chồng.

5. Phải làm phép giao

Nếu cha gả con gái cho chàng rể, phải nắm bàn tay phải của chú rể mà nói:

Tao gả con gái tao tên là:..... cho mày, tiền đồng²⁸ là

Chàng rể phải trả lời ngay lúc đó:

Được tao bằng lòng hoặc tao đã nhận...

Nếu ông Nội gả cháu, thì nói:

Tao gả cháu tao tên là....

Bắt buộc cô dâu và chú rể phải biết Rukun Ni kah này. Khi sinh con được 7 ngày, cha mẹ phải đặt tên con và nên chọn tên tốt của những người làm Y bad at trước. Cha mẹ cầu xin với Ollohu cho con lớn lên để dạy và siêng năng làm Y ba dat trong sạch ngay với Ollohu.

²⁸ Số tiền hoặc vàng bạc... mà chú rể hứa cho cô dâu làm đính hôn.

Đứa bé phải theo phép cắt bì.

Việc Harom

Tất cả người Mukallaf Islam nam nữ có thể cưới hỏi nhau, Harom nói chuyện hoặc nhìn nhau.

Chỉ trừ 6 trường hợp sau đây:

- Nếu muốn cưới người đó, chỉ được nhìn mặt và tay chân.
- Làm chứng cho người đó vì việc bắt buộc.
- Hùn vốn với nhau làm ăn sinh sống.
- Dạy học.
- Chăm sóc bệnh nhân.
- Xử tội.

Việc cưới vợ rất hệ trọng suốt cả đời người. Thế nên trước khi cưới vợ, bắt buộc tín đồ phải chọn vợ trong 3 hạng người sau đây:

1. Dòng dõi Roxun.
2. Dòng dõi U la ma.
3. Dòng dõi Y ba dát.

Nếu đã lựa chọn và cưới vợ rồi, thì không được Trolác (bỏ vợ), vì Ollohu cấm và Naby Roxun Muhammad có nói:

Ta záu wa ju wa la tu troll li cua.

Nghĩa là: Cưới rồi thì đừng bỏ, vì Ollohu rất ghét những người bỏ vợ.

Nhưng nếu gặp trường hợp chồng khuyên vợ làm Y ba dát mãi, nhưng vợ không nghe lời, chồng bỏ vợ thì Harom ở lại với

vợ đó. Nếu muốn trở lại, bắt buộc vợ đó phải có một đời chồng khác và đã bỏ chồng đó rồi. Sau đó mới được Nikah trở lại.

Vì Olluhu có dạy trong thánh kinh Qu'ran rằng:

Fa in trol la co ha fa la ta hill u la hu min bad u hat ta tanh ki ha zâu janh goy ro hu.

Nghĩa là: Chừng nào người bỏ vợ rồi, không được ở lại, cho đến khi người vợ có chồng khác và đã bỏ ông ta, mới được trở lại.

Có trường hợp vợ khuyên chồng làm Y ba dát mãi, nhưng chồng không nghe, vợ có quyền bỏ chồng và hoàn lại tiền Đổng (tiền cưới) lúc làm phép giao, trước mặt hai nhân chứng.